**TỔNG HỢP HỎI ĐÁP PHÁP LUẬT MỚI**

**I. Tìm hiểu quy định pháp luật mới về chính sách phát triển giáo dục mầm non, chế độ khen thưởng đối với học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế; chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm và chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ em mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người**

**1. Loa truyền thanh cơ sở của xã vừa phát tin thông báo Nhà nước có chính sách đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp giáo dục mầm mon. Xin cho biết chính sách này có những nội dung cụ thể gì?**

**Trả lời:**

Vừa qua, Chính phủ ban hành Nghị định số105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non (Nghị định số 105/2020/NĐ-CP) có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2020. Theo đó, Điều 3 quy định những nội dung của chính sách đầu tư phát triển mạng lưới trường, lớp giáo dục mầm non như sau:

-Tăng cường nguồn lực từ ngân sách trung ương và ngân sách địa phương đầu tư cơ sở vật chất theo các chương trình, dự án để thực hiện mục tiêu kiên cố hóa trường, lớp giáo dục mầm non, bảo đảm yêu cầu đến năm 2025 đạt 01 phòng/nhóm, lớp; đầu tư xây dựng mới, bổ sung các hạng mục công trình theo hướng đạt chuẩn về cơ sở vật chất đối với giáo dục mầm non.

- Khuyến khích thu hút các nguồn lực của xã hội đầu tư phát triển cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non dưới mọi hình thức theo quy định của pháp luật.

- Bố trí dành quỹ đất xây dựng cơ sở giáo dục mầm non trong kế hoạch sử dụng đất đai của địa phương; củng cố, phát triển mạng lưới trường, lớp mầm non phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế; thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi.

**2. Xã N được xếp vào các xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hiện nay các trường mầm non của xã gặp rất nhiều khó khăn. Đề nghị cho biết trường mầm non tại địa bàn này được hưởng những chính sách ưu tiên gì?**

**Trả lời:**

Điều 4 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định chính sách ưu tiên phát triển giáo dục mầm non ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng khó khăn gồm có:

- Ưu tiên đầu tư kinh phí để xây dựng cơ sở giáo dục mầm non công lập ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm yêu cầu đến năm 2025 đạt 01 phòng/nhóm, lớp và đáp ứng yêu cầu kiên cố hóa trường lớp học.

- Cơ sở giáo dục mầm non công lập ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, xã thuộc vùng khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ được ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức nấu ăn cho trẻ em theo quy định.

- Hỗ trợ kinh phí tổ chức nấu ăn cho trẻ em:

+ Kinh phí hỗ trợ tổ chức nấu ăn cho trẻ em mầm non được tính trên số lượng trẻ em được ăn bán trú, tối thiểu bằng 2.400.000 đồng/01 tháng/45 trẻ em, số dư từ 20 trẻ em trở lên được tính thêm một lần mức hỗ trợ. Mỗi cơ sở giáo dục mầm non được hưởng không quá 05 lần mức hỗ trợ nêu trên/01 tháng và không quá 9 tháng/01 năm học.

+ Phương thức thực hiện: Hằng năm, cùng với thời điểm dự toán ngân sách nhà nước, căn cứ vào số trẻ em hiện có, cơ sở giáo dục mầm non công lập theo quy định tại khoản 2 Điều này lập dự toán theo quy định gửi về phòng giáo dục và đào tạo tổng hợp, gửi cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

**3.** **Cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động được hưởng chính sách đầu tư, ưu tiên gì theo quy định của pháp luật?**

**Trả lời:**

Điều 5 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định chính sách đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động, cụ thể như sau:

- Về đối tượng hưởng chính sách: Cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

- Về nội dung chính sách: Đối tượng hưởng chính sách được hỗ trợ trang bị cơ sở vật chất 01 lần, bao gồm: trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất để phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em. Mức hỗ trợ tối thiểu là 20 triệu đồng/cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

- Về phương thức thực hiện: Căn cứ quy định về nội dung chính sách nêu trên, căn cứ khả năng ngân sách địa phương và số lượng cơ sở giáo dục mầm non độc lập trên địa bàn thuộc diện được hỗ trợ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch, phương án hỗ trợ, phương án kiểm tra việc hỗ trợ và sử dụng kinh phí cho các cơ sở giáo dục mầm non độc lập trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt để

tổ chức thực hiện, bảo đảm việc hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoàn thành trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.

**4. Đề nghị cho biết tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển giáo dục mầm non được hưởng chính sách khuyến khích gì?**

**Trả lời:**

Điều 6 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển giáo dục mầm non như sau:

- Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư trong lĩnh vực giáo dục mầm non được hưởng các chính sách ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng và các chính sách khuyến khích xã hội hóa theo quy định của pháp luật.

- Nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư trong lĩnh vực giáo dục mầm non được hưởng các chính sách đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục mầm non theo hình thức đối tác công tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Cơ sở giáo dục mầm non công lập được thực hiện một số dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước bao gồm: dịch vụ bán trú, dịch vụ giáo dục mầm non ngoài giờ, dịch vụ đưa đón trẻ. Trong đó, dịch vụ bán trú là các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho trẻ em ăn, ngủ trưa tại cơ sở giáo dục mầm non. Dịch vụ giáo dục mầm non ngoài giờ là các dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em mầm non ngoài giờ chính khóa theo quy định của pháp luật. Dịch vụ đưa đón trẻ là các dịch vụ đưa đón trẻ em mầm non từ nơi ở đến cơ sở giáo dục mầm non và ngược lại.

**5. Đề nghị cho biết trẻ mẫu giáo thuộc đối tượng nào thì được hỗ trợ ăn trưa?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định trẻ em độ tuổi mẫu giáo (không bao gồm trẻ em dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ em mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người) đang học tại lớp mẫu giáo trong các cơ sở giáo dục mầm non được hỗ trợ ăn trưa khi bảo đảm một trong những điều kiện sau:

- Có cha hoặc có mẹ hoặc có người chăm sóc trẻ em hoặc trẻ em thường trú ở thôn đặc biệt khó khăn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Không có nguồn nuôi dưỡng được quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

- Là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Trẻ em là con liệt sĩ, con Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con thương binh, con người hưởng chính sách như thương binh, con bệnh binh; con một số đối tượng chính sách khác theo quy định tại Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có).

- Trẻ em khuyết tật học hòa nhập.

**6. Đi họp về, chị M - Trưởng hội phụ nữ tổ dân phố mừng ra mặt khi được phường thông báo Nhà nước vừa có chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mồ côi, bị bỏ rơi không có nguồn nuôi dưỡng. Từ nay, mấy đứa trẻ bị bỏ rơi đã có nguồn nuôi dưỡng. Xin cho biết những trường hợp được gọi là trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng?**

**Trả lời:**

Việc xác định trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, để xem xét, hỗ trợ ăn trưa cho trẻ được thực hiện theo quy định tại Điều 7Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, theo đó các trường hợp không có nguồn nuôi dưỡng gồm có:

- Trẻ em bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi.

- Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ; mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại mất tích theo quy định của pháp luật; mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội; mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Trẻ em có cả cha và mẹ mất tích theo quy định của pháp luật; cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội; cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội; cha hoặc mẹ mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Trẻ em có cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

**7. Bác tôi có con gái đang học trường mầm non. Gia đình bác là hộ nghèo trong thôn. Xin cho biết con gái của bác có thuộc diện hỗ trợ ăn trưa hay không? Nếu có thì mức hỗ trợ như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, trẻ em độ tuổi mẫu giáo đang học tại lớp mẫu giáo trong các cơ sở giáo dục mầm non được hỗ trợ ăn trưa nếu trẻ là nhân khẩu trong gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Mức hỗ trợ tiền ăn trưa là 160.000 đồng/trẻ/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

Căn cứ quy định nêu trên, con gái bác bạn thuộc diện được hỗ trợ ăn trưa theo chính sách hiện hành của Nhà nước.

**8. Trường mầm non K có một số cháu được hỗ trợ ăn trưa với mức 160.000 đồng/tháng trong 09 tháng của năm học. Sau khi thống nhất với hội phụ huynh, nhà trường đã giữ lại số tiền này và tổ chức nấu ăn trưa cho các cháu. Đề nghị cho biết nhà trường đã triển khai đúng quy định của pháp luật hay chưa?**

**Trả lời:**

Khoản 7 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định việc chi trả kinh phí hỗ trợ ăn trưa được thực hiện 2 lần trong năm học, lần 1 chi trả đủ 4 tháng vào tháng 11 hoặc tháng 12 hằng năm và lần 2 chi trả đủ các tháng còn lại vào tháng 3 hoặc tháng 4 hằng năm.

Căn cứ vào thực tế quản lý và cách tổ chức ăn trưa của nhà trường, lãnh đạo cơ sở giáo dục mầm non thống nhất với ban đại diện cha mẹ trẻ em để lựa chọn thực hiện theo một trong hai phương thức sau:

- Giữ lại kinh phí hỗ trợ để tổ chức bữa ăn trưa cho trẻ em (đối với các cơ sở giáo dục mầm non có tổ chức nấu ăn cho trẻ em).

- Chi trả trực tiếp bằng tiền mặt cho cha mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em theo quy định.

Trên cơ sở đó, sau khi thống nhất với ban đại diện cha mẹ trẻ em, trường hợp trường mầm non K có tổ chức nấu ăn thì được giữ lại kinh phí hỗ trợ ăn trưa nêu trên.

**9. Em gái tôi đang làm việc cho công ty X theo hình thức hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Con trai của em tôi hiện 04 tuổi đang học trường mầm non tư thục. Xin cho biết, cháu bé có được hưởng trợ cấp ăn trưa hay không? Hồ sơ phải nộp được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 8 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định chính sách trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp như sau:

- Về đối tượng hưởng chính sách: Trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.

- Về nội dung chính sách: Trẻ em thuộc đối tượng nêu trên được hỗ trợ tối thiểu 160.000 đồng/trẻ/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học. Mức hỗ trợ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

- Về hồ sơ gồm có: Đơn đề nghị trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động tại khu công nghiệp có xác nhận của đơn vị sử dụng lao động nơi cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em đang công tác; Giấy khai sinh hoặc sổ hộ khẩu hoặc giấy xác nhận tạm trú của trẻ em (Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực).

Căn cứ quy định nêu trên, con trai của chị bạn là con công nhân, người lao động làm việc tại khu doanh nghiệp nên được hưởng trợ cấp đối với trẻ em mầm non.

**10. Đề nghị cho biết việc chi trả trợ cấp ăn trưa đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Điểm b khoản 4Điều 8 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định cơ sở giáo dục mầm non chịu trách nhiệm tiếp nhận kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em thuộc diện được trợ cấp và chi trả kinh phí trợ cấp trực tiếp bằng tiền mặt cho cha mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em.

Trường hợp cha mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em chưa nhận được kinh phí hỗ trợ học phí theo thời hạn thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo. Trường hợp trẻ em thôi học, cơ sở giáo dục mầm non có trách nhiệm báo cáo phòng giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo trình Ủy ban nhân dân cấp huyện dừng thực hiện chi trả chính sách.

Thời gian chi trả thực hiện 2 lần trong năm học: lần 1 chi trả đủ 4 tháng vào tháng 11 hoặc tháng 12 hằng năm; lần 2 chi trả đủ các tháng còn lại vào tháng 3 hoặc tháng 4 hằng năm.

**11. Tôi nghe nói giáo viên mầm non ở địa bàn đặc biệt khó khăn sẽ được Nhà nước hỗ trợ tiền hàng tháng. Xin cho biết mức tiền hỗ trợ là bao nhiêu?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, giáo viên mầm non dạy tại điểm lẻ của cơ sở giáo dục mầm non công lập ở thôn đặc biệt khó khăn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, xã thuộc vùng khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ được hỗ trợ thêm một khoản bằng tiền là 450.000 đồng/tháng (bốn trăm năm mươi nghìn đồng một tháng). Muốn được hưởng khoản hỗ trợ này, giáo viên phải đáp ứng một trong các điều kiện như sau:

- Trực tiếp dạy 02 buổi/ngày tại các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo ghép từ hai độ tuổi trở lên.

- Trực tiếp dạy tăng cường tiếng Việt tại các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có trẻ em là người dân tộc thiểu số.

Tiền hỗ trợ được trả cùng với việc chi trả tiền lương của tháng và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Thời gian hưởng hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

**12. Giáo viên mầm non dạy lớp ghép, tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số được hưởng chính sách gì theo quy định của pháp luật?**

**Trả lời:**

Điều 9 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định về chính sách đối với giáo viên mầm non dạy lớp ghép, tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số. Theo đó, giáo viên mầm non dạy tại điểm lẻ của cơ sở giáo dục mầm non công lập ở thôn đặc biệt khó khăn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, xã thuộc vùng khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ trực tiếp dạy 02 buổi/ngày tại các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo ghép từ hai độ tuổi trở lên hoặc trực tiếp dạy tăng cường tiếng Việt tại các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có trẻ em là người dân tộc thiểu số hàng tháng được hỗ trợ thêm một khoản bằng tiền là 450.000 đồng/tháng. Thời gian hưởng hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

Tiền hỗ trợ được trả cùng với việc chi trả tiền lương của tháng và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

**13. Đề nghị cho biết định mức hỗ trợ tối thiểu hàng tháng cho giáo viên mầm non đang làm việc tại cơ sở mầm non tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp là bao nhiêu?**

**Trả lời:**

Mức hỗ trợ chogiáo viên mầm non đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP.

Theo đó, khi giáo viên đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật (Có trình độ chuẩn đào tạo chức danh giáo viên mầm non theo quy định; có hợp đồng lao động với người đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhóm trẻ/lớp mẫu giáo có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp) thì được hỗ trợ tối thiểu 800.000 đồng/tháng.

Số lượng giáo viên trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục được hưởng hỗ trợ được tính theo định mức quy định đối với các cơ sở giáo dục mầm non công lập hiện hành. Thời gian hưởng hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế trong năm học. Mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục với giáo viên và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

**14. Phương thức thanh toán số tiền hỗ trợ hàng tháng cho giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục có địa bàn có khu công nghiệp được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định cơ sở giáo dục mầm non chịu trách nhiệm tiếp nhận kinh phí và chi trả kinh phí hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho giáo viên. Thời gian chi trả thực hiện 2 lần trong năm học, trong đó lần 1 chi trả vào tháng 12 hằng năm và lần 2 chi trả đủ các tháng còn lại vào tháng 5 hằng năm.

Trường hợp giáo viên chưa nhận được kinh phí hỗ trợ theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo. Trường hợp giáo viên nghỉ việc, cơ sở giáo dục mầm non có trách nhiệm báo cáo phòng giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo trình Ủy ban nhân dân cấp huyện dừng thực hiện chi trả chính sách.

**15. Đề nghị cho biết chính sách hỗ trợ tài liệu và chi phí tập huấn đối với giáo viên mầm non dân lập, tư thục được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 11 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP quy định giáo viên mầm non (bao gồm cả hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, chủ nhóm, tổ trưởng chuyên môn) đang làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định được Nhà nước hỗ trợ tài liệu và chi phí tập huấn khi tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

Mức hỗ trợ của ngân sách thực hiện theo mức hỗ trợ đối với giáo viên công lập có cùng trình độ tham gia tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

**16. Khi tham gia kỳ thi quốc gia, quốc tế nào, học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải sẽ được khen thưởng?**

**Trả lời:**

Việc khen thưởng học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế thực hiện theoNghị định số 110/2020/NĐ-CP ngày 15/9//2020 của Chính phủ quy định chế độ khen thưởng đối với học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế (Nghị định số 110/2020/NĐ-CP). Theo đó, những đối tượng khen thưởng như sau:

- Học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải trong các kỳ thi quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức, gồm: Thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn học, thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật, thi kỹ năng nghề quốc gia.

- Học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải trong các kỳ thi quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định cử tham gia, gồm: Thi Olympic quốc tế các môn học, Olympic châu Á các môn học; thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật quốc tế; thi kỹ năng nghề thế giới, thi kỹ năng nghề châu Á, thi kỹ năng nghề Đông Nam Á.

**17. Muốn được tặng Huân chương Lao động hạng nhất, học sinh, sinh viên, học viên tham dự các kỳ thi quốc gia, quốc tế phải đạt thành tích gì?**

**Trả lời:**

Điều kiện tặng Huân chương Lao động hạng nhất cho học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải các kỳ thi quốc gia, quốc tế thực hiện theo quy địnhtại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 110/2020/NĐ. Theo đó học sinh, sinh viên, học viên phải đạt được một trong các thành tích sau đây:

- Hai lần liên tục đoạt Huy chương Vàng trong kỳ thi Olympic quốc tế các môn học.

- Hai lần liên tục đoạt giải nhất trong kỳ thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật quốc tế.

- Đoạt Huy chương Vàng trong kỳ thi kỹ năng nghề thế giới.

**18. Bạn M đã đoạt Huy chương Vàng trong kỳ thi Olympic Toán học quốc tế. Xin cho biết bạn M sẽ được khen thưởng như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 110/2020/NĐ-CP, Huân chương Lao động hạng nhì được tặng cho học sinh, sinh viên, học viên đạt một trong các thành tích:

- Đoạt Huy chương Vàng trong kỳ thi Olympic quốc tế các môn học.

- Đoạt giải nhất trong kỳ thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật quốc tế.

- Đoạt Huy chương Bạc trong kỳ thi kỹ năng nghề thế giới.

- Đoạt Huy chương Vàng trong kỳ thi kỹ năng nghề châu Á.

Căn cứ quy định nay, bạn M sẽ được tặng Huân chương Lao động hạng nhì.

**19. Đề nghị cho biết Huân chương Lao động hạng ba được tặng cho học sinh, sinh viên, học viên đạt thành tích gì trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 110/2020/NĐ-CP, Huân chương Lao động hạng ba được tặng cho học sinh, sinh viên, học viên đạt một trong các thành tích:

- Đoạt Huy chương Bạc trong kỳ thi Olympic quốc tế các môn học

- Đoạt giải nhì trong kỳ thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật quốc tế.

- Đoạt Huy chương Vàng trong kỳ thi Olympic châu Á các môn học.

- Đoạt Huy chương Đồng trong kỳ thi tay nghề thế giới.

- Đoạt Huy chương Bạc trong kỳ thi kỹ năng nghề châu Á.

**20. Vừa qua, cháu N tham dự kỳ thi Olympic Tin học châu Á đã đoạt Huy chương Bạc và vinh dự được nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Đề nghị cho biết cùng với trường hợp này, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ còn được tặng cho học sinh, sinh viên, học viên đạt thành tích gì?**

**Trả lời:**

Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 110/2020/NĐ-CP quy định học sinh, sinh viên, học viên đạt một trong các thành tích sau đây sẽ đủ điều kiện tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ:

- Đoạt Huy chương Đồng trong kỳ thi Olympic quốc tế các môn học hoặc giải ba trong kỳ thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật quốc tế hoặc Huy chương Bạc trong kỳ thi Olympic châu Á các môn học;

- Đoạt Huy chương Đồng trong kỳ thi kỹ năng nghề châu Á hoặc Huy chương Vàng trong kỳ thi kỹ năng nghề Đông Nam Á.

Căn cứ quy định này, cùng với Huy chương Bạc trong kỳ thi Olympic châu Á các môn học, học sinh, sinh viên, học viên sẽ được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trong một sô trường hợp khác như đã nêu trên.

**21. Xin cho biết học sinh, sinh viên, học viên được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội khi đạt được thành tích gì?**

**Trả lời:**

Khoản 5 Điều 3 Nghị định số 110/2020/NĐ-CP quy định Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được tặng cho học sinh, sinh viên đạt các thành tích:

- Đoạt Huy chương Đồng trong kỳ thi Olympic châu Á các môn học.

- Đoạt Huy chương Bạc hoặc Huy chương Đồng trong kỳ thi kỹ năng nghề Đông Nam Á.

- Đoạt giải khuyến khích, giải tư, chứng chỉ kỹ năng nghề xuất sắc, bằng danh dự (sau đây gọi chung là giải khuyến khích) trong các kỳ thi quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định cử tham gia, gồm: Thi Olympic quốc tế các môn học, Olympic châu Á các môn học; thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật quốc tế; thi kỹ năng nghề thế giới, thi kỹ năng nghề châu Á, thi kỹ năng nghề Đông Nam Á.

- Đoạt giải nhất hoặc giải nhì hoặc giải ba trong các kỳ thi quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức, gồm: Thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn học, thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật, thi kỹ năng nghề quốc gia.

**22. Học sinh đoạt Huy chương Vàng trong kỳ thi Olympic quốc tế sẽ được nhận mức tiền thưởng như thế nào?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 110/2020/NĐ-CP quy định học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải trong kỳ thi Olympic quốc tế các môn học được thưởng theo mức sau:

- Huy chương Vàng hoặc giải nhất: 55 triệu đồng;

- Huy chương Bạc hoặc giải nhì: 35 triệu đồng;

- Huy chương Đồng hoặc giải ba: 25 triệu đồng;

- Khuyến khích: 10 triệu đồng.

**23. Bạn Minh Anh tham gia kỳ thi kỹ năng nghề châu Á và đoạt Huy chương Bạc. Xin cho biết bạn Minh Anh được nhận mức tiền thưởng như thế nào?**

**Trả lời:**

Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 110/2020/NĐ-CP quy định học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải trong kỳ thi kỹ năng nghề châu Á được thưởng theo mức sau:

- Huy chương Vàng: 35 triệu đồng;

- Huy chương Bạc: 25 triệu đồng;

- Huy chương Đồng: 10 triệu đồng;

- Khuyến khích: 8 triệu đồng.

Căn quy định này, bạn Minh Anh được nhận mức tiền thưởng 25 triệu đồng.

**24. Đề nghị cho biết các mức tiền thưởng cho học viên đoạt giải trong kỳ thi kỹ năng nghề Đông Nam Á được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Các mức tiền thưởng cho học viên đoạt giải trong kỳ thi kỹ năng nghề Đông Nam Á thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 110/2020/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

- Huy chương Vàng: 25 triệu đồng;

- Huy chương Bạc: 10 triệu đồng;

- Huy chương Đồng: 8 triệu đồng;

- Khuyến khích: 5 triệu đồng.

**25. Các mức tiền thưởng cho học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải trong các kỳ thi quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Khoản 4 Điều 5 Nghị định số 110/2020/NĐ-CP quy định học sinh, sinh viên, học viên đoạt giải trong các kỳ thi quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức gồm thi chọn học sinh giỏi quốc gia các môn học, thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật, thi kỹ năng nghề quốc gia được thưởng theo mức sau:

- Giải Nhất: 4 triệu đồng;

- Giải Nhì: 2 triệu đồng;

- Giải Ba: 1 triệu đồng.

**26. Mức tiền thưởng cho học sinh, sinh viên, học viên là người dân tộc thiểu số, người khuyết tật đoạt giải trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Mức tiền thưởng cho học sinh, sinh viên, học viên là người dân tộc thiểu số, người khuyết tật đoạt giải trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế thực hiện quy định tại Khoản 6 Điều 5 Nghị định số 110/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Học sinh, sinh viên, học viên là người dân tộc thiểu số ***hoặc*** là người khuyết tật đoạt giải trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế sẽ được hưởng ***1,5 lần*** mức thưởng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 5 Nghị định số 110/2020/NĐ-CP.

- Trường hợp học sinh, sinh viên, học viên là người dân tộc thiểu số ***và*** là người khuyết tật đoạt giải trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế sẽ được hưởng ***02 lần*** mức thưởng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Nghị định số 110/2020/NĐ-CP.

**27. Vừa qua Nhà nước ban hành chính sách hỗ trợ học phí cho sinh viên sư phạm. Đề nghị cho biết sinh viên sư phạm thuộc trường hợp cụ thể nào sẽ được hưởng chính sách này?**

**Trả lời:**

Chính sách hỗ trợ học phí cho sinh viên sư phạm được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm (Nghị định số 116/2020/NĐ-CP).

Theo đó việc hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt được áp dụng đối với sinh viên học trình độ đại học, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên theo hình thức đào tạo chính quy, liên thông chính quy và sinh viên học văn bằng thứ 2 theo hình thức đào tạo chính quy trình độ đại học, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên có kết quả học lực văn bằng thứ 1 đạt loại giỏi.

**28. Mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt cho sinh viên sư phạm được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 4 Nghị định số 116/2020/NĐ-CP quy định mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt cho sinh viên sư phạm như sau:

- Nà nước hỗ trợ tiền đóng học phí bằng mức thu học phí của cơ sở đào tạo giáo viên nơi theo học; được hỗ trợ 3,63 triệu đồng/tháng để chi trả chi phí sinh hoạt trong thời gian học tập tại trường.

- Thời gian hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt được xác định theo số tháng thực tế học tập tại trường theo quy định, nhưng không quá 10 tháng/năm học. Trong trường hợp tổ chức giảng dạy theo học chế tín chỉ, cơ sở đào tạo giáo viên có thể quy đổi mức hỗ trợ cho phù hợp với học chế tín chỉ. Tổng kinh phí hỗ trợ của cả khóa học theo học chế tín chỉ không vượt quá mức hỗ trợ quy định cho khóa học theo năm học.

**29. Đề nghị cho biết sinh viên sư phạm phải bồi hoàn kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt trong những trường hợp nào?**

**Trả lời:**

Việc bồi hoàn kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 116/2020/NĐ-CP, cụ thể:

- Sinh viên sư phạm đã hưởng chính sách không công tác trong ngành giáo dục sau 02 năm kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp;

- Sinh viên sư phạm đã hưởng chính sách và công tác trong ngành giáo dục nhưng không đủ thời gian công tác theo quy định (trong thời hạn 02 năm kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp, sinh viên sư phạm công tác trong ngành giáo dục và có thời gian công tác tối thiểu gấp hai lần thời gian đào tạo tính từ ngày được tuyển dụng).

- Sinh viên sư phạm được hưởng chính sách đang trong thời gian đào tạo nhưng chuyển sang ngành đào tạo khác, tự thôi học, không hoàn thành chương trình đào tạo hoặc bị kỷ luật buộc thôi học.

**30. Đề nghị cho biết sinh viên sư phạm không phải bồi hoàn kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt trong những trường hợp nào?**

**Trả lời:**

Các trường hợp sinh viên sư phạmkhông phải bồi hoàn kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 116/2020/NĐ-CP, cụ thể:

- Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp, sinh viên sư phạm công tác trong ngành giáo dục và có thời gian công tác tối thiểu gấp hai lần thời gian đào tạo tính từ ngày được tuyển dụng.

- Sinh viên sư phạm sau khi tốt nghiệp đang công tác trong ngành giáo dục, nhưng chưa đủ thời gian theo quy định nêu trên và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều động bố trí công tác ngoài ngành giáo dục.

- Sinh viên sư phạm sau khi tốt nghiệp tiếp tục được cơ quan đặt hàng, giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu cử đi đào tạo giáo viên trình độ cao hơn và tiếp tục công tác trong ngành giáo dục đủ thời gian quy định (trong thời hạn 02 năm kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp, sinh viên sư phạm công tác trong ngành giáo dục và có thời gian công tác tối thiểu gấp hai lần thời gian đào tạo tính từ ngày được tuyển dụng).

**31. Đang học giữa kỳ năm thứ 2 của Đại học sư phạm thì K bị ốm kéo dài nên phải dừng học một tháng. Đề nghị cho biết khi K đi học trở lại thì có tiếp tục đượ hưởng chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt hay không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 116/2020/NĐ-CP, sinh viên sư phạm dừng học do ốm đau, tai nạn, học lại, lưu ban (không quá một lần) hoặc dừng học vì lý do khác không do kỷ luật hoặc tự thôi học, được cơ sở đào tạo giám viên xem xét cho tiếp tục học theo quy định thì tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt, nhưng thời gian hưởng không vượt quá thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo.

Căn cứ quy định, trường hợp của K sau khi đi học trở lại sẽ được tiếp tục hưởng chính sách hỗ trợ tiền học phí và chi phí sinh hoạt cho sinh viên sư phạm theo quy định của pháp luật.

**32. Đang học sư phạm năm thứ 3 thì M bị kỷ luật buộc thôi học. Trong thời gian học tại trường, M được nhà nước hỗ trợ đóng tiền học phí và chi phí sinh hoạt hàng tháng. Đề nghị cho biết việc thực hiện bồi hoàn số tiền này được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 116/2020/NĐ-CP quy định sinh viên sư phạm được hưởng chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt bị kỷ luật thôi việc phải bồi hoàn toàn bộ kinh phí đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Nhà trường sẽ thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thu hồi kinh phí đã hỗ trợ cho sinh viên.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, sinh viên hoặc gia đình phải có trách nhiệm liên hệ với cơ quan thu hồi kinh phí bồi hoàn để làm thủ tục bồi hoàn. Thời hạn phải thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn kinh phí hỗ trợ tối đa là 4 năm, kể từ khi sinh viên sư phạm nhận được thông báo bồi hoàn kinh phí.

Trường hợp sinh viên hoặc gia đình chậm thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn quá thời hạn quy định thì phải chịu lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định đối với khoản tiền chậm bồi hoàn. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không quy định lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn thì phải chịu lãi suất áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam tại thời điểm thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn.

Theo đó, trường hợp của M bị kỷ luật buộc thôi học và phải thực hiện bồi hoàn kinh phí hỗ trợ đóng học phí và chi phí sinh hoạt theo quy định nêu trên.

**33. Tôi được biết nhà nước có chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người đang học tập tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Xin hỏi sách này được áp dụng cho đối tượng thuộc dân tộc nào?**

**Trả lời:**

Đối tượng hưởng chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ em mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ.

Theo đó, khoản 1 Điều 2 Nghị định này quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập được áp dụng cho trẻ em mẫu giáo, học sinh, sinh viên thuộc 16 dân tộc có số dân dưới 10.000 người, bao gồm: Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bố Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ơ Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ. Đây là những đan tộc được gọi là dân tộc thiểu số rất ít người.

**34. Đề nghị cho biết trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người được hưởng chính sách ưu tiên tuyển sinh nào theo quy định của pháp luật?**

**Trả lời:**

Điều 3 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP quy định trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người được ưu tiên vào học tại các cơ sở giáo dục phù hợp theo nguyện vọng, cụ thể:

- Trẻ mẫu giáo được học tại các trường mầm non; trường, lớp mẫu giáo công lập.

- Học sinh tiểu học được học tại các trường phổ thông dân tộc bán trú, trường tiểu học.

- Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học được vào học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường trung học cơ sở.

- Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tuyển thẳng vào học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường trung học phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp và trung cấp.

- Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông được xét tuyển thẳng vào học tại các trường, khoa dự bị đại học, các cơ sở giáo dục đại học, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

**35. Mức hỗ trợ và thời gian được hưởng chính sách hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Mức hỗ trợ và thời gian hưởng chính sách hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP, cụ thể:

- Về mức hỗ trợ:

+ Trẻ mẫu giáo dân tộc thiểu số rất ít người học tại các cơ sở giáo dục mầm non được hưởng mức hỗ trợ học tập bằng 30% mức lương cơ sở/trẻ/tháng.

+ Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người học tại các trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông được hưởng mức hỗ trợ học tập bằng 40% mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

+ Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người học tại các trường phổ thông dân tộc bán trú hoặc là học sinh bán trú học tại trường phổ thông công lập có học sinh bán trú được hưởng mức hỗ trợ học tập bằng 60% mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

+ Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú được hưởng mức hỗ trợ học tập bằng 100% mức lương cơ sở/học sinh/tháng.

+ Học sinh sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người học tại các trường, khoa dự bị đại học, các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp được hưởng mức hỗ trợ học tập bằng 100% mức lương cơ sở/người/tháng.

- Về thời gian được hưởng hỗ trợ: 12 tháng/năm cho đối tượng có thời gian học đủ 9 tháng/năm trở lên. Trường hợp đối tượng học không đủ 9 tháng/năm thì được hưởng theo thời gian học thực tế.

**II. Tìm hiểu quy định pháp luật mới về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí**

**1. Những hành vi nào bị coi là vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí?**

**Trả lời:**

Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí quy định các hành vi sau đây được coi là vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí, bao gồm:

a) Hành vi vi phạm trong lĩnh vực dầu khí, thăm dò, khai thác dầu khí (bao gồm việc thực hiện các công việc tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ, thu dọn công trình dầu khí, xây dựng, lắp đặt, vận hành công trình khai thác dầu khí, lọc dầu, hóa dầu, xử lý và chế biến dầu khí, tàng trữ, vận chuyển sản phẩm dầu khí và dịch vụ kỹ thuật phục vụ trực tiếp cho các công việc nêu trên);

b) Hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh xăng dầu;

c) Hành vi vi phạm quy định về kinh doanh xăng dầu

d) Hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh khí;

đ) Hành vi vi phạm quy định về kinh doanh khí

Các hành vi vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí về bảo vệ môi trường; tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm,

hàng hoá; phòng cháy và chữa cháy tại các công trình dầu khí, cơ sở kinh doanh xăng dầu và khí; đăng ký giá, kê khai giá bán xăng dầu và khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG); công khai thông tin về giá bán xăng dầu và khí, Quỹ bình ổn giá xăng dầu thì áp dụng quy định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan.

**2. Ông Koski là công dân nước Nga hiện đang là kỹ sư công ty liên doanh khai thác dầu khí tại tỉnh T, trong quá trình lắp đặt giàn khoan ông có 1 số hành vi vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đề nghị cho biết việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí áp dụng với đối tượng nào? Hành vi của ông Koski sẽ áp dụng xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật Việt Nam hay theo quy định của nước công dân vi phạm mang quốc tịch?**

**Trả lời:**

Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí áp dụng với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP bao gồm:

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:

a) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp gồm: Doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và các đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp (chi nhánh, văn phòng đại diện);

b) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã gồm: Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Tổ chức được thành lập theo quy định của Luật Đầu tư gồm: Nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam;

d) Các tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

3. Hộ kinh doanh, hộ gia đình thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị xử phạt vi phạm như đối với cá nhân.

Đối chiếu với quy định trên, ông Koski thuộc đối tượng áp dụng theo quy định tại Nghị định số 99/2020/NĐ-CP, vì vậy hành vi vi phạm của ông Koski sẽ áp dụng quy định tại Nghị định này để xử phạt vi phạm hành chính.

**3. Hành vi vi phạm quy định về hoạt động thăm dò dầu khí bị xử phạt như thế nào theo quy định của pháp luật?**

**Trả lời:**

Hành vi vi phạm quy định về hoạt động thăm dò dầu khíbị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tạiĐiều 6 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP như sau:

1. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi không nộp tài liệu và mẫu vật thu được trong quá trình khoan cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

2. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với hành vi khoan ra ngoài diện tích ghi trong hợp đồng dầu khí khi cơ quan có thẩm quyền chưa cho phép mà chưa phát sinh các nguồn lợi hoặc số tiền thu lợi bất hợp pháp dưới 100.000.000 đồng.

3. Phạt tiền từ 400.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng đối với hành vi tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò dầu khí khi hợp đồng dầu khí hoặc chương trình công tác và ngân sách hàng năm chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt mà chưa phát sinh các nguồn lợi hoặc số tiền thu lợi bất hợp pháp dưới 100.000.000 đồng.

4. Phạt tiền từ 600.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng đối với hành vi tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò dầu khí tại khu vực nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuyên bố cấm hoặc tạm thời cấm mà chưa phát sinh các nguồn lợi hoặc số tiền thu lợi bất hợp pháp dưới 100.000.000 đồng.

5. Phạt tiền từ 1.800.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với hành vi xâm phạm vùng thuộc đất liền, hải đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm nghiên cứu, tìm kiếm thăm dò dầu khí mà chưa phát sinh các nguồn lợi hoặc số tiền thu lợi bất hợp pháp dưới 100.000.000 đồng.

6. Phạt tiền bằng mức tiền phạt tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 5 Điều này trong trường hợp số tiền thu lợi bất hợp pháp từ 100.000.000 đồng trở lên mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này;

b) Trục xuất đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm quy định tại khoản 4, 5 và 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, 3, 4 và 6 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này.

**4. Tôi là nhân viên hành chính của Công ty X, trong thời gian làm việc tại công ty tôi phát hiện hàng năm công ty không lưu giữ các sổ sách ghi chép việc khai thác dầu khí. Hỏi, hành vi này có bị coi là vi phạm pháp luật không?**

**Trả lời:**

Hành vi của Công ty X đã vi phạm quy định tại Điều 7 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP, trong đó quy định cụ thể hành vi không lưu giữ sổ sách ghi chép về các hoạt động phát triển mỏ, khai thác dầu khí, công tác đo lường thiết bị, đo lưu lượng tổng hoặc thiết bị kiểm tra lưu lượng, theo quy định bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

**5. Công ty liên doanh Sinha được cấp phép khai thác dầu khí tại Việt Nam, tuy nhiên 100% sản lượng khai thác hàng năm công ty xuất ra thị trường châu âu, và không bán cho các doanh nghiệp trong nước vì cho rằng giá cả thấp hơn thị trường nước ngoài. Để đảm bảo ổn định và cung cấp đủ nhu cầu dầu trong nước, pháp luật quy định như thế nào về vấn đề này?**

**Trả lời:**

Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP quy định hành vi vi phạm quy định về hoạt động phát triển mỏ và khai thác dầu khí, theo đó phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện yêu cầu của Chính phủ Việt Nam về việc bán dầu thô và khí thiên nhiên tại thị trường Việt Nam;

b) Không thực hiện đúng nội dung kế hoạch phát triển mỏ, kế hoạch khai thác sớm dầu khí đã được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt.

Căn cứ quy định tại điểm a nêu trên, nếu doanh nghiệp khai thác dầu khí không thực hiện theo yêu cầu thì sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính từ 300.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng.

**6. Pháp luật quy định xử phạt như thế nào đối với hành vi vi phạm quy định** **về hoạt động kết thúc dự án tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí?**

**Trả lời:**

Điều 8 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính như sau:

1. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi không trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kế hoạch thu dọn cho việc tháo dỡ các công trình cố định phục vụ hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí theo quy định.

2. Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không tiến hành tháo dỡ các công trình cố định phục vụ hoạt động tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí theo kế hoạch thu dọn cho việc tháo dỡ các công trình đó đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Không thực hiện đúng quy định về bảo quản và hủy giếng khoan dầu khí.

**7. Hành vi vi phạm quy định về an toàn, an ninh dầu khí bị xử lý như thế nào theo quy định của pháp luật?**

**Trả lời:**

Hành vi vi phạm quy định về an toàn, an ninh dầu khí bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP như sau:

1. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không xây dựng, không duy trì hoặc không phát triển hệ thống quản lý an toàn theo quy định;

b) Không xây dựng đầy đủ các tài liệu quản lý an toàn bao gồm: Chương trình quản lý an toàn, Báo cáo đánh giá rủi ro, Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo quy định.

2. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thiết lập vùng an toàn và không duy trì tín hiệu an toàn cho các công trình phục vụ hoạt động dầu khí theo quy định.

b) Đưa các công trình tìm kiếm thăm dò, khai thác vào vận hành nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và môi trường theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

c) Thả neo trái phép các phương tiện tàu, thuyền trong phạm vi 02 hải lý tính từ rìa ngoài cùng của công trình dầu khí biển

d) Xâm nhập trái phép hoặc tiến hành các hoạt động dưới bất kỳ hình thức nào trong vùng an toàn dầu khí của các công trình dầu khí trên biển khi chưa được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

3. Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng đối với hành vi cản trở việc tiến hành hợp pháp các hoạt động tìm kiếm thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí.

4. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động của công trình tìm kiếm thăm dò, khai thác từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

**8. Nhằm bảo vệ môi trường cho cả hệ sinh thái trên cạn và dưới nước, pháp luật quy định xử lý như thế nào đối với hành vi vi phạm về ứng phó sự cố tràn dầu?**

**Trả lời:**

Đối với hành vi vi phạm về ứng phó sự cố tràn dầu, Điều 10 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP quy định xử lý như sau: Các hành vi vi phạm quy định về ứng phó sự cố tràn dầu bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

**9. Để bảo đảm an toàn các công trình dầu khí trên đất liền, pháp luật quy định các hoạt động nào không được thực hiện trong khoảng cách an toàn và mức xử phạt vi phạm được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 11 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP quy định những hành vi dưới đây nếu vi phạm trong khoảng cách an toàn đối với công trình dầu khí trên đất liền sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính với các mức như sau:

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện hoạt động có nguy cơ gây hại trực tiếp hoặc gián tiếp đến sự an toàn của công trình dầu khí sau đây:

a) Các hoạt động có khả năng gây cháy nổ, sụt lún trong phạm vi khu vực ảnh hưởng tính từ ranh giới hành lang an toàn đến ranh giới khu vực ảnh hưởng;

b) Trồng cây lâu năm trong hành lang an toàn công trình dầu khí trên đất liền;

c) Thải các chất ăn mòn;

d) Neo đỗ của các phương tiện, thiết bị có thể gây ảnh hưởng đến an toàn của công trình dầu khí.

2. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không xây dựng, duy trì quy trình vận hành, bảo dưỡng, quy định an toàn và quy trình xử lý sự cố;

b) Không lập kế hoạch bảo dưỡng, tổ chức kiểm tra, sửa chữa hư hỏng;

c) Đưa công trình dầu khí, hệ thống tuyến ống vào vận hành khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép;

d) Không duy trì các biển báo, biển cấm theo quy định để đảm bảo an toàn cho công trình, hành lang tuyến ống.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này.

**10. Pháp luật quy định xử phạt như thế nào để các tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm việc cung cấp thông tin và báo cáo định kỳ về tình hình, kết quả khai thác dầu khí?**

**Trả lời:**

Điều 12 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP quy định cụ thể về mức phạt đối với hành vi vi phạm quy định về báo cáo và cung cấp thông tin như sau:

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không gửi một trong các tài liệu sau đây theo quy định: Báo cáo định kỳ quý, năm về sản lượng khai thác, thành phần, tỷ lệ dầu khí khai thác của từng mỏ, từng đối tượng khai thác, khối lượng dầu khí đốt bỏ;

b) Không báo cáo tình hình thực hiện các dự án về hoạt động dầu khí hoặc báo cáo sự kiện quan trọng, sự cố liên quan đến hoạt động dầu khí

c) Không báo cáo về công tác quản lý an toàn và các biện pháp phòng ngừa;

d) Không báo cáo về các sự cố, tai nạn theo quy định trong trường hợp xảy ra sự cố, tai nạn.

2. Hành vi không cung cấp các tài liệu hoặc cung cấp không đầy đủ tài liệu gây cản trở cho hoạt động kiểm tra, thanh tra về dầu khí của người thi hành công vụ và của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền bị xử phạt theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

**11. Tập đoàn dầu khí X là doanh nghiệp chuyên khai thác dầu khí, có giàn khoan tại thềm lục địa thuộc chủ quyền lãnh thổ Việt Nam, thời gian gần đây có thông tin một số người bị thương khi làm việc ngoài giàn khoan. Xin hỏi, để bảo đảm an toàn cho các công trình phục vụ hoạt động dầu khí, pháp luật quy định xử phạt như thế nào đối với hành vi vi vi phạm quy định về bảo hiểm trong hoạt động dầu khí?**

**Trả lời:**

Điều 13 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP quy định xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về bảo hiểm trong hoạt động dầu khí như sau:

Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không mua bảo hiểm đối với các phương tiện, công trình phục vụ hoạt động dầu khí, bảo hiểm môi trường và các bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật Việt Nam, phù hợp với thông lệ trong công nghiệp dầu khí quốc tế.

**12. Hiện nay một số cửa hàng bán lẻ xăng dầu hoạt động kinh doanh nhưng không đáp ứng đầy đủ các điều kiện, pháp luật quy định như thế nào để xử lý về vấn đề này?**

**Trả lời:**

Đối với các cửa hàng bán lẻ xăng dầu không đáp ứng về điều kiện, tại Điều 14 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính như sau:

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cửa hàng bán lẻ xăng dầu hoạt động kinh doanh nhưng không bảo đảm duy trì điều kiện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng bán lẻ xăng dầu;

b) Cửa hàng xăng dầu trên mặt nước hoạt động kinh doanh nhưng không bảo đảm duy trì điều kiện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu trên mặt nước;

c) Sử dụng người quản lý hoặc nhân viên trực tiếp kinh doanh tại cửa hàng bán lẻ xăng dầu không được đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với thương nhân bán lẻ xăng dầu tại cơ sở không có Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

**13. Hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh đối với thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu và đại lý bán lẻ xăng dầu bị xử lý như thế nào theo quy định của pháp luật?**

**Trả lời:**

Điều 15Nghị định số 99/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính như sau:

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng người quản lý hoặc nhân viên trực tiếp kinh doanh không được đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định này.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc đại lý bán lẻ xăng dầu không có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu doanh nghiệp hoặc sở hữu và đồng sở hữu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu từ 01 tháng đến 03 tháng hoặc đình chỉ hoạt động kinh doanh xăng dầu từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

**14. Nhằm mở rộng hệ thống kinh doanh xăng dầu ở tỉnh, công ty Mạnh Phát phát triển 5 cửa hàng bán lẻ, đồng thời tuyển A vào vị trí Giám đốc bán hàng, mặc dù chưa được đào tạo về phòng cháy, chữa cháy nhưng công ty vẫn bố trí A điều hành công việc kinh doanh. Hỏi, việc công ty Mạnh Phát bố trí nhân sự như vậy có vi phạm pháp luật không? Nếu có vi phạm thì pháp luật xử lý như thế nào?**

**Trả lời:**

Việc công ty Mạnh Phát bố trí A vào vị trí Giám đốc bán hàng, trong khi   
A chưa được đào tạo về phòng cháy, chữa cháy đã vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 16Nghị định số 99/2020/NĐ-CP, cụ thể là vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh đối với tổng đại lý kinh doanh xăng dầu, theo đó bị xử phạt vi phạm hành chính với mức tiền như sau:

Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng người quản lý hoặc nhân viên trực tiếp kinh doanh không được đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định.

**15. Công ty H là tổng đại lý kinh doanh xăng dầu của thành phố M, qua thanh tra Sở Công thương phát hiện công ty đã không đáp ứng điều kiện về phương tiện vận tải và không có bể chứa xăng dầu. Xin hỏi hành vi này bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Hành vi của Công ty H đã vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh đối với tổng đại lý kinh doanh xăng dầu và bị xử phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP như sau: Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không đáp ứng điều kiện về phương tiện vận tải xăng dầu theo quy định;

b) Không đáp ứng điều kiện về kho, bể chứa xăng dầu theo quy định.

Bên cạnh hình thức phạt tiền, công ty H còn phải chịu hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm nêu trên.

**16. Pháp luật quy định như thế nào về hình thức và mức xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh đối với thương nhân phân phối xăng dầu?**

**Trả lời:**

Điều 17 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP quy định như sau:

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng người quản lý hoặc nhân viên trực tiếp kinh doanh không được đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định này.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không đáp ứng điều kiện về phương tiện vận tải xăng dầu theo quy định;

b) Không đáp ứng điều kiện về kho, bể chứa xăng dầu theo quy định.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không đáp ứng điều kiện về hệ thống phân phối xăng dầu theo quy định;

b) Không đáp ứng điều kiện về phòng thử nghiệm theo quy định.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân phân phối xăng dầu từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

**17. Thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu có hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh thì bị xử lý như thế nào?**

**Trả lời:**

Thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu có hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP như sau:

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không đáp ứng điều kiện về cầu cảng chuyên dụng để tiếp nhận tàu chở xăng dầu hoặc phương tiện vận tải xăng dầu theo quy định;

b) Không đáp ứng điều kiện về phương tiện vận tải xăng dầu nội địa theo quy định;

c) Không đáp ứng điều kiện về kho tiếp nhận xăng dầu theo quy định.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không đáp ứng điều kiện về hệ thống phân phối xăng dầu theo quy định hoặc không có phương tiện tra nạp nhiên liệu bay thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu đối với thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu nhiên liệu bay.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b và điểm c khoản 1, khoản 2 Điều này.

**18. Việc xử lý các hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ xăng dầu được áp dụng quy định nào?**

**Trả lời:**

Hành vi vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ xăng dầu áp dụng xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP cụ thể như sau:

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng người quản lý hoặc nhân viên trực tiếp kinh doanh dịch vụ xăng dầu không được đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường theo quy định.

2. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Kinh doanh dịch vụ cho thuê cảng, kho tiếp nhận xăng dầu nhưng không đáp ứng điều kiện về cầu cảng chuyên dụng hoặc kho chứa theo quy định;

b) Kinh doanh dịch vụ vận tải xăng dầu nhưng không đáp ứng điều kiện về phương tiện vận tải xăng dầu chuyên dụng theo quy định.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh dịch vụ xăng dầu từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

**19. Công ty K, được cấp Giấy phép kinh doanh xăng dầu và để có thêm tiền hoa hồng hàng tháng, công ty đã cho ông H thuê Giấy phép kinh doanh để phân phối cho một số cửa hàng bán lẻ. Đề nghị cho biết hành vi này bị xử lý như thế nào theo quy định pháp luật hiện nay?**

**Trả lời:**

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP hành vi của Công ty K và ông H đã vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh xăng dầu, theo đó áp dụng mức phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cho thuê, cho mượn, cầm cố, thế chấp, bán, chuyển nhượng Giấy phép kinh doanh xăng dầu;

b) Thuê, mượn, nhận cầm cố, nhận thế chấp, mua, nhận chuyển nhượng Giấy phép kinh doanh xăng dầu.

Đồng thời theo quy định tại khoản 5, điểm b khoản 6, 7 Điều này thì phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt đối với hành vi vi phạm quy định trong trường hợp đối tượng vi phạm kinh doanh theo hình thức kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu, kinh doanh phân phối xăng dầu hoặc tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thực hiện hành vi vi phạm hành chính; tước quyền sử dụng Giấy phép kinh doanh xăng dầu từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm; buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm.

Tuy nhiên, vì ông H là cá nhân vi phạm hành chính nên mức phạt tiền sẽ áp dụng bằng một nửa mức phạt tiền quy định đối với tổ chức là công ty K (Điều 5 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP quy định về mức phạt tiền).

**20. Đề nghị cho biết hành vi vi phạm quy định về đăng ký hệ thống phân phối xăng dầu và mua, bán xăng dầu theo hệ thống phân phối bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Hành vi vi phạm quy định về đăng ký hệ thống phân phối xăng dầu và mua, bán xăng dầu theo hệ thống phân phối bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP như sau:

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không đăng ký hệ thống phân phối với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

b) Gian lận trong kê khai đăng ký hệ thống phân phối;

c) Không gửi thông tin hệ thống phân phối xăng dầu cho bên giao đại lý hoặc bên nhượng quyền để đăng ký hệ thống phân phối với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

2. Phạt tiền gấp hai lần mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này trong trường hợp đối tượng thực hiện hành vi vi phạm là thương nhân đầu mối.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với tổng đại lý kinh doanh xăng dầu, đại lý bán lẻ xăng dầu, thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu, cửa hàng bán lẻ xăng dầu có hành vi mua hoặc bán xăng dầu với đối tượng ngoài hệ thống phân phối, trừ trường hợp bán trực tiếp cho người tiêu dùng.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thương nhân phân phối xăng dầu có hành vi mua hoặc bán xăng dầu với đối tượng ngoài hệ thống phân phối, trừ trường hợp mua xăng dầu từ thương nhân đầu mối, thương nhân phân phối xăng dầu khác và bán trực tiếp cho người tiêu dùng;

b) Thương nhân đầu mối có hành vi bán xăng dầu cho đối tượng ngoài hệ thống phân phối của thương nhân, trừ trường hợp bán cho thương nhân đầu mối khác, thương nhân phân phối xăng dầu, đơn vị trực tiếp sản xuất và bán trực tiếp cho người tiêu dùng.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định khoản 3 và 4 Điều này.

**21. Mức xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về giao, nhận đại lý kinh doanh xăng dầu được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 23 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP quy định mức xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về giao, nhận đại lý kinh doanh xăng dầu như sau:

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Ký hợp đồng làm đại lý bán lẻ xăng dầu cho nhiều hơn số lượng bên giao đại lý là tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân đầu mối theo quy định;

b) Là đại lý kinh doanh xăng dầu mà không có hợp đồng đại lý xăng dầu theo quy định hoặc có hợp đồng đại lý xăng dầu nhưng đã hết hiệu lực.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với tổng đại lý kinh doanh xăng dầu có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Ký hợp đồng làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu cho nhiều hơn số lượng thương nhân đầu mối theo quy định;

b) Ký hợp đồng đại lý xăng dầu với đại lý bán lẻ xăng dầu không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định;

c) Giao đại lý xăng dầu mà không có hợp đồng đại lý xăng dầu theo quy định;

d) Ký hợp đồng đại lý xăng dầu với thương nhân kinh doanh xăng dầu trong thời gian thương nhân kinh doanh xăng dầu đó đang là đại lý xăng dầu của thương nhân đầu mối khác hoặc thương nhân phân phối xăng dầu khác hoặc tổng đại lý kinh doanh xăng dầu khác.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với thương nhân phân phối xăng dầu có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Ký hợp đồng đại lý xăng dầu với đại lý bán lẻ xăng dầu không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định;

b) Giao đại lý xăng dầu mà không có hợp đồng đại lý xăng dầu theo quy định;

c) Ký hợp đồng làm đại lý xăng dầu cho thương nhân đầu mối khác hoặc làm đại lý bán lẻ xăng dầu cho tổng đại lý kinh doanh xăng dầu khác;

d) Ký hợp đồng đại lý xăng dầu với thương nhân kinh doanh xăng dầu trong thời gian thương nhân kinh doanh xăng dầu đó đang là đại lý xăng dầu của thương nhân đầu mối khác hoặc thương nhân phân phối xăng dầu khác hoặc tổng đại lý kinh doanh xăng dầu khác.

4. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với thương nhân đầu mối có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Giao đại lý xăng dầu mà không có hợp đồng đại lý xăng dầu theo quy định;

b) Ký hợp đồng đại lý xăng dầu với thương nhân kinh doanh xăng dầu trong thời gian thương nhân kinh doanh xăng dầu đó đang là đại lý xăng dầu của thương nhân đầu mối khác hoặc thương nhân phân phối xăng dầu khác hoặc tổng đại lý kinh doanh xăng dầu khác;

c) Ký hợp đồng đại lý xăng dầu với thương nhân không đủ điều kiện làm đại lý xăng dầu theo quy định.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

**22. Công ty A ký hợp đồng mua bán xăng dầu với Cửa hàng B là đại lý bán lẻ xăng dầu của Công ty A, trong hợp đồng Cửa hàng B thực hiện việc niêm yết giá bán lẻ theo quy định của công ty B, nhưng trên thực tế giá bán niêm yết tại cửa hàng không theo quy định của Công ty A. Đề nghị cho biết việc niêm yết giá bán lẻ xăng dầu không đúng như vậy có bị xử phạt vi phạm hành chính không?**

**Trả lời:**

Việc niêm yết giá bán lẻ xăng dầu không đúng bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định khoản 1 Điều 21 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP, theo đó phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi niêm yết giá bán lẻ xăng dầu không đúng với giá do thương nhân đầu mối hoặc thương nhân phân phối xăng dầu quy định.

Căn cứ theo quy định này, cửa hàng B đã vi phạm quy định của pháp luật và bị áp dụng xử phạt vi phạm hành chính theo mức quy định trên.

**23. Hiện nay có một số của hàng bán lẻ xăng dầu tự ý điều chỉnh giá bán lẻ không đúng với quy định của nhà phân phối. Đề nghị cho biết, hành vi này bị xử lý như thế nào theo quy định của pháp luật?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP, hành vi tự điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tự ý điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu không đúng thời điểm thương nhân đầu mối hoặc thương nhân phân phối xăng dầu quy định.

Ngoài việc phạt tiền, chủ thể vi phạm còn bị tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu từ 01 tháng đến 03 tháng (trong trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm); buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm.

**24. Tại địa phương tôi có trường hợp nhiều nơi tự pha chế xăng dầu. Vậy hành vi này có thể bị xử phạt bao nhiêu theo quy định pháp luật?**

**Trả lời:**

Khoản 3 Điều 28 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP quy định phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi pha chế xăng dầu khi không phải là thương nhân đầu mối.

Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật vi phạm và phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm.

Như vậy, hành vi pha chế xăng dầu khi không phải là thương nhân đầu mối có thể bị phạt tiền từ 80 triệu đến 100 triệu đồng.

**25.** **Pháp luật xử lý như thế nào đối với hành vi vi phạm quy định về dự trữ xăng dầu, nguyên liệu sản xuất xăng dầu?**

**Trả lời:**

Đối với hành vi vi phạm quy định về dự trữ xăng dầu, nguyên liệu sản xuất xăng dầu bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP như sau:

1. Phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng đối với thương nhân sản xuất xăng dầu không duy trì mức dự trữ nguyên liệu sản xuất xăng dầu hoặc duy trì mức dự trữ nguyên liệu sản xuất xăng dầu thấp hơn mức tối thiểu theo quy định.

2. Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 140.000.000 đồng đối với thương nhân đầu mối không duy trì mức dự trữ xăng dầu bắt buộc hoặc duy trì mức dự trữ xăng dầu thấp hơn mức tối thiểu theo quy định.

**26. Vi phạm về biển hiệu đối với thương nhân phân phối, bán lẻ xăng dầu quy định xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo đó, Điều 34 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP quy định xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về biển hiệu như sau:

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không ghi tên hoặc ghi không đúng tên thương nhân đầu mối, thương nhân phân phối xăng dầu cung cấp xăng dầu trên biển hiệu của cửa hàng bán lẻ xăng dầu.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với thương nhân phân phối xăng dầu có hành vi không quy định thống nhất việc ghi tên thương nhân phân phối xăng dầu trên biển hiệu của cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc hệ thống phân phối của mình.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với thương nhân đầu mối có hành vi không quy định thống nhất việc ghi tên thương nhân đầu mối trên biển hiệu của cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc hệ thống phân phối của mình.

4. Hành vi vi phạm quy định về sử dụng nhãn hiệu, tên thương mại, biểu tượng (logo), chỉ dẫn thương mại bị xử phạt theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

**27. Đề nghị cho biết theo quy định pháp luật thì cá nhân bán lẻ xăng dầu không ghi tên thương nhân đầu mối cung cấp xăng dầu trên biển hiệu cửa hàng bán lẻ xăng dầu sẽ bị phạt bao nhiêu tiền?**

**Trả lời:**

Theo Khoản 1 [Điều 34 Nghị định 99/2020/NĐ-CP](https://thukyluat.vn/vb/nghi-dinh-99-2020-nd-cp-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-dau-khi-kinh-doanh-xang-dau-va-khi-4d3bf.html?hash=dieu_34) có quy định như sau:

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không ghi tên hoặc ghi không đúng tên thương nhân đầu mối, thương nhân phân phối xăng dầu cung cấp xăng dầu trên biển hiệu của cửa hàng bán lẻ xăng dầu.

Bên cạnh đó theo Điều 5 Nghị định này có quy định: Trường hợp hành vi vi phạm hành chính do cá nhân thực hiện thì phạt tiền bằng một nửa mức phạt tiền quy định đối với tổ chức.

Điều 34 này quy định mức phạt trên được áp dụng cho tổ chức. Cho nên cá nhân vi phạm thì phạt tiền bằng một nửa mức phạt tiền quy định đối với tổ chức.

Như vậy, cá nhân bán lẻ xăng dầu không ghi tên thương nhân đầu mối cung cấp xăng dầu trên biển hiệu cửa hàng bán lẻ xăng dầu sẽ bị phạt tiền từ 5.000.000 đến 10.000.000 đồng.

**28. Tại địa bàn xã tôi sinh sống có một số chủ cửa hàng sữa chữa xe máy kết hợp với bán lẻ xăng qua trụ bơm lắc tay, trường hợp này pháp luật quy định xử lý như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo khoản 2 Điều 35 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP quy định xử phạt đối với hành vi vi phạm về bán lẻ xăng dầu như sau: Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi bán xăng dầu qua các cột bơm mini, trụ bơm lắc tay, qua thùng, can chai và các dụng cụ chứa đựng khác trừ thương nhân là hộ kinh doanh, trạm cấp phát xăng dầu thuộc lực lượng vũ trang (quốc phòng, công an) thuộc địa bàn miền núi, vùng cao theo quy định của pháp luật được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cho phép làm đại lý bán lẻ xăng dầu với quy mô, trang thiết bị phù hợp với điều kiện kinh doanh xăng dầu ở khu vực đó.

Ngoài phạt tiền là hình phạt chính, đối tượng vi phạm còn phải chấp hành hình phạt bổ sung và khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 6, 7 Điều này như sau: Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính; buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm.

Do đối tượng vi phạm là cá nhân nên áp dụng quy định tại Điều 5 của Nghị định này là mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm của cá nhân bằng ½ mức phạt tiền của tổ chức. Mức phạt tiền quy định tại Điều 35 này áp dụng đối với tổ chức, vì vậy cá nhân vi phạm sẽ bị phạt tiền bằng ½ mức quy định (từ 1.500.000 đồng đến 2.500.000 đồng) và bị xử phạt bổ sung, khắc phục hậu quả theo quy định nêu trên.

**29. Cửa hàng bán lẻ xăng dầu không đăng ký thời gian bán hàng với cơ quan quản lý nhà nước hoặc không ghi thời gian bán hàng có bị xử phạt hành chính không?**

**Trả lời:**

Đối với hành vi không đăng ký thời gian bán hàng với cơ quan quản lý nhà nước hoặc không ghi thời gian bán hàng bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 35 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP như sau:

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không ghi hoặc không ghi rõ thời gian bán hàng tại khu vực bán hàng theo quy định.

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký thời gian bán hàng của cửa hàng bán lẻ xăng dầu với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

**30. Hành vi bán hành không đúng với thời gian niêm yết, không bán hàng, ngừng bán hàng** **khi chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thì** **bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Khoản 4 Điều 35 Nghị định số 99/2020/NĐ-CP quy định phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Giảm thời gian bán hàng so với thời gian niêm yết hoặc so với thời gian bán hàng trước đó mà không có lý do chính đáng hoặc không thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

b) Không bán hàng, ngừng bán hàng khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản hoặc không thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

c) Giảm lượng hàng bán ra so với thời gian trước đó mà không có lý do chính đáng hoặc không thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

**III. Tìm hiểu một số quy định mới về cán bộ, công chức, viên chức**

**1. Đề nghị cho biết các phương thức tuyển dụng công chức hiện nay được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 37 Luật cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019) quy định có các phương thức tuyển dụng công chức như sau:

1. Thi tuyển.

2. Xét tuyển.

3. Tiếp nhận người đáp ứng được các tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí việc làm vào làm công chức, áp dụng đối với trường hợp:

- Viên chức công tác tại đơn vị sự nghiệp công lập.

- Cán bộ, công chức cấp xã.

- Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang nhân dân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu nhưng không phải là công chức.

- Tiếp nhận để bổ nhiệm làm công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với người đang là Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, Thành viên Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người đang giữ chức vụ, chức danh quản lý khác theo quy định của Chính phủ trong doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; người được tiếp nhận phải được quy hoạch vào chức vụ bổ nhiệm hoặc chức vụ tương đương.

- Người đã từng là cán bộ, công chức sau đó được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển giữ các vị trí công tác không phải là cán bộ, công chức tại các cơ quan, tổ chức khác.

**2. Cơ quan nào có thẩm quyền tuyển dụng công chức?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 39 Luật cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa dổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019) quy định cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức bao gồm:

1. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước thực hiện tuyển dụng và phân cấp tuyển dụng công chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý.

2. Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước thực hiện tuyển dụng công chức trong cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập tuyển dụng và phân cấp tuyển dụng công chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tuyển dụng và phân cấp tuyển dụng công chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý.

5. Cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, của tổ chức chính trị - xã hội tuyển dụng và phân cấp tuyển dụng công chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quyền quản lý.

**3. A là công chức, hằng năm đều được xếp loại chất lượng “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”. Tuy nhiên, năm 2019, A chỉ hoàn thành nhiệm vụ. Năm 2020, có đợt thi nâng ngạch công chức. Đề nghị cho biết trường hợp của A có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch công chức hay không?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 45 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019) quy định công chức dự thi nâng ngạch phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi nâng ngạch; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật.

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với ngạch công chức cao hơn ngạch công chức hiện giữ trong cùng ngành chuyên môn.

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ của ngạch công chức đăng ký dự thi.

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu đối với từng ngạch công chức.

Đối chiếu quy định nêu trên, trường hợp của A do năm trước liền kề năm thi nâng ngạch, A được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ nên không đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi nâng ngạch công chức.

**4. Có những loại hợp đồng làm việc nào đối với viên chức?**

**Trả lời:**

Điều 25 Luật Viên chức (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019) quy định có các loại hợp đồng làm việc với viên chức sau đây:

1. Hợp đồng làm việc xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng trong khoảng thời gian từ đủ 12 tháng đến 60 tháng.

Hợp đồng làm việc xác định thời hạn áp dụng đối với người được tuyển dụng làm viên chức kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020, trừ trường hợp cán bộ, công chức chuyển sang làm viên chức hoặc người được tuyển dụng làm viên chức làm việc tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

2. Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên không xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng. Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

- Viên chức được tuyển dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2020.

- Cán bộ, công chức chuyển sang làm viên chức theo quy định pháp luật.

- Người được tuyển dụng làm viên chức làm việc tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

**5. Tôi được tuyển dụng dạy học tại trường PTTH vào năm 2016. Từ đó đến nay, tôi chỉ được ký hợp đồng làm việc có thời hạn theo năm. Xin cho biết theo quy định của pháp luật hiện hành, tôi có được chuyển sang ký hợp đồng làm việc không xác định thời hạn hay không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019, hợp đồng làm việc không xác định thời hạn được áp dụng đối với viên chức được tuyển dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Theo đó, trường hợp nêu trên phải được ký hợp đồng làm việc không xác định thời hạn mới đúng quy định của pháp luật.

**6. Đơn vị sự nghiệp công lập được đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc với viên chức trong những trường hợp nào?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 29 Luật Viên chức (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019) quy định đơn vị sự nghiệp công lập được đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trong các trường hợp sau:

- Viên chức có 02 năm liên tiếp bị phân loại đánh giá ở mức độ không hoàn thành nhiệm vụ.

- Viên chức bị buộc thôi việc theo quy định xử lý kỷ luật viên chức hoặc viên chức bị Tòa án kết án phạt tù mà không được hưởng án treo hoặc bị Tòa án kết án về hành vi tham nhũng thì bị buộc thôi việc, kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Viên chức làm việc theo hợp đồng làm việc không xác định thời hạn bị ốm đau đã điều trị 12 tháng liên tục, viên chức làm việc theo hợp đồng làm việc xác định thời hạn bị ốm đau đã điều trị 06 tháng liên tục mà khả năng làm việc chưa hồi phục. Khi sức khỏe của viên chức bình phục thì được xem xét để ký kết tiếp hợp đồng làm việc.

- Do thiên tai, hỏa hoạn hoặc những lý do bất khả kháng khác theo quy định của Chính phủ làm cho đơn vị sự nghiệp công lập buộc phải thu hẹp quy mô, khiến vị trí việc làm mà viên chức đang đảm nhận không còn.

- Khi đơn vị sự nghiệp công lập chấm dứt hoạt động theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Viên chức không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự.

**7. Chị M được tuyển dụng vào làm kế toán của trường THCS theo hợp đồng làm việc xác định thời hạn. Vừa rồi, chị M bị ốm nặng phải nằm viện điều trị hơn 08 tháng nhưng đến nay vẫn chưa bình phục. Nhà trường muốn tuyển người khác để thay thế chị M, nên dự kiến đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc với chị M. Trường hợp này được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019, viên chức làm việc theo hợp đồng làm việc xác định thời hạn bị ốm đau đã điều trị 06 tháng liên tục mà khả năng làm việc chưa hồi phục thì đơn vị sử dụng viên chức có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng với viên chức.

Theo đó, nhà trường có đủ cơ sở để chấm dứt hợp đồng làm việc với chị M. Khi sức khỏe của chị M bình phục thì được xem xét để ký kết tiếp hợp đồng làm việc.

**8. Đề nghị cho biết nội dung đánh giá viên chức được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo khoản 1, 2 Điều 41 Luật Viên chức (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019), việc đánh giá viên chức bao gồm các nội dung sau:

- Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Kết quả thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ theo hợp đồng làm việc đã ký kết, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao; tiến độ, chất lượng thực hiện nhiệm vụ. Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phải gắn với vị trí việc làm, thể hiện thông qua công việc, sản phẩm cụ thể.

- Việc thực hiện quy định về đạo đức nghề nghiệp.

- Tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ nhân dân, tinh thần hợp tác với đồng nghiệp và việc thực hiện quy tắc ứng xử của viên chức.

- Việc thực hiện các nghĩa vụ khác của viên chức.

Ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, viên chức quản lý còn được đánh giá theo các nội dung sau đây:

- Năng lực quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

- Kế hoạch làm việc theo năm, quý, tháng và kết quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý; việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cá nhân phải gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp phụ trách. Mức xếp loại chất lượng của cá nhân không cao hơn mức xếp loại chất lượng của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp phụ trách.

**9. Chế độ thôi việc của viên chức được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 45 Luật Viên chức, (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019) quy định viên chức được hưởng trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm hoặc chế độ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về lao động và pháp luật về bảo hiểm trong các trường hợp:

- Đơn vị sự nghiệp công lập đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc với viên chức.

- Hết thời hạn của hợp đồng nhưng người sử dụng lao động không ký kết tiếp hợp đồng làm việc.

- Viên chức đơn phương chấm dứt hợp đồng do ốm đau, bị tai nạn.

- Viên chức đơn phương chấm dứt hợp đồng (đối với viên chức làm việc theo hợp đồng xác định thời hạn) trong các trường hợp: (i) Không được bố trí theo đúng vị trí việc làm, địa điểm làm việc hoặc không được bảo đảm các điều kiện làm việc đã thỏa thuận trong hợp đồng làm việc; (ii) Không được trả lương đầy đủ hoặc không được trả lương đúng thời hạn theo hợp đồng làm việc; (iii) Bị ngược đãi; bị cưỡng bức lao động; (iv) Bản thân hoặc gia đình thật sự có hoàn cảnh khó khăn không thể tiếp tục thực hiện hợp đồng; (v) Viên chức nữ có thai phải nghỉ việc theo chỉ định của cơ sở chữa bệnh; (vi) Viên chức ốm đau hoặc bị tai nạn đã điều trị từ 03 tháng liên tục mà khả năng làm việc chưa hồi phục), trừ trường hợp quy định viên chức không được hưởng trợ cấp thôi việc.

**10. Đề nghị cho biết pháp luật quy định như thế nào về thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật viên chức?**

**Trả lời:**

Điều 53 Luật Viên chức (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019) quy định thty đy đa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên ch chức năử lý kỷ luật được tính từ thời điểm có hành vi vi phạm.

Thời hiệu xử lý kỷ luật được quy định: 02 năm đối với hành vi vi phạm ít nghiêm trọng đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khiển trách; 05 năm đối với hành vi vi phạm không thuộc trường hợp nêu trên, trừ trường hợp quy định không áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật:

- Viên chức là đảng viên có hành vi vi phạm đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khai trừ.

- Có hành vi vi phạm quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

- Có hành vi xâm hại đến lợi ích quốc gia trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

- Sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp.

Thời hạn xử lý kỷ luật đối với viên chức là khoảng thời gian từ khi phát hiện hành vi vi phạm của viên chức đến khi có quyết định xử lý kỷ luật của cấp có thẩm quyền. Thời hạn xử lý kỷ luật không quá 90 ngày; trường hợp vụ việc có tình tiết phức tạp cần có thời gian thanh tra, kiểm tra để xác minh làm rõ thêm thì thời hạn xử lý kỷ luật có thể kéo dài nhưng không quá 150 ngày.

Trường hợp viên chức đã bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm kỷ luật thì bị xem xét xử lý kỷ luật. Thời gian điều tra, truy tố, xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự không được tính vào thời hạn xử lý kỷ luật. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, người ra quyết định phải gửi quyết định và tài liệu có liên quan cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức để xem xét xử lý kỷ luật.

**11. Sau khi tốt nghiệp đại học sư phạm, M (người dân tộc thiểu số) đã nộp hồ sơ thi tuyển vào vị trí giáo viên trường trung học phổ thông dân tộc nội trú của tỉnh. Xin cho biết M có thuộc diện được ưu tiên trong tuyển dụng viên chức hay không?**

**Trả lời:**

Điều 6 Nghi định số 115/2020/NĐ-CP quy định 03 nhóm đối tượng được ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển viên chức. Trong đó có người dân tộc thiểu số được ưu tiên trong tuyển dụng, cụ thể được cộng điểm ưu tiên là 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

Theo đó, trường hợp của M là người dân tộc thiểu số, nên khi đăng ký thi tuyển vào viên chức sẽ được ưu tiên theo quy định nêu trên.

**12. Đề nghị cho biết những đơn vị sự nghiệp công lập nào có thẩm quyền tuyển dụng viên chức?**

**Trả lời:**

Điều 7 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định thẩm quyền tuyển dụng viên chức như sau:

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm chi thường xuyên, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện việc tuyển dụng viên chức.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện việc tuyển dụng viên chức hoặc phân cấp cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện.

**13. Cháu gái tôi vừa nộp hồ sơ thi tuyển vị trí kế toán của Trường Đại học công lập X. Nếu cháu là người dân tộc thiểu số thì cháu có được miễn thi môn ngoại ngữ hay không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì tại vòng thi thứ nhất về thi kiểm tra kiến thức chung, ngoại ngữ là một trong 03 môn thi bắt buộc, trong đó có 30 câu hỏi theo yêu cầu của vị trí việc làm về một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác do người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng quyết định. Thời gian thi 30 phút.

Tuy nhiên, có một số trường hợp sẽ được miễn phần thi ngoại ngữ. Đó là:

- Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

- Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

- Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số dự tuyển vào viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

Theo đó, nếu cháu gái của anh (chị) là người dân tộc thiểu số mà có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc dự tuyển công tác ở vùng dân tộc thiểu số thì được miễn phần thi ngoại ngữ theo quy định nêu trên.

**14. Người trúng tuyển trong kỳ thi viên chức phải đáp ứng những điều kiện gì?**

**Trả lời:**

Điều 10 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định người trúng tuyển trong kỳ thi viên chức phải có đủ điều kiện:

- Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên.

- Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển. Nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

**15. Xin cho biết những trường hợp nào được tuyến dụng vào viên chức theo hình thức tiếp nhận mà không phải thi tuyển hoặc xét tuyển?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 13 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng được xem xét tiếp nhận vào làm viên chức đối với các trường hợp sau đây:

1. Các trường hợp có ít nhất 05 năm công tác ở vị trí việc làm yêu cầu trình độ đào tạo đại học trở lên phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển và có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn, kể cả thời gian công tác), bao gồm:

- Người đang là cán bộ, công chức cấp xã.

- Người đang ký hợp đồng lao động làm công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập hoặc đơn vị sự nghiệp ngoài công lập theo quy định của pháp luật.

- Người hưởng lương trong lực lượng vũ trang nhân dân, người làm việc trong tổ chức cơ yếu.

- Người đang làm việc tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Người đang làm việc trong các tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

2. Người có tài năng, năng khiếu đặc biệt phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực: Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, các ngành nghề truyền thống.

3. Người đã từng là cán bộ, công chức, viên chức, sau đó được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến làm việc tại lực lượng vũ trang, cơ yếu, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

**16. Quy trình xem xét tiếp nhận vào viên chức được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Quy trình xem xét tiếp nhận vào viên chức được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- Khi xem xét tiếp nhận vào làm viên chức không giữ chức vụ quản lý đối với các trường hợp quy định tại mục 1 tình huống 15, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch.

- Hội đồng kiểm tra, sát hạch thực hiện các nhiệm vụ sau: Kiểm tra về các điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ của người được đề nghị tiếp nhận theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển; tổ chức sát hạch về trình độ hiểu biết chung và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người được đề nghị tiếp nhận. Hội đồng kiểm tra, sát hạch phải báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức thống nhất về hình thức và nội dung sát hạch trước khi thực hiện.

Hội đồng kiểm tra, sát hạch làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng kiểm tra, sát hạch đã biểu quyết. Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng về kết quả kiểm tra, sát hạch. Hội đồng kiểm tra, sát hạch tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản báo cáo người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức thống nhất trước khi quyết định tiếp nhận theo thẩm quyền.

**17. Hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận vào làm viên chức gồm những giầy tờ, tài liệu gì?**

**Trả lời:**

Hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận vào viên chức theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP gồm có các giấy tờ, tài liệu như sau:

1. Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước ngày nộp hồ sơ tiếp nhận, có xác nhận của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công tác.

2. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

3. Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ quan y tế có thẩm quyền cấp chậm nhất là 30 ngày trước ngày nộp hồ sơ tiếp nhận.

4. Bản tự nhận xét, đánh giá của người được đề nghị tiếp nhận về phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, quá trình công tác có xác nhận của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công tác.

**18. Trường đại học K đang thiếu 01 vị trí kế toán, M là phó hiệu trưởng nhà trường đã thông báo qua điện thoại cho một người quen đến nộp hồ sơ dự tuyển mà không thông báo rộng rãi. Đề nghị cho biết việc làm của M có đúng quy định hay không?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng phải đăng thông báo tuyển dụng công khai ít nhất 01 lần trên một trong những phương tiện thông tin đại chúng báo in, báo điện tử, báo nới, báo hình; đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng.

Nội dung thông báo tuyển dụng gồm: (i) Số lượng người làm việc cần tuyển ứng với từng vị trí việc làm; (ii) Số lượng vị trí việc làm thực hiện việc thi tuyển, xét tuyển; (iii) Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển; (iv) Thời hạn, địa chỉ và địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển, số điện thoại di động hoặc cố định của cá nhân, bộ phận được phân công tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển; (v) Hình thức, nội dung thi tuyển, xét tuyển; thời gian và địa điểm thi tuyển, xét tuyển.

Theo đó, việc M (Phó hiệu trưởng Trường Đại học K) đã không thực hiện thông báo công khai tuyển dụng kế toán mà chỉ thông báo nội bộ cho người quen là trái với quy định nêu trên.

**19. Đề nghị cho biết pháp luật quy định như thế nào về thời hạn tổ chức thi tuyển?**

**Trả lời:**

Thời hạn tổ chức tuyển dụng được quy định tại Điều 15 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Hội đồng tuyển dụng thông báo danh sách và triệu tập thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi vòng 1, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải tiến hành tổ chức thi vòng 1.

Đối với tổ chức thi vòng 1: Trường hợp cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng tổ chức thi vòng 1 trên máy vi tính thì phải thông báo kết quả cho thí sinh được biết ngay sau khi kết thúc thời gian làm bài thi trên máy vi tính. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1 trên máy vi tính. Trường hợp cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng tổ chức thi vòng 1 trên giấy thì việc chấm thi thực hiện như sau:

Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày kết thúc thi vòng 1 phải hoàn thành việc chấm thi vòng 1; Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1 phải công bố kết quả thi để thí sinh dự thi biết và thông báo việc nhận đơn phúc khảo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo kết quả thi trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng. Trường hợp có đơn phúc khảo thì chậm nhất 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo phải hoàn thành việc chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo để thí sinh dự thi được biết.

Căn cứ vào điều kiện thực tiễn trong quá trình tổ chức chấm thi, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định kéo dài thời hạn thực hiện các công việc thi vòng 1 nhưng tổng thời gian kéo dài không quá 15 ngày.

Đối với tổ chức thi vòng 2: Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải lập danh sách và thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự thi vòng 2, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng.

Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2, Hội đồng tuyển dụng phải tiến hành tổ chức thi vòng 2.  
Trường hợp cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng tổ chức thi vòng 2 bằng hình thức thi viết thì việc chấm thi, phúc khảo thực hiện như quy định tại điểm b khoản này. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 2 bằng hình thức phỏng vấn hoặc thực hành.

2. Tổ chức xét tuyển:

- Chậm nhất 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải lập danh sách và thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự xét tuyển ở vòng 2, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng.

- Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2 thì phải tiến hành tổ chức thi vòng 2 như quy định thi vòng 2 theo hình thức thi tuyển.

**20. Sau khi nhận được thông báo trúng tuyển của Bệnh viện, bạn K rất phấn khởi và dự định về quê thăm bố mẹ trước khi đi làm. Xin cho biết pháp luật có quy định rõ thời hạn mà bạn K sẽ đi làm sau khi có kết quả trúng tuyển hay không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 115/2020/NĐ-C, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng. Hồ sơ tuyển dụng bao gồm:

- Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có). Trường hợp người trúng tuyển có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Điều 18 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định chậm nhất 15 ngày kể từ ngày người trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức ra quyết định tuyển dụng, đồng thời gửi quyết định tới người trúng tuyển theo địa chỉ đã đăng ký và đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức để biết, thực hiện việc ký hợp đồng làm việc với viên chức.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định tuyển dụng, người được tuyển dụng viên chức phải đến đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức để ký hợp đồng làm việc và nhận việc, trừ trường hợp quyết định tuyển dụng quy định thời hạn khác hoặc được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức đồng ý gia hạn.

**21. Những nội dung nào cần chú ý trong hợp đồng làm việc của viên chức?**

Theo Điều 20 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, một số nội dung liên quan đến hợp đồng làm việc đối với viên chức bao gồm:

- Hợp đồng làm việc được ký kết bằng văn bản giữa viên chức hoặc người được tuyển dụng làm viên chức với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập. Trường hợp viên chức là người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thì do cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập ký kết hợp đồng làm việc.

- Viên chức được tuyển dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2020 nhưng đang thực hiện hợp đồng làm việc xác định thời hạn thì tiếp tục thực hiện hợp đồng làm việc đã ký kết, kể cả trường hợp viên chức chuyển đến đơn vị sự nghiệp công lập khác theo quy định tại khoản 4 Điều này, sau khi kết thúc thời hạn của hợp đồng làm việc đã ký kết thì được ký kết hợp đồng làm việc không xác định thời hạn nếu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng làm việc, nếu có thay đổi nội dung hợp đồng làm việc thì viên chức hoặc người được tuyển dụng làm viên chức thỏa thuận với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập về các nội dung thay đổi đó và được tiến hành bằng việc ký kết phụ lục hợp đồng làm việc hoặc ký kết hợp đồng làm việc mới có những nội dung thay đổi đó.

- Trường hợp viên chức được cấp có thẩm quyền đồng ý chuyển đến đơn vị sự nghiệp công lập khác thì không thực hiện việc tuyển dụng mới và không giải quyết chế độ thôi việc, nhưng phải ký kết hợp đồng làm việc mới với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập; đồng thời thực hiện chế độ tiền lương đối với viên chức phù hợp trên cơ sở căn cứ vào loại hình hợp đồng làm việc của viên chức đang được ký kết tại đơn vị sự nghiệp công lập trước khi chuyển công tác, năng lực, trình độ đào tạo, quá trình công tác, diễn biến tiền lương và thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của viên chức.

**22. Vừa rồi, chị V tham gia thi tuyển viên chức và trúng tuyển vị trí bác sĩ của Bệnh viện A. Sau khi ký Hợp đồng, chị V nhận thông báo tập sự trong thời gian 09 tháng. Tuy nhiên mới tập sự được 3 tháng, chị V nghỉ chế độ thai sản theo quy định của pháp luật. Đề nghị cho biết, thời gian nghỉ thai sản của chị V có được tính vào thời gian tập sự hay không?**

**Trả lời:**

Người được tuyển dụng vào viên chức phải thực hiện chế độ tập sự để làm quen với môi trường công tác, tập làm những công việc của vị trí việc làm được tuyển dụng. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, thời gian tập sự với chức danh nghề nghiệp bác sĩ là 09 tháng. Như vậy, với thời gian tập sự của bạn là đúng quy định pháp luật.

Tuy nhiên điểm d khoản 2 Điều 21 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định thời gian nghỉ sinh con theo chế độ bảo hiểm xã hội không được tính vào thời gian tập sự.

Theo đó sau khi kết thúc nghỉ chế độ thai sản, chị V tiếp tục thực hiện tập sự thêm 06 tháng để đủ thời gian tập sự theo hợp đồng đã ký và thông báo của bệnh viện.

**23. Đề nghị cho biết trong thời gian tập sự, viên chức có được tham gia đào tạo, bồi dưỡng để hoàn chỉnh tiêu chuẩn hay không?**

**Trả lời:**

Khoản 3 Điều 21 Nghị định số 115/2020 quy định nội dung tập sự như sau:

- Nắm vững quy định của pháp luật viên chức về quyền, nghĩa vụ của viên chức, những việc viên chức không được làm; nắm vững cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp công lập nơi công tác; nội quy, quy chế làm việc của đơn vị; chức trách, nhiệm vụ và yêu cầu của vị trí việc làm được tuyển dụng.

- Trau dồi kiến thức và rèn luyện năng lực, kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm được tuyển dụng.

- Tập giải quyết, thực hiện các công việc của vị trí việc làm được tuyển dụng.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, trong thời gian thực hiện chế độ tập sự, đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng viên chức phải cử viên chức tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng để hoàn chỉnh tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp trước khi bổ nhiệm. Thời gian tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng được tính vào thời gian thực hiện chế độ tập sự.

**24. Viên chức đang trong thời gian tập sự tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng những chế độ, chính sách gì?**

**Trả lời:**

Chế độ, chính sách của viên chức đang trong thời gian tập sự tại địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP. Cụ thể như sau:

- Được hưởng 100% mức lương và phụ cấp của chức danh nghề nghiệp tương ứng với trình độ đào tạo khi tuyển dụng.

- Được hưởng các chế độ tiền thưởng và phúc lợi khác (nếu có) theo quy định của Nhà nước và quy chế của đơn vị sự nghiệp công lập.

**25. Những trường hợp nào viên chức được hưởng 100% mức lương của chức danh nghề nghiệp tuyển dụng khi trong thời gian tập sự?**

**Trả lời:**

Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định người tập sự được hưởng 100% mức lương và phụ cấp của chức danh nghề nghiệp tương ứng với trình độ đào tạo trong các trường hợp sau đây:

- Làm việc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Làm việc trong các ngành, nghề độc hại, nguy hiểm.

- Hoàn thành nghĩa vụ quân sự; nghĩa vụ tham gia công an nhân dân; sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ.

**26. Sau khi hết thời gian tập sự, việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức sau khi hết thời gian tập sự thực hiệntheo quy định tại Điều 24 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP. Theo đó khi hết thời gian tập sự, người tập sự phải báo cáo kết quả tập sự bằng văn bản; người hướng dẫn tập sự có trách nhiệm nhận xét, đánh giá kết quả tập sự đối với người tập sự bằng văn bản. Các văn bản này được gửi người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập.

Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của người tập sự và nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn tập sự, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức và kết quả công việc của người tập sự. Trường hợp người tập sự đạt yêu cầu, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định theo thẩm quyền hoặc có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương cho viên chức được tuyển dụng.

**27. Đề nghị cho biết quy định của pháp luật về trường hợp chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức tập sự?**

**Trả lời:**

Theo Điều 25 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, người tập sự bị chấm dứt hợp đồng làm việc và hủy bỏ quyết định tuyển dụng khi không đạt yêu cầu sau thời gian tập sự hoặc có hành vi vi phạm đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập chấm dứt hợp đồng làm việc và báo cáo cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với các trường hợp nêu trên.

Người tập sự bị chấm dứt hợp đồng làm việc được đơn vị sự nghiệp công lập trợ cấp 01 tháng lương, phụ cấp hiện hưởng và tiền tàu xe về nơi cư trú.

**28. Những trường hợp nào được biệt phái viên chức? Thời hạn biệt phái tối đa là bao nhiêu năm?**

**Trả lời:**

Điều 36 Luật Viên chức năm 2010 quy định “bibáođvị sbiều 36 Luật Viên chức năm 2010 quy định “bibáođvị sự nghiệp công lập trợ cấp 01 tháng lương, phụ cấp hiện hưởng và tiền tàu hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với các trường hợpu đơn vị sự nghiệp công lập hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập quyết định việc biệt phái viên chức”.

Điều 27 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định biệt phái viên chức được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- Theo nhiệm vụ đột xuất, cấp bách.

- Để thực hiện công việc cần giải quyết trong một thời gian nhất định.

Thời hạn biệt phái viên chức không quá 03 năm. Đối với ngành, lĩnh vực đặc thù, thời hạn biệt phái thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

**29. Khi được cử đi biệt phái, viên chức được hưởng những quyền lợi gì?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 36 Luật Viên chức năm 2010, viên chức đi biệt phái được hưởng những quyền lợi như sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập cử viên chức biệt phái có trách nhiệm bảo đảm tiền lương và các quyền lợi khác của viên chức.

- Viên chức được cử biệt phái đến miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.

- Hết thời hạn biệt phái, viên chức trở về đơn vị cũ công tác. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập cử viên chức biệt phái có trách nhiệm tiếp nhận và bố trí việc làm cho viên chức hết thời hạn biệt phái phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức.

**30. Để viên chức trẻ được cọ xát thực tiễn, trau dồi kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng xử lý công việc, Trường Đại học N đang dự kiến biệt phái viên chức về các phân viện, cơ sở 2 ở địa phương, trong đó có chị K đang nuôi con hơn 02 tuổi. Đề nghị cho biết, nếu chị K được biệt phái thì có đúng quy định của pháp luật hay không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 7 Điều 36 Luật Viên chức năm 2010, không thực hiện biệt phái viên chức nữ đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

Quy định này xuất phát từ mục đích, ý nghĩa bảo vệ quyền, lợi ích của bà mẹ và trẻ em, với trường hợp của chị K do đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, nên việc biệt phái chị K chưa đúng với quy định nêu trên.

**31. Đề nghị cho biết tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định viên chức được đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện như sau:

1. Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức;

2. Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

3. Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng. Trường hợp viên chức được miễn thi môn ngoại ngữ, tin học thì đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngoại ngữ, tin học của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

4. Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của Luật bảo hiểm xã hội, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

**32. Trường hợp nào được xét thăng hạng đặc cách chức danh nghề nghiệp?**

**Trả lời:**

Điều 41 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được xét thăng hạng đặc cách vào hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn khi được công nhận, bổ nhiệm chức danh có yêu cầu về hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn chức danh nghề nghiệp hiện giữ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập có văn bản kèm theo bản sao các văn bản chứng minh về tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng đặc cách của viên chức, gửi người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức xem xét, quyết định.

**33. Đề nghị cho biết tuổi bổ nhiệm viên chức giữ vị trí quản lý được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tuổi của viên chức là một trong những điều kiện khi xem xét bổ nhiệm viên chức giữ vị trí quản lý. Theo đó, Điều 44 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định điều kiện về tuổi bổ nhiệm như sau:

1. Viên chức được đề nghị bổ nhiệm lần đầu giữ chức vụ quản lý hoặc đề nghị bổ nhiệm giữ chức vụ quản lý cao hơn thì tuổi bổ nhiệm phải còn đủ 05 năm công tác tính từ khi thực hiện quy trình bổ nhiệm; trường hợp đặc biệt báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Viên chức được đề nghị bổ nhiệm giữ chức vụ quản lý mà thời hạn giữ chức vụ dưới 05 năm theo quy định của pháp luật chuyên ngành thì tuổi công tác phải đủ một nhiệm kỳ.

3. Viên chức được bổ nhiệm giữ chức vụ mới tương đương hoặc thấp hơn chức vụ đang giữ thì không tính tuổi bổ nhiệm theo quy định tại mục 1.

**34. Khi thực hiện quy trình bổ nhiệm viên chức quản lý đối nguồn tại chỗ, tại bước lãnh đạo đơn vị có kết quả phiếu giới thiệu của 02 viên chức đều đạt trên 50% thì lựa chọn người nào?**

**Trả lời:**

Trình tự, thủ tục bổ nhiệm viên chức quản lý thực hiện theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP. Theo đó, khi thực hiện quy trình bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự tại chỗ tại bước 3 của tập thể lãnh đạo được thực hiện như sau:

- Tập thể lãnh đạo căn cứ vào cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ và khả năng đáp ứng của viên chức; trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, tiến hành thảo luận và giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn: Mỗi thành viên lãnh đạo giới thiệu 01 người cho một chức vụ trong số nhân sự được giới thiệu ở bước 2 hoặc giới thiệu người khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định; người nào đạt số phiếu cao nhất, đạt tỷ lệ trên 50% tính trên tổng số thành viên tập thể lãnh đạo giới thiệu thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt trên 50% thì chọn 02 người có số phiếu giới thiệu cao nhất từ trên xuống để lấy phiếu tín nhiệm tại hội nghị cán bộ chủ chốt.

Phiếu giới thiệu nhân sự bổ nhiệm do Ban tổ chức hội nghị phát hành, có đóng dấu treo của đơn vị. Kết quả kiểm phiếu được ghi thành biên bản, được công bố tại hội nghị này.

Trường hợp nếu kết quả giới thiệu của tập thể lãnh đạo khác với kết quả phát hiện, giới thiệu nhân sự ở bước 2 thì báo cáo, giải trình rõ với cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, cho ý kiến chỉ đạo trước khi tiến hành các bước tiếp theo.

**35. Trường hợp sáp nhập, chia tách, chuyển đổi mô hình tổ chức đơn vị thì việc bổ nhiệm viên chức quản lý được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 47 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định việc bổ nhiệm trong trường hợp hợp nhất, sáp nhập, chia tách, tổ chức lại, chuyển đổi mô hình tổ chức như sau:

- Trường hợp hợp nhất, sáp nhập, chia tách, tổ chức lại, chuyển đổi mô hình tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập mà chức vụ viên chức đang giữ ở đơn vị sự nghiệp công lập cũ tương đương hoặc cao hơn chức vụ viên chức dự kiến đảm nhiệm ở đơn vị sự nghiệp công lập mới hoặc trường hợp đổi tên đơn vị sự nghiệp công lập thì tập thể lãnh đạo và người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập mới trình cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập xem xét, quyết định chuyển đổi chức vụ theo vị trí việc làm mới tương ứng;

- Trường hợp hợp nhất, sáp nhập, chia tách, tổ chức lại, chuyển đổi mô hình tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập mà chức vụ viên chức đang giữ ở đơn vị sự nghiệp công lập cũ thấp chức vụ viên chức dự kiến đảm nhiệm ở đơn vị sự nghiệp công lập mới thì việc bổ nhiệm được thực hiện theo quy trình bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự từ nơi khác.

**36. Hồ sơ bổ nhiệm viên chức quản lý bao gồm những giấy tờ gì?**

**Trả lời:**

Điều 48 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định hồ sơ nhân sự bổ nhiệm phải được kê khai trung thực, chính xác, đầy đủ nội dung nêu tại các mục và phải được cấp có thẩm quyền xác nhận hoặc chứng thực theo quy định. Cụ thể như sau:

- Tờ trình về việc bổ nhiệm do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập ký (đối với trường hợp trình cấp trên có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm) hoặc do người đứng đầu bộ phận phụ trách về công tác tổ chức cán bộ ký (đối với trường hợp người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định).

- Bản tổng hợp kết quả kiểm phiếu kèm theo biên bản kiểm phiếu ở các bước trong quy trình bổ nhiệm.

- Sơ yếu lý lịch viên chức do cá nhân tự khai theo mẫu quy định, được đơn vị sự nghiệp công lập trực tiếp quản lý xác nhận, có dán ảnh màu khổ 4x6, chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

- Bản tự kiểm điểm 3 năm công tác gần nhất.

- Nhận xét, đánh giá của tập thể lãnh đạo đơn vị về phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ, về năng lực công tác, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong 3 năm gần nhất.

- Nhận xét của chi ủy nơi cư trú đối với bản thân và gia đình. Trường hợp nơi cư trú của bản thân khác với nơi cư trú của gia đình thì phải lấy nhận xét của chi ủy nơi bản thân cư trú và nơi gia đình cư trú.

- Kết luận của cấp ủy có thẩm quyền về tiêu chuẩn chính trị.

- Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu quy định.

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh bổ nhiệm. Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp hoặc cơ sở đào tạo trong nước liên kết với nước ngoài cấp phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo chứng nhận.

- Giấy chứng nhận sức khoẻ của cơ sở y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 06 tháng.

**37. Anh M là Phó Giám đốc bệnh viện đang theo học khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ 02 năm tại Pháp. Trong thời gian đi học, bệnh viện phải xem xét, bổ nhiệm lại chức vụ quản lý của M theo quy định của pháp luật. Đề nghị cho biết bệnh viện có được thực hiện quy trình bổ nhiệm lại cho anh M hay không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, viên chức quản lý khi hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm theo quy định thì cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bổ nhiệm phải tiến hành quy trình xem xét bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý. Các trường hợp chưa thực hiện quy trình bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý quy định tại khoản 5 Điều 49 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Viên chức quản lý đang trong thời hạn xử lý kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử.

2. Viên chức quản lý đang trong thời gian được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cử đi học tập, công tác ở nước ngoài 03 tháng trở lên.

3. Viên chức quản lý đang trong thời gian điều trị nội trú từ 03 tháng trở lên tại các cơ sở y tế hoặc đang trong thời gian nghỉ chế độ thai sản.

Đối với trường hợp của anh M, bệnh viện chưa được thực hiện quy trình bổ nhiệm lại do anh M đang trong thời gian đi học từ 03 tháng trở lên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

**38. Đề nghị cho biết tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm lại viên chức quản lý được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 50 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định viên chức quản lý được xem xét bổ nhiệm lại phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện như sau:

- Hoàn thành nhiệm vụ trong thời hạn giữ chức vụ quản lý.

- Đáp ứng tiêu chuẩn chức danh quản lý theo quy định của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tại thời điểm bổ nhiệm lại.

- Đơn vị có nhu cầu về vị trí việc làm viên chức quản lý.

- Đủ sức khoẻ để hoàn thành nhiệm vụ và chức trách được giao.

- Không thuộc các trường hợp bị cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật.

**39. Ông T là Trưởng khoa hồi sức cấp cứu của bệnh viện. Do không đủ sức khỏe nên ông T muốn chuyển sang làm công tác hành chính và xin thôi giữ chức vụ Trưởng khoa. Trường hợp của ông T có được xem xét cho thôi giữ chức vụ quản lý hay không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, việc xem xét quyết định cho thôi giữ chức vụ đối với viên chức quản lý được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Tự nguyện, chủ động xin thôi giữ chức vụ quản lý.

- Do không đủ sức khỏe, hạn chế về năng lực hoặc không còn đủ uy tín để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

- Vì các lý do chính đáng khác của viên chức.

Đối với trường hợp của ông T, do không đủ sức khỏe nên có thể xem xét cho thôi giữ chức vụ quản lý.

**40. Trường hợp nào viên chức quản lý không được thôi giữ chức vụ?**

**Trả lời:**

Khoản 2 Điều 54 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định viên chức quản lý không được thôi giữ chức vụ nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Đang đảm nhận nhiệm vụ quốc phòng, an ninh quốc gia; đang đảm nhận nhiệm vụ trọng yếu, cơ mật; phòng chống thiên tai, dịch bệnh; nếu thôi giữ chức vụ ngay sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích chung của Đảng và Nhà nước.

2. Đang trong thời gian chịu sự thanh tra, kiểm tra, điều tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định của Đảng và pháp luật.

**41. Đề nghị cho biết quy trình xem xét cho thôi giữ chức vụ đối với viên chức quản lý được quy định như thế nào**?

**Trả lời:**

Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định quy trình xem xét cho thôi giữ chức vụ đối với viên chức quản lý như sau:

- Chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày nhận đơn xin thôi giữ chức vụ quản lý của viên chức, bộ phận tham mưu về tổ chức cán bộ hoặc người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập nơi viên chức đang công tác phải trao đổi với viên chức có đơn đề nghị thôi giữ chức vụ. Trường hợp viên chức chức rút đơn thì dừng việc xem xét; trường hợp viên chức không rút đơn thì bộ phận tham mưu về tổ chức cán bộ xem xét, đề xuất với người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập hoặc cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ;

- Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày bộ phận tham mưu về tổ chức cán bộ có văn bản đề xuất, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phải thảo luật, biểu quyết bằng phiếu kín. Việc quyết định cho viên chức thôi giữ chức vụ quản lý phải được trên 50% tổng số thành viên tập thể lãnh đạo đồng ý; trường hợp đạt tỷ lệ 50% thì do người đứng đầu quyết định.

**42. Trong thời hạn bổ nhiệm lần đầu giữ vị trí Phó Trưởng phòng, anh K bị xử lý kỷ luật khiển trách hai lần. Đề nghị cho biết trường hợp này có bị xem xét miễn nhiệm hay không?**

**Trả lời:**

Các trường hợp xem xét miễn nhiệm đối với viên chức quản lý quy định tại khoản 1 Điều 55 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, gồm có:

1. Có hai năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ.

2. Bị xử lý kỷ luật chưa đến mức cách chức nhưng do yêu cầu nhiệm vụ công tác cần phải thay thế.

3. Bị xử lý kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo hai lần trong cùng một thời hạn bổ nhiệm.

4. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm quy định của Đảng về bảo vệ chính trị nội bộ.

5. Các lý do miễn nhiệm khác theo quy định của Đảng và pháp luật.

Đối với trường hợp của anh K đã bị xử lý kỷ luật khiển trách 02 lần trong cùng một thời hạn bổ nhiệm, do đó có đủ cơ sở xem xét bãi nhiệm theo quy định của pháp luật.

**43. Chế độ, chính sách đối với viên chức thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Khoản 1, 2 Điều 56 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định chế độ, chính sách đối với viên chức thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm như sau:

1. Viên chức quản lý sau khi có quyết định cho thôi giữ chức vụ được bố trí công tác phù hợp với năng lực, sở trường, trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo phù hợp với vị trí việc làm; được bảo lưu phụ cấp chức vụ hiện hưởng đến hết thời hạn giữ chức vụ.

2. Viên chức quản lý bị miễn nhiệm không được hưởng phụ cấp chức vụ kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm. Sau khi miễn nhiệm nếu viên chức tự nguyện xin nghỉ hưu, nghỉ việc thì được giải quyết theo quy định hiện hành.

**44. Chị V được tuyển dụng làm viên chức của một trường học từ năm 2006. Năm 2020, chị có thai nhưng do sức khỏe của thai nhi không bình thường, theo chỉ định của bệnh viện, chị V cần nghỉ việc để chăm sóc, dưỡng thai. Xin cho biết chị V có được giải quyết thôi việc hay không?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 57 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định có 03 trường hợp viên chức được giải quyết thôi việc. Trong có trường hợp viên chức nữ có thai phải nghỉ việc theo chỉ định của cơ sở chữa bệnh.

Viên chức thôi việc được hưởng trợ cấp thôi việc theo Điều 58 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP. Đối với thời gian công tác của viên chức từ ngày 31 tháng 12 năm 2008 trở về trước, cứ mỗi năm làm việc được tính bằng 1/2 tháng lương hiện hưởng, gồm: Mức lương theo chức danh nghề nghiệp, phụ cấp chức vụ quản lý, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có). Mức trợ cấp thấp nhất bằng 01 tháng lương hiện hưởng. Thời gian làm việc được tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian làm việc theo hợp đồng làm việc (cộng dồn) kể từ khi viên chức có quyết định tuyển dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Đối với thời gian công tác của viên chức từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến nay được thực hiện theo quy định của pháp luật về trợ cấp thất nghiệp

**45. Sau 02 năm xét tuyển viên chức vào bệnh viện, anh X được cử đi học nghiên cứu sinh ở nước ngoài. Anh X cam kết sẽ làm việc tại bệnh viện ít nhất 05 năm sau khi hoàn thành khóa học. Tuy nhiên mới làm việc được 01 năm, anh X có đơn xin chuyển công tác. Xin cho biết trường hợp này có được giải quyết thôi việc hay không?**

**Trả lời:**

Khoản 2 Điều 57 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định viên chức chưa được giải quyết thôi việc nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Đang trong thời hạn xử lý kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử.

2. Chưa làm việc đủ thời gian cam kết với đơn vị sự nghiệp công lập khi được cử đi đào tạo.

3. Chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của viên chức đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Do yêu cầu công tác và chưa bố trí được người thay thế.

Đối với anh X đã cam kết làm việc tối thiểu 05 năm sau khi hoàn thành khóa học, nhưng mới được 01 nămanh X đã xin chuyển công tác nên thuộc trường hợp chưa giải quyết thôi việc theo quy định nêu trên.

**46. Đề nghị cho biết pháp luật quy định như thế nào về việc tính thời gian công tác của viên chức để xem xét chế độ trợ cấp thôi việc?**

**Trả lời:**

Điều 58 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định thời gian công tác của viên chức từ ngày 31 tháng 12 năm 2008 trở về trước được tính như sau:

- Cứ mỗi năm làm việc được tính bằng 1/2 tháng lương hiện hưởng, gồm: Mức lương theo chức danh nghề nghiệp, phụ cấp chức vụ quản lý, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có).

- Mức trợ cấp thấp nhất bằng 01 tháng lương hiện hưởng;

- Trường hợp viên chức được tuyển dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2003, thời gian làm việc được tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian làm việc (cộng dồn) kể từ khi viên chức có quyết định tuyển dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2008;

- Trường hợp viên chức được tuyển dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2003 trở về sau, thời gian làm việc được tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian làm việc theo hợp đồng làm việc (cộng dồn) kể từ khi viên chức có quyết định tuyển dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Đối với thời gian công tác của viên chức từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến nay được thực hiện theo quy định của pháp luật về trợ cấp thất nghiệp.

**47. Công chức đang trong thời gian xử lý kỷ luật có được bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái hay không?**

**Trả lời:**

Khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức quy định cán bộ, công chức đang trong thời hạn xủ lý kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử thì không được ứng cử, đề cử, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch hoặc thôi việc.

Theo đó trường hợp công chức đang bị xử lý kỷ luật thì không được bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phai.

**48.** **Đề nghị cho biết thủ tục giải quyết thôi việc được pháp luật quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Khoản 3 Điều 57 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định thủ tục giải quyết thôi việc như sau:

- Trường hợp viên chức đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc thì phải thông báo bằng văn bản gửi cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập biết.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của viên chức, nếu đồng ý cho viên chức thôi việc thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập chấm dứt hợp đồng làm việc và giải quyết chế độ thôi việc cho viên chức theo quy định. Trường hợp không đồng ý cho viên chức thôi việc thì phải trả lời viên chức bằng văn bản và nêu rõ lý do theo quy định.

- Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc hoặc không ký tiếp hợp đồng làm việc với viên chức thì đồng thời phải giải quyết chế độ thôi việc cho viên chức theo quy định.

**49. Ông K là viên chức của Trường Đại học M. Tháng 11.2020, ông K đến tuổi nghỉ hưu theo quy dịnh pháp luật, tuy nhiên, ông bị gãy chân do tai nạn xe máy phải nhập viện. Xin cho biết, thời điểm tính nghỉ hưu đối với ông K được xác định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 59 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định thời điểm nghỉ hưu của viên chức là ngày 01 của tháng liền kề sau tháng viên chức đủ tuổi nghỉ hưu. Tuy nhiên, đối với một số trường hợp đặc biệt, thời điểm nghỉ hưu được tính lùi lại như sau:

- Không quá 01 tháng đối với một trong các trường hợp: Thời điểm nghỉ hưu trùng với ngày nghỉ Tết Nguyên đán; viên chức có vợ hoặc chồng, bố, mẹ (vợ hoặc chồng), con từ trần, bị Tòa án tuyên bố mất tích; bản thân và gia đình viên chức bị thiệt hại do thiên tai, địch họa, hỏa hoạn;

- Không quá 03 tháng đối với trường hợp bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn có giấy xác nhận của bệnh viện;

- Không quá 06 tháng đối với trường hợp đang điều trị bệnh thuộc danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày do Bộ Y tế ban hành, có giấy xác nhận của bệnh viện.

Viên chức được lùi thời điểm nghỉ hưu thuộc nhiều trường hợp nêu trên thì chỉ được thực hiện đối với một trường hợp có thời gian lùi thời điểm nghỉ hưu nhiều nhất.

Đối với trường hợp của ông K, do bị tai nạn xe máy phải nhập viện nên thời điểm nghỉ hưu của ông sẽ được tính lùi lại không quá 03 tháng theo quy định pháp luật.

**50. Đề nghị cho biết kinh phí chi trả trợ cấp thôi việc được bố trí từ nguồn nào?**

**Trả lời:**

Khoản 3 Điều 58 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP quy định kinh phí chi trả trợ cấp thôi việc như sau:

- Đối với đơn sự nghiệp công lập tự bảo đảm về chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm về chi thường xuyên: Nguồn kinh phí chi trả trợ cấp thôi việc được lấy từ nguồn tài chính của đơn vị, kể cả thời gian trước đó viên chức đã làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong hệ thống chính trị.

- Đối với đơn sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Nguồn kinh phí chi trả được lấy từ nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, kể cả thời gian trước đó viên chức đã làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong hệ thống chính trị. Trường hợp nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập không đáp ứng đủ phần kinh phí chi trả cho thời gian viên chức trước đó đã làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong hệ thống chính trị thì ngân sách nhà nước hỗ trợ.

**51. Theo quy định pháp luật, cán bộ, công chức có hành vi như thế nào thì bị xử lý kỷ luật? Các hình thức xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức?**

Theo Điều 6 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức, quy định cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm các quy định về nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức; những việc cán bộ, công chức, viên chức không được làm; nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị; vi phạm đạo đức, lối sống hoặc vi phạm pháp luật khác khi thi hành công vụ thì bị xem xét xử lý kỷ luật.

Các hình thức kỷ luật đối với cán bộ, công chức được quy định tại Điều 7 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP như sau:

- Đối với cán bộ, áp dụng 04 hình thức kỷ luật: Khiển trách; cảnh cáo; cách chức và bãi nhiệm.

- Đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, áp dụng 04 hình thức kỷ luật:  Khiển trách; cảnh cáo; hạ bậc lương và buộc thôi việc.

- Đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý áp dụng 05 hình thức kỷ luật: Khiển trách; cảnh cáo; giáng chức; cách chức và buộc thôi việc.

**52. Hình thức kỷ luật khiển trách được áp dụng đối với cán bộ, công chức trong trường hợp nào?**

Theo Điều 8 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP, hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với cán bộ, công chức có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả ít nghiêm trọng (trừ các trường hợp cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý không thực hiện đúng, đầy đủ chức trách, nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công và trường hợp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong phạm vi phụ trách mà không có biện pháp ngăn chặn), thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Vi phạm quy định về đạo đức, văn hóa giao tiếp của cán bộ, công chức; quy định của pháp luật về thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức; kỷ luật lao động; nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

2. Lợi dụng vị trí công tác nhằm mục đích vụ lợi; có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong thi hành công vụ; xác nhận hoặc cấp giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện;

3. Không chấp hành quyết định điều động, phân công công tác của cấp có thẩm quyền; không thực hiện nhiệm vụ được giao mà không có lý do chính đáng; gây mất đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

4. Vi phạm quy định của pháp luật về: Phòng, chống tội phạm; phòng, chống tệ nạn xã hội; trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

5. Vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;

6. Vi phạm quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

7. Vi phạm quy định về quy chế tập trung dân chủ, quy định về tuyên truyền, phát ngôn, quy định về bảo vệ chính trị nội bộ;

8. Vi phạm quy định của pháp luật về: đầu tư, xây dựng; đất đai, tài nguyên môi trường; tài chính, kế toán, ngân hàng; quản lý, sử dụng tài sản công trong quá trình thực thi công vụ;

9. Vi phạm quy định của pháp luật về: Phòng, chống bạo lực gia đình; dân số, hôn nhân và gia đình; bình đẳng giới; an sinh xã hội; quy định khác của pháp luật liên quan đến cán bộ, công chức.

**53. Chị M là công chức của Ủy ban nhân dân huyện Y có hành vi vi phạm chính sách dân số (sinh con thứ ba). Chị M có bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức không?**

Theo khoản 9 Điều 8 của Nghị định [112/2020/NĐ-CP](https://luatvietnam.vn/can-bo/nghi-dinh-112-2020-nd-cp-xu-ly-ky-luat-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-191083-d1.html) quy định một trong các hành vi vi phạm của công chức sẽ bị áp dụng hình thức kỷ luật khiển trách đó là vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, dân số, hôn nhân và gia đình; bình đẳng giới, an sinh xã hội; các quy định khác của pháp  luật liên quan đến cán bộ, công chức.

Ben cạnh đó, Điều 10 Pháp lệnh dân số năm 2003 (sửa đổi, bổ sung năm 2008) quy định quyền và nghĩa vụ của mỗi cặp vợ chồng, cá nhân trong việc thực hiện cuộc vận động dân số và kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản: sinh một hoặc hai con, trừ các trường hợp đặc biệt như:

- Cặp vợ chồng sinh con thứ ba, nếu cả hai hoặc một trong hai người thuộc dân tộc có số dân dưới 10.000 người hoặc thuộc dân tộc có nguy cơ suy giảm số dân (tỷ lệ sinh nhỏ hơn hoặc bằng tỷ lệ chết) theo công bố chính thức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Cặp vợ chồng sinh con lần thứ nhất mà sinh ba con trở lên.

- Cặp vợ chồng đã có một con đẻ, sinh lần thứ hai mà sinh hai con trở lên.

- Cặp vợ chồng sinh lần thứ ba trở lên, nếu tại thời điểm sinh chỉ có một con đẻ còn sống, kể cả con đẻ đã cho làm con nuôi.

- Cặp vợ chồng sinh con thứ ba, nếu đã có hai con đẻ nhưng một hoặc cả hai con bị dị tật hoặc mắc bệnh hiểm nghèo không mang tính di truyền, đã được Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh hoặc cấp Trung ương xác nhận.

- Cặp vợ chồng mà một hoặc cả hai người đã có con riêng (con đẻ), chỉ sinh một con hoặc hai con trở lên trong cùng một lần sinh. Quy định này không áp dụng cho trường hợp tái hôn giữa hai người đã từng có hai con chung trở lên và hiện đang còn sống.

- Phụ nữ chưa kết hôn sinh một hoặc hai con trở lên trong cùng một lần sinh.

Như vậy, chị M là công chức và sinh con thứ 3 mà không thuộc các trường hợp nêu trên thì bị coi là vi phạm chính sách của pháp luật về dân số và bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách.

Theo khoản 1 Điều 82 Luật Cán bộ, công chức năm 2008, Cán bộ, công chức bị khiển trách hoặc cảnh cáo thì thời gian nâng lương bị kéo dài 06 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực.

**54. Hình thức kỷ luật cảnh cáo được áp dụng đối với cán bộ, công chức trong trường hợp nào?**

Theo Điều 9 Nghị định 112/2020/NĐ-CP, hình thức kỷ luật cảnh cáo áp dụng đối với cán bộ, công chức có hành vi vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách theo quy định tại Điều 8 Nghị định này mà tái phạm. Theo khoản 8 Điều 2 Nghị định 112/2020/NĐ-CP, cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm lần đầu đã bị xử lý kỷ luật mà trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày quyết định xử lý kỷ luật có hiệu lực có cùng hành vi vi phạm thì bị coi là tái phạm.

2. Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Vi phạm quy định về đạo đức, văn hóa giao tiếp của cán bộ, công chức; quy định của pháp luật về thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức; kỷ luật lao động; nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Lợi dụng vị trí công tác nhằm mục đích vụ lợi; có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong thi hành công vụ; xác nhận hoặc cấp giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện;

- Không chấp hành quyết định điều động, phân công công tác của cấp có thẩm quyền; không thực hiện nhiệm vụ được giao mà không có lý do chính đáng; gây mất đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống tội phạm; phòng, chống tệ nạn xã hội; trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

- Vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;

- Vi phạm quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

- Vi phạm quy định về quy chế tập trung dân chủ, quy định về tuyên truyền, phát ngôn, quy định về bảo vệ chính trị nội bộ;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: đầu tư, xây dựng; đất đai, tài nguyên môi trường; tài chính, kế toán, ngân hàng; quản lý, sử dụng tài sản công trong quá trình thực thi công vụ;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống bạo lực gia đình; dân số, hôn nhân và gia đình; bình đẳng giới; an sinh xã hội; quy định khác của pháp luật liên quan đến cán bộ, công chức.

3. Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả ít nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý không thực hiện đúng, đầy đủ chức trách, nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công;

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong phạm vi phụ trách mà không có biện pháp ngăn chặn.

**55. Những đối tượng công chức nào khi có hành vi vi phạm thì bị áp dụng hình thức kỷ luật hạ bậc lương?**

Theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP, hạ bậc lương là hình thức kỷ luật được áp dụng đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các trường hợp sau đây:

1. Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo theo quy định tại Điều 9 Nghị định này mà tái phạm. Theo khoản 8 Điều 2 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm lần đầu đã bị xử lý kỷ luật mà trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày quyết định xử lý kỷ luật có hiệu lực có cùng hành vi vi phạm thì bị coi là tái phạm.

2. Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Vi phạm quy định về đạo đức, văn hóa giao tiếp của cán bộ, công chức; quy định của pháp luật về thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức; kỷ luật lao động; nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Lợi dụng vị trí công tác nhằm mục đích vụ lợi; có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong thi hành công vụ; xác nhận hoặc cấp giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện;

- Không chấp hành quyết định điều động, phân công công tác của cấp có thẩm quyền; không thực hiện nhiệm vụ được giao mà không có lý do chính đáng; gây mất đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống tội phạm; phòng, chống tệ nạn xã hội; trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

- Vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;

- Vi phạm quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

- Vi phạm quy định về quy chế tập trung dân chủ, quy định về tuyên truyền, phát ngôn, quy định về bảo vệ chính trị nội bộ;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: đầu tư, xây dựng; đất đai, tài nguyên môi trường; tài chính, kế toán, ngân hàng; quản lý, sử dụng tài sản công trong quá trình thực thi công vụ;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống bạo lực gia đình; dân số, hôn nhân và gia đình; bình đẳng giới; an sinh xã hội; quy định khác của pháp luật liên quan đến cán bộ, công chức.

**56. Trong trường nào công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị áp dụng hình thức kỷ luật giáng chức?**

Trong các trường hợp sau đây công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị áp dụng hình thức kỷ luật giáng chức được quy định tại Điều 11 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP như sau:

1. Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo theo quy định tại Điều 9 Nghị định này mà tái phạm. Theo khoản 8 Điều 2 Nghị định 112/2020/NĐ-CP, cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm lần đầu đã bị xử lý kỷ luật mà trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày quyết định xử lý kỷ luật có hiệu lực có cùng hành vi vi phạm thì bị coi là tái phạm.

2. Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý không thực hiện đúng, đầy đủ chức trách, nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công;

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong phạm vi phụ trách mà không có biện pháp ngăn chặn

3. Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Vi phạm quy định về đạo đức, văn hóa giao tiếp của cán bộ, công chức; quy định của pháp luật về thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức; kỷ luật lao động; nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Lợi dụng vị trí công tác nhằm mục đích vụ lợi; có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong thi hành công vụ; xác nhận hoặc cấp giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện;

- Không chấp hành quyết định điều động, phân công công tác của cấp có thẩm quyền; không thực hiện nhiệm vụ được giao mà không có lý do chính đáng; gây mất đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống tội phạm; phòng, chống tệ nạn xã hội; trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

- Vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;

- Vi phạm quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

- Vi phạm quy định về quy chế tập trung dân chủ, quy định về tuyên truyền, phát ngôn, quy định về bảo vệ chính trị nội bộ;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: đầu tư, xây dựng; đất đai, tài nguyên môi trường; tài chính, kế toán, ngân hàng; quản lý, sử dụng tài sản công trong quá trình thực thi công vụ;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống bạo lực gia đình; dân số, hôn nhân và gia đình; bình đẳng giới; an sinh xã hội; quy định khác của pháp luật liên quan đến cán bộ, công chức.

**57. Khi được đề xuất bổ nhiệm vào vị trí Phó Trưởng phòng của Sở X, công chức A đã sử dụng chứng chỉ tin học văn phòng được đặt “mua” từ một địa chỉ trên mạng để đủ tiêu chuẩn được bổ nhiệm. Hành vi của công chức A sau khi được bổ nhiệm thì bị phát hiện. Đề nghị cho biết A là công chức lãnh đạo, quản lý có hành vi vi phạm thì có bị cách chức không? Trường hợp của A thì kỷ luật như thế nào?**

Điều 12 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP quy định hình thức kỷ luật cách chức áp dụng đối với cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức giáng chức theo quy định tại Điều 11 Nghị định này mà tái phạm hoặc cán bộ đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo theo quy định tại Điều 9 Nghị định này mà tái phạm;

2. Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp: Cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý không thực hiện đúng, đầy đủ chức trách, nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong phạm vi phụ trách mà không có biện pháp ngán chặn.

3. Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 8 Nghị định này nhưng chưa đến mức buộc thôi việc, người vi phạm có thái độ tiếp thu, sửa chữa, chủ động khắc phục hậu quả và có nhiều tình tiết giảm nhẹ;

4. Sử dụng giấy tờ không hợp pháp để được bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm vào chức vụ.

Căn cứ quy định nêu trên, công chức A là lãnh đạo, quản lý (giữ chức vụ Phó trưởng phòng của Sở X) đã có hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 là sử dụng chứng chỉ tin học không hợp pháp để được bổ nhiệm vào chức vụ quản lý. Theo đó, A bị áp dụng hình thức kỷ luật cách chức.

**58. Hình thức kỷ luật buộc thôi việc được áp dụng đối với công chức trong trường hợp nào?**

Theo Điều 13 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP, hình thức kỷ luật buộc thôi việc áp dụng đối với công chức có hành vi vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cách chức đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc hạ bậc lương đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý mà tái phạm. Theo khoản 8 Điều 2 Nghị định 112/2020/NĐ-CP, cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm lần đầu đã bị xử lý kỷ luật mà trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày quyết định xử lý kỷ luật có hiệu lực có cùng hành vi vi phạm thì bị coi là tái phạm.

2. Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Vi phạm quy định về đạo đức, văn hóa giao tiếp của cán bộ, công chức; quy định của pháp luật về thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức; kỷ luật lao động; nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Lợi dụng vị trí công tác nhằm mục đích vụ lợi; có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong thi hành công vụ; xác nhận hoặc cấp giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện;

- Không chấp hành quyết định điều động, phân công công tác của cấp có thẩm quyền; không thực hiện nhiệm vụ được giao mà không có lý do chính đáng; gây mất đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống tội phạm; phòng, chống tệ nạn xã hội; trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

- Vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;

- Vi phạm quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

- Vi phạm quy định về quy chế tập trung dân chủ, quy định về tuyên truyền, phát ngôn, quy định về bảo vệ chính trị nội bộ;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: đầu tư, xây dựng; đất đai, tài nguyên môi trường; tài chính, kế toán, ngân hàng; quản lý, sử dụng tài sản công trong quá trình thực thi công vụ;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống bạo lực gia đình; dân số, hôn nhân và gia đình; bình đẳng giới; an sinh xã hội; quy định khác của pháp luật liên quan đến cán bộ, công chức.

3. Sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp để được tuyển dụng vào cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Nghiện ma túy; đối với trường hợp này phải có kết luận của cơ sở y tế hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

5. Ngoài ra, hình thức kỷ luật buộc thôi việc còn được áp dụng đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý không thực hiện đúng, đầy đủ chức trách, nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công;

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong phạm vi phụ trách mà không có biện pháp ngán chặn.

**59. Anh E là công chức Văn phòng – Thống kê của Ủy ban nhân dân xã D. Anh E bị tuyên án 06 tháng tù về tội cố ý gây thương tích nhưng do đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại nên anh E được hưởng án treo. Trong trường hợp này, anh E có đương nhiên bị buộc thôi việc không?**

Theo khoản 3 Điều 79 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019), công chức bị Tòa án kết án phạt tù mà không được hưởng án treo hoặc bị kết án về tội phạm tham nhũng thì đương nhiên bị buộc thôi việc kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật; công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phạm tội bị Tòa án kết án và bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì đương nhiên thôi giữ chức vụ do bổ nhiệm.

Căn cứ vào quy định nêu trên, trường hợp của anh E bị Tòa án kết án phạt tù nhưng cho hưởng án treo, do đó, anh E không thuộc trường hợp đương nhiên buộc thôi việc.

**60. Viên chức bị áp dụng hình thức xử lý kỷ luật khiển trách trong trường hợp nào?**

Theo [Điều 16 Nghị định 112/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2020-nd-cp-xu-ly-ky-luat-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-453227.aspx), hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả ít nghiêm trọng (trừ trường hợp viên chức quản lý không thực hiện đúng trách nhiệm, để viên chức thuộc quyền quản lý vi phạm pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp hoặc viên chức quản lý không hoàn thành nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công mà không có lý do chính đáng), thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Không tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp, đã được cấp có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản;

2. Vi phạm quy định của pháp luật về: thực hiện chức trách, nhiệm vụ của viên chức; kỷ luật lao động; quy định, nội quy, quy chế làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản;

3. Lợi dụng vị trí công tác nhằm mục đích vụ lợi; có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với nhân dân trong quá trình thực hiện công việc, nhiệm vụ được giao; xác nhận hoặc cấp giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp;

4. Không chấp hành quyết định phân công công tác của cấp có thẩm quyền; không thực hiện nhiệm vụ được giao mà không có lý do chính đáng; gây mất đoàn kết trong đơn vị;

5. Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống tội phạm; phòng, chống tệ nạn xã hội; trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

6. Vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;

7. Vi phạm quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

8. Vi phạm quy định của pháp luật về: đầu tư, xây dựng; đất đai, tài nguyên môi trường; tài chính, kế toán, ngân hàng; quản lý, sử dụng tài sản công trong quá trình hoạt động nghề nghiệp;

9. Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống bạo lực gia đình; dân số, hôn nhân và gia đình.

**61. Viên chức bị áp dụng hình thức xử lý kỷ luật cảnh cáo trong trường hợp nào?**

Điều 17 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP quy định hình thức kỷ luật cảnh cáo áp dụng đối với viên chức có hành vi vi phạm thuộc một trong các trường hợp sau đây:s

1. Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách về hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 Nghị định này mà tái phạm. Theo Khoản 8 Điều 2 Nghị định 112/2020/NĐ-CP, cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm lần đầu đã bị xử lý kỷ luật mà trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày quyết định xử lý kỷ luật có hiệu lực có cùng hành vi vi phạm thì bị coi là tái phạm.

2. Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Không tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp, đã được cấp có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: thực hiện chức trách, nhiệm vụ của viên chức; kỷ luật lao động; quy định, nội quy, quy chế làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản;

- Lợi dụng vị trí công tác nhằm mục đích vụ lợi; có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với nhân dân trong quá trình thực hiện công việc, nhiệm vụ được giao; xác nhận hoặc cấp giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp;

- Không chấp hành quyết định phân công công tác của cấp có thẩm quyền; không thực hiện nhiệm vụ được giao mà không có lý do chính đáng; gây mất đoàn kết trong đơn vị;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống tội phạm; phòng, chống tệ nạn xã hội; trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

- Vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;

- Vi phạm quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: đầu tư, xây dựng; đất đai, tài nguyên môi trường; tài chính, kế toán, ngân hàng; quản lý, sử dụng tài sản công trong quá trình hoạt động nghề nghiệp;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống bạo lực gia đình; dân số, hôn nhân và gia đình.

3. Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả ít nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Viên chức quản lý không thực hiện đúng trách nhiệm, để viên chức thuộc quyền quản lý vi phạm pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp;

- Viên chức quản lý không hoàn thành nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công mà không có lý do chính đáng.

**62. Hình thức kỷ luật cách chức được áp dụng đối với viên chức trong trường hợp nào?**

Theo Điều 18 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP, hình thức kỷ luật cách chức áp dụng đối với viên chức quản lý thuộc một trong các trường hợp sau đây:

1. Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo theo quy định tại Điều 17 Nghị định này mà tái phạm. Theo Khoản 8 Điều 2 Nghị định 112/2020/NĐ-CP, cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm lần đầu đã bị xử lý kỷ luật mà trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày quyết định xử lý kỷ luật có hiệu lực có cùng hành vi vi phạm thì bị coi là tái phạm.

2. Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

3. Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp sau đây: - Không tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp, đã được cấp có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: thực hiện chức trách, nhiệm vụ của viên chức; kỷ luật lao động; quy định, nội quy, quy chế làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản;

- Lợi dụng vị trí công tác nhằm mục đích vụ lợi; có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với nhân dân trong quá trình thực hiện công việc, nhiệm vụ được giao; xác nhận hoặc cấp giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp;

- Không chấp hành quyết định phân công công tác của cấp có thẩm quyền; không thực hiện nhiệm vụ được giao mà không có lý do chính đáng; gây mất đoàn kết trong đơn vị;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống tội phạm; phòng, chống tệ nạn xã hội; trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

- Vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;

- Vi phạm quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: đầu tư, xây dựng; đất đai, tài nguyên môi trường; tài chính, kế toán, ngân hàng; quản lý, sử dụng tài sản công trong quá trình hoạt động nghề nghiệp;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống bạo lực gia đình; dân số, hôn nhân và gia đình.

- Viên chức quản lý không thực hiện đúng trách nhiệm, để viên chức thuộc quyền quản lý vi phạm pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp;

- Viên chức quản lý không hoàn thành nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công mà không có lý do chính đáng.

4. Sử dụng giấy tờ không hợp pháp để được bổ nhiệm chức vụ.

**63. Viên chức quản lý tại đơn vị sự nghiệp công lập, nếu lần đầu không hoàn thành nhiệm vụ được giao thì có bị buộc thôi việc không?**

Theo khoản 3 Điều 19 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP thì hình thức kỷ luật buộc thôi việc áp dụng đối với viên chức quản lý trong trường hợp:

Viên chức quản lý có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp:

- Viên chức quản lý không thực hiện đúng trách nhiệm, để viên chức thuộc quyền quản lý vi phạm pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp;

- Viên chức quản lý không hoàn thành nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công mà không có lý do chính đáng.

Theo các quy định nêu trên, viên chức quản lý lần đầu không hoàn thành nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công mà không có lý do chính đáng gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thì bị áp dụng biện pháp buộc thôi việc.

Trường hợp viên chức quản lý lần dầu không hoàn thành nhiệm vụ nếu có lý do chính đáng hoặc chưa gây ra hậu quả rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng thì không bị áp dụng kỷ luật thôi việc.

**64. Hình thức kỷ luật buộc thôi việc áp dụng với viên chức trong trường hợp nào? Viên chức bị phát hiện nghiện ma túy có bị buộc thôi việc không?**

Hình thức kỷ luật buộc thôi việc áp dụng đối với viên chức có hành vi vi phạm được quy định tại Điều 19 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP khi viên chức thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cách chức đối với viên chức quản lý hoặc cảnh cáo đối với viên chức không giữ chức vụ quản lý mà tái phạm;

- Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Không tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp, đã được cấp có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: thực hiện chức trách, nhiệm vụ của viên chức; kỷ luật lao động; quy định, nội quy, quy chế làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản;

- Lợi dụng vị trí công tác nhằm mục đích vụ lợi; có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với nhân dân trong quá trình thực hiện công việc, nhiệm vụ được giao; xác nhận hoặc cấp giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp;

- Không chấp hành quyết định phân công công tác của cấp có thẩm quyền; không thực hiện nhiệm vụ được giao mà không có lý do chính đáng; gây mất đoàn kết trong đơn vị;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống tội phạm; phòng, chống tệ nạn xã hội; trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

- Vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;

- Vi phạm quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: đầu tư, xây dựng; đất đai, tài nguyên môi trường; tài chính, kế toán, ngân hàng; quản lý, sử dụng tài sản công trong quá trình hoạt động nghề nghiệp;

- Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống bạo lực gia đình; dân số, hôn nhân và gia đình.

3. Viên chức quản lý có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Viên chức quản lý không thực hiện đúng trách nhiệm, để viên chức thuộc quyền quản lý vi phạm pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp;

- Viên chức quản lý không hoàn thành nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công mà không có lý do chính đáng.

4. Sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp để được tuyển dụng vào cơ quan, tổ chức, đơn vị;

*5. Nghiện ma túy; đối với trường hợp này phải có xác nhận của cơ sở y tế hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền.*

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp phát hiện viên chức nghiện ma túy nếu có có xác nhận của cơ sở y tế hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền thì sẽ bị áp dụng hình thức kỷ luật buộc thôi việc.

**65. Cán bộ, công chức, viên chức có hành vi sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả hoặc giấy tờ không hợp pháp để được tuyển dụng, bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm sẽ bị xử lý kỷ luật như thế nào?**

Căn cứ vào các quy định tại khoản 4 Điều 12, khoản 3 Điều 13, khoản 4 Điều 18, khoản 4 Điều 19, hình thức kỷ luật đối với hành vi sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả hoặc giấy tờ không hợp pháp để được tuyển dụng, bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, thì bị xử lý như sau:

- Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: áp dụng hình thức kỷ luật cách chức nếu có hành vi sử dụng giấy tờ không hợp pháp để được bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm vào chức vụ.

- Công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý: áp dụng hình thức kỷ luật buộc thôi việc nếu có hành vi sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp để được tuyển dụng vào cơ quan, tổ chức, đơn vị.

**66. Công chức A bị đưa ra xem xét kỷ luật do có các hành vi xác nhận giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện và vi phạm quy định quản lý, sử dụng tài sản công trong quá trình thực thi công vụ. Qua xác minh, cả 02 hành vi vi phạm của công chức A đều là lần đầu và gây hậu quả ít nghiêm trọng. Trong trường hợp này, công chức A bị áp dụng hình thức kỷ luật gì?**

Điều 8 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP quy định: Các hành vi xác nhận giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện và vi phạm quy định quản lý, sử dụng tài sản công trong quá trình thực thi công vụ của cán bộ, công chức nếu là vi phạm lần đầu và gây hậu quả ít nghiêm trọng thì áp dụng hình thức kỷ luật khiển trách.

Theo khoản 2 Điều 2 Nghị định này, mỗi hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một lần bằng một hình thức kỷ luật. Trong cùng một thời điểm xem xét xử lý kỷ luật, nếu cán bộ, công chức, viên chức có từ 02 hành vi vi phạm trở lên thì bị xử lý kỷ luật về từng hành vi vi phạm và áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng đối với hành vi vi phạm nặng nhất, trừ trường hợp bị xử lý kỷ luật bằng hình thức bãi nhiệm, buộc thôi việc; không tách riêng từng nội dung vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức để xử lý kỷ luật nhiều lần với các hình thức kỷ luật khác nhau.

Căn cứ các quy định nêu trên, công chức A bị đưa ra xem xét đối với 02 hành vi vi phạm và cả 02 hành vi này đều thuộc trường hợp áp dụng hình thức kỷ luật khiển trách. Như vậy, công chức A bị áp dụng hình thức cảnh cáo (áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn mức khiển trách) đối với 02 hành vi vi phạm nêu trên.

**67. Tháng 10/2020, công chức A có hành vi vi phạm kỷ luật lao động và bị Thủ trưởng đơn vị ra quyết định kỷ luật khiển trách, quyết định kỷ luật có hiệu lực ngày 15/10/2020. Tháng 12/2020, công chức A lại có hành vi không thực hiện nhiệm vụ được giao mà không có lý do chính đáng và bị đưa ra xem xét kỷ luật. Xin hỏi, việc xác định hình thức kỷ luật trong trường hợp này được pháp luật quy định như thế nào?**

Khoản 3 Điều 2 Nghị định 112/2020/NĐ-CP quy định trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời gian thi hành quyết định kỷ luật tiếp tục có hành vi vi phạm thì bị áp dụng hình thức kỷ luật như sau:

- Nếu có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật ở hình thức nhẹ hơn hoặc bằng so với hình thức kỷ luật đang thi hành thì áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật đang thi hành;

- Nếu có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật ở hình thức nặng hơn so với hình thức kỷ luật đang thi hành thì áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng đối với hành vi vi phạm mới.

Theo khoản 4 Điều 30 Nghị định 112/2020/NĐ-CP, Quyết định kỷ luật cán bộ, công chức có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày có hiệu lực thi hành. Trong thời gian này, nếu công chức không tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật đến mức phải xử lý kỷ luật thì quyết định kỷ luật đương nhiên chấm dứt hiệu lực mà không cần phải có văn bản về việc chấm dứt hiệu lực.

Căn cứ quy định nêu trên, công chức A bị xử lý kỷ luật khiển trách từ 15/10/2020, đến tháng 12/2020 (trong thời gian thi hành quyết định kỷ luật) công chức A lại tiếp tục có hành vi vi phạm bị xem xét kỷ luật. Nếu hành vi vi phạm mới của công chức A thuộc trường hợp áp dụng hình thức kỷ luật khiển trách thì công chức A sẽ bị áp dụng hình thức kỷ luật cảnh cáo. Nếu hành vi vi phạm mới thuộc trường hợp áp dụng hình thức kỷ luật từ cảnh cáo trở lên thì công chức A sẽ bị áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng đối với hành vi vi phạm mới.

**68. Đối với cán bộ, công chức, viên chức là đảng viên khi có hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình thực thi công vụ nếu đã bị xử lý kỷ luật đảng thì có bị xử lý kỷ luật hành chính theo quy định tại Nghị định 112/2020/NĐ-CP không?**

Theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP, không áp dụng hình thức xử phạt hành chính hoặc hình thức kỷ luật đảng thay cho hình thức kỷ luật hành chính; xử lý kỷ luật hành chính không thay cho truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu hành vi vi phạm đến mức bị xử lý hình sự.

Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đã bị xử lý kỷ luật đảng thì hình thức kỷ luật hành chính phải bảo đảm ở mức độ tương xứng với kỷ luật đảng. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị phải xem xét, quyết định việc xử lý kỷ luật hành chính (Khoản 6).

**69. Ngày 30/9/2020, công chức S bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý kỷ luật do có hành vi gây khó khăn, phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong thi hành công vụ. Đến ngày 20/11/2020, công chức S lại có hành vi cấp giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện. Trường hợp của công chức S có bị coi là tái phạm không?**

Theo khoản 8, Điều 2 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP quy định cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm lần đầu đã bị xử lý kỷ luật mà trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày quyết định xử lý kỷ luật có hiệu lực có cùng hành vi vi phạm thì bị coi là tái phạm; ngoài thời hạn 24 tháng thì hành vi vi phạm đó được coi là vi phạm lần đầu nhưng được tính là tình tiết tăng nặng khi xem xét xử lý kỷ luật.

Căn cứ quy định nêu trên, công chức S tiếp tục có hành vi vi phạm kỷ luật trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày quyết định xử lý kỷ luật có hiệu lực không cùng hành vi so với hành vi vi phạm lần đầu, do đó không coi là tái phạm. Trường hợp này, sẽ căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định 112/2020/NĐ-CP để xác định hình thức kỷ luật đối với công chức S.

**70. Chị V là công chức làm việc tại bộ phận nhận và trả kết quả tại cơ quan X. Trong quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ của công dân, chị V thường xuyên có có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính. Qua đường dây nóng, cơ quan X đã nhận được một số kiến nghị của người dân về thái độ và hành vi của chị V. Hiện tại, chị V đang mang thai tháng thứ 06. Vậy, cơ quan X có thể đưa ra xem xét xử lý kỷ luật đối với chị V ngay không?**

Theo [Điều 3 Nghị định 112/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2020-nd-cp-xu-ly-ky-luat-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-453227.aspx) các trường hợp sau đây chưa xem xét xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức bao gồm:

1. Cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời gian nghỉ hàng năm, nghỉ theochế độ, nghỉ việc riêng được cấp có thẩm quyền cho phép.

2. Cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời gian điều trị bệnh hiểm nghèo hoặc đang mất khả năng nhận thức; bị ốm nặng đang điều trị nội trú tại bệnh viện có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

3. Cán bộ, công chức, viên chức là nữ giới đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi hoặc cán bộ, công chức, viên chức là nam giới (trong trường hợp vợ chết hoặc vì lý do khách quan, bất khả kháng khác) đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

4. Cán bộ, công chức, viên chức đang bị khởi tố, tạm giữ, tạm giam chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật, trừ trường hợp theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Căn cứ quy định trên tại khoản 3, tuy chị V có hành vi vi phạm thuộc trường hợp bị xem xét xử lý kỷ luật. Nhưng chị V đang mang thai, do đó cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật phải chờ sau khi chị V sinh con và con của chị V đủ 12 tháng tuổi mới xem xét xử lý kỷ luật đối với công chức này.

**71. Trường hợp nào cán bộ, công chức, viên chức được miễn trách nhiệm kỷ luật ?**

Cán bộ, công chức, viên chức được miễn trách nhiệm kỷ luật trong các trường hợp được quy định tại Điều 4 [Nghị định 112/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-34-2011-nd-cp-quy-dinh-xu-ly-ky-luat-cong-chuc-124150.aspx), cụ thể như sau:

1. Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự khi có hành vi vi phạm.

2. Phải chấp hành quyết định của cấp trên. Cụ thể: Khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật thì phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với người ra quyết định; trường hợp người ra quyết định vẫn quyết định việc thi hành thì phải có văn bản và người thi hành phải chấp hành nhưng không chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành, đồng thời báo cáo cấp trên trực tiếp của người ra quyết định. Người ra quyết định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

3. Được cấp có thẩm quyền xác nhận vi phạm trong tình thế cấp thiết, do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của Bộ luật Dân sự khi thi hành công vụ.

4. Cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm đến mức bị xử lý kỷ luật nhưng đã qua đời.

**72. Công chức tài chính - kế toán của xã B (huyện A) có hành vi vi phạm quy định pháp luật về tài chính, kế toán từ năm 2014. Tuy nhiên, đến năm 2015, hành vi này của công chức trên mới bị phát hiện. Do công chức xã B là đảng viên nên Ủy ban kiểm tra của huyện A đã tiến hành xem xét, kỷ luật và ra quyết định kỷ luật Đảng đối với công chức này hình thức kỷ luật khai trừ đảng. Trong trường hợp này có áp dụng quy định về thời hiệu xử lý kỷ luật hành chính đối với công chức xã B không?**

Theo quy định tại Điều 80 Luật Cán bộ, công chức được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 16 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức quy định về thời hiệu xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức như sau:

1. Thời hiệu xử lý kỷ luật là thời hạn mà khi hết thời hạn đó thì cán bộ, công chức có hành vi vi phạm không bị xử lý kỷ luật. Thời hiệu xử lý kỷ luật được tính từ thời điểm có hành vi vi phạm.

Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thời hiệu xử lý kỷ luật được quy định như sau:

a) 02 năm đối với hành vi vi phạm ít nghiêm trọng đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khiển trách;

b) 05 năm đối với hành vi vi phạm không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

2. Đối với các hành vi vi phạm sau đây thì không áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật:

a) Cán bộ, công chức là đảng viên có hành vi vi phạm đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khai trừ;

b) Có hành vi vi phạm quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ;

c) Có hành vi xâm hại đến lợi ích quốc gia trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại;

d) Sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp.

Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2, công chức xã B là đảng viên có hành vi vi phạm và bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khai trừ, do đó, không áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật đối với công chức xã B.

Theo khoản 2 Điều 6 Nghị định 112/2020/NĐ-CP, trường hợp cán bộ, công chức, viên chức đã bị xử lý kỷ luật đảng thì hình thức kỷ luật hành chính phải bảo đảm ở mức độ tương xứng với kỷ luật đảng. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị phải xem xét, quyết định việc xử lý kỷ luật hành chính.

Như vậy, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Ủy ban kiểm tra huyện A ra quyết định kỷ luật đảng đối với B, Chủ tich Ủy ban nhân dân huyện A phải xem xét, quyết định việc xử lý kỷ luật hành chính đối với công chức nêu trên.

**73.** **Thời hạn xử lý kỷ luật cán bộ, công chức được quy định như thế nào?**

Theo khoản 3, khoản 4 Điều 80 Luật Cán bộ, công chức được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 16 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức quy định về thời hạn xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức như sau:

- Thời hạn xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức là khoảng thời gian từ khi phát hiện hành vi vi phạm kỷ luật của cán bộ, công chức đến khi có quyết định xử lý kỷ luật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

- Thời hạn xử lý kỷ luật không quá 90 ngày; trường hợp vụ việc có tình tiết phức tạp cần có thời gian thanh tra, kiểm tra để xác minh làm rõ thêm thì thời hạn xử lý kỷ luật có thể kéo dài nhưng không quá 150 ngày.

- Trường hợp cá nhân đã bị khởi tố, truy tố hoặc đã có quyết định đưa ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự nhưng sau đó có quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án mà hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm kỷ luật thì bị xem xét xử lý kỷ luật. Thời gian điều tra, truy tố, xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự không được tính vào thời hạn xử lý kỷ luật. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án, người ra quyết định phải gửi quyết định và tài liệu có liên quan cho cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xử lý kỷ luật.”.

Ngoài ra, khoản 6 Điều 2 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP quy định, trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị phải xem xét, quyết định việc xử lý kỷ luật hành chính.

**74. Anh Y là công chức của Ủy ban nhân dân huyện X. Theo quy định thì đến tháng 01/01/2021, anh Y đến kỳ nâng lương thường xuyên. Tuy nhiên, tháng 11/2020, anh Anh bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách do vi phạm nội quy của cơ quan. Quyết định kỷ luật có hiệu lực từ ngày 30/11/2020. Vậy thời gian nâng lương thường xuyên của anh A được tính như thế nào?**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 82 Luật cán bộ, công chức, năm 2008, quy định cán bộ, công chức bị khiển trách hoặc cảnh cáo thì thời gian nâng lương bị kéo dài 06 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực; nếu bị giáng chức, cách chức thì thời gian nâng lương bị kéo dài 12 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực.

Thời gian xét nâng lương thường xuyên đối với anh A là ngày 01/01/2021. Tuy nhiên, ngày 30/11/2020, quyết định kỷ luật với hình thức khiển trách đối với anh A có hiệu lực. Căn cứ quy định nêu trên, thời gian nâng lương thường xuyên của anh A bị kéo dài đến ngày 01/7/2021.

**75. Công chức A là Trưởng phòng của Sở X bị xử lý kỷ luật hành chính với hình thức cách chức do vi phạm pháp luật trong quá trình thực thi công vụ. Đề nghị cho biết, kể từ khi quyết định kỷ luật có hiệu lực thì trong thời gian bao lâu A có thể được xem xét bổ nhiệm lại vào chức vụ Trưởng phòng?**

Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 82 Luật Cán bộ, công chức được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 16 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức và khoản 4 Điều 82 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 quy định:

2. Cán bộ, công chức bị kỷ luật thì xử lý như sau:

a) Trường hợp bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo hoặc hạ bậc lương thì không thực hiện việc nâng ngạch, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm vào chức vụ cao hơn trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực;

b) Trường hợp bị kỷ luật bằng hình thức giáng chức hoặc cách chức thì không thực hiện việc nâng ngạch, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm trong thời hạn 24 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực;

c) Hết thời hạn quy định tại điểm a và điểm b khoản này, cán bộ, công chức không vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì tiếp tục thực hiện nâng ngạch, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Cán bộ, công chức đang trong thời hạn xử lý kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử thì không được ứng cử, đề cử, bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch hoặc thôi việc.

4. Cán bộ, công chức bị kỷ luật cách chức do tham nhũng thì không được bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo, quản lý.

Như vậy, căn cứ điểm c, b khoản 2 điều này thì sau thời hạn 24 tháng kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực, công chức A không vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì tiếp tục thực hiện nâng ngạch, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp công chức A bị kỷ luật cách chức do tham nhũng quy định tại khoản 4).

**76. Ngày 20/3/2020, công chức B có hành vi vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ. Tuy nhiên, do chị B đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng nên không đưa ra xem xét kỷ luật. Đến ngày 01/12/2020, con của B tròn 12 tháng. Trong trường hợp này, việc xem xét kỷ luật đối với B có được thực hiện theo các quy định của Nghị định số 112/2020/NĐ-CP hay không?**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP quy định thời điểm có hiệu lực của Nghị định này là ngày 20/9/2020.

Khoản 1 Điều 43 Nghị định số 112/2020/ND-CP quy định, đối với các hành vi vi phạm được xem xét, xử lý trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng quy định của pháp luật hiện hành để xử lý; đối với các hành vi vi phạm xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực nhưng việc xem xét, xử lý sau ngày Nghị định này có hiệu lực thì áp dụng quy định của Nghị định này.

Theo đó B có hành vi vi phạm vào ngày 20/3/2020, tức là trước ngày Nghị định 112/2020/NĐ-CP có hiệu lực. Tuy nhiên, do đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi nên đến ngày 01/12/2020 (khi con của chị B đủ 12 tháng tuổi) mới đủ điều kiện đưa ra xem xét, kỷ luật đối với hành vi vi phạm của chị B. Do đó, việc xem xét xử lý kỷ luật đối với B sẽ được áp dụng theo các quy định của Nghị định số 112/2020/NĐ-CP.

**77. Pháp luật quy định xử lý kỷ luật như thế nào đối với cán bộ, công chức đã nghỉ việc, nghỉ hưu nhưng sau đó bị phát hiện hành vi vi phạm trong thời gian công tác?**

**Trả lời:**

Khoản 5 Điều 84 Luật Cán bộ, công chức được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 18 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật Viên chức quy định việc xử lý đối với hành vi vi phạm trong thời gian công tác của cán bộ, công chức đã nghỉ việc, nghỉ hưu được quy định như sau:

a) Mọi hành vi vi phạm trong thời gian công tác của cán bộ, công chức đã nghỉ việc, nghỉ hưu đều bị xử lý theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng, người có hành vi vi phạm có thể bị xử lý hình sự, hành chính hoặc xử lý kỷ luật.

b) Cán bộ, công chức sau khi nghỉ việc hoặc nghỉ hưu mới phát hiện có hành vi vi phạm trong thời gian công tác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải chịu một trong những hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, xóa tư cách chức vụ đã đảm nhiệm gắn với hệ quả pháp lý tương ứng với hình thức xử lý kỷ luật.

c) Việc xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức đã nghỉ việc, nghỉ hưu có hành vi vi phạm trong thời gian công tác trước ngày 01 tháng 7 năm 2020 được thực hiện theo quy định của Luật này.

**78. Thẩm quyền và trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với người đã nghỉ việc, nghỉ hưu được quy định như thế nào?**

Về thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với người đã nghỉ việc, nghỉ hưu được quy định tại Điều 22 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP như sau:

1. Trường hợp bị xử lý kỷ luật bằng hình thức xóa tư cách chức vụ, chức danh thì cấp có thẩm quyền phê chuẩn, quyết định phê duyệt kết quả bầu cử, bổ nhiệm vào chức vụ, chức danh cao nhất ra quyết định xử lý kỷ luật. Trong trường hợp này, cấp có thẩm quyền quyết định việc xử lý đối với các chức vụ, chức danh khác có liên quan.

2. Trường hợp bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo thì cấp có thẩm quyền phê chuẩn, quyết định phê duyệt kết quả bầu cử, bổ nhiệm vào chức vụ, chức danh ra quyết định xử lý kỷ luật.

3. Riêng đối với người giữ chức vụ, chức danh trong cơ quan hành chính nhà nước do Quốc hội phê chuẩn thì Thủ tướng Chính phủ ra quyết định xử lý kỷ luật.

Về trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với người đã nghỉ việc, nghỉ hưu được quy định tại Điều 23 Nghị định 112/2020/NĐ-CP cụ thể như sau:

1. Căn cứ vào quyết định xử lý kỷ luật của cấp có thẩm quyền, cơ quan tham mưu về công tác cán bộ của cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật đề xuất hình thức kỷ luật, thời điểm xử lý kỷ luật và thời gian thi hành kỷ luật.

- Trường hợp thuộc thẩm quyền xử lý kỷ luật của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ thì cơ quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng đề xuất hình thức kỷ luật, thời điểm xử lý kỷ luật và thời gian thi hành kỷ luật.

- Trường hợp thuộc thẩm quyền xử lý của Thủ tướng Chính phủ thì đề xuất được gửi đồng thời tới Bộ Nội vụ để thẩm định, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

- Trường hợp chưa có quyết định xử lý kỷ luật của cấp có thẩm quyền đối với người đã nghỉ việc, nghỉ hưu có hành vi vi phạm trong quá trình công tác, cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật quy định tại Điều 22 Nghị định này quyết định việc xử lý kỷ luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Cấp có thẩm quyền ra quyết định xử lý kỷ luật.

**79. Những hành vi vi phạm nào của viên chức không áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật?**

**Trả lời:**

Khoản 2 Điều 53 của Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật Viên chức quy định các hành vi vi phạm của viên chức không áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật gồm có:

a) Viên chức là đảng viên có hành vi vi phạm đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khai trừ.

b) Có hành vi vi phạm quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

c) Có hành vi xâm hại đến lợi ích quốc gia trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

d) Sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp.

**80. Trình tự, thủ xử lý kỷ luật đối với công chức được quy định như thế nào?**

Trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với công chức được quy định tại [Điều 25 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2020-nd-cp-xu-ly-ky-luat-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-453227.aspx), cụ thể như sau:

Việc xử lý kỷ luật đối với công chức được thực hiện theo các bước sau đây:

1. Tổ chức họp kiểm điểm;

2. Thành lập Hội đồng kỷ luật;

3. Cấp có thẩm quyền ra quyết định xử lý kỷ luật.

Trường hợp xử lý kỷ luật theo quyết định của cấp có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật thì không thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp công chức có hành vi vi phạm pháp luật bị Tòa án kết án phạt tù mà không được hưởng án treo hoặc bị Tòa án kết án về hành vi tham nhũng thì không thực hiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

**81. Ai có trách nhiệm tổ chức họp kiểm điểm công chức? Thành phần tham dự cuộc họp kiểm điểm công chức quy định thế nào?**

Khoản 1 [Điều 26 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2020-nd-cp-xu-ly-ky-luat-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-453227.aspx) quy định về trách nhiệm tổ chức họp kiểm điểm công chức như sau:

- Trường hợp người bị kiểm điểm là công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức có trách nhiệm tổ chức cuộc họp kiểm điểm. Thành phần tham dự cuộc họp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.

- Trường hợp người bị kiểm điểm là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu thì lãnh đạo cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan sử dụng công chức có trách nhiệm tổ chức cuộc họp kiểm điểm và quyết định thành phần dự họp.

Về thành phần tham dự cuộc họp kiểm điểm công chức được quy định cụ thể tại Khoản 2 [Điều 26 Nghị định 112/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2020-nd-cp-xu-ly-ky-luat-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-453227.aspx) như sau:

- Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công chức công tác là đơn vị cấu thành thì thành phần dự họp là toàn thể công chức của đơn vị cấu thành; đại diện lãnh đạo, cấp ủy, công đoàn, cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức.

- Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức không có đơn vị cấu thành thì thành phần dự họp kiểm điểm là toàn thể công chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức.

- Trường hợp người bị kiểm điểm là công chức được cử biệt phái thì ngoài thành phần quy định tại điểm a, điểm b khoản này còn phải có đại diện lãnh đạo của cơ quan cử công chức biệt phái.

- Trường hợp người bị kiểm điểm là công chức cấp xã thì thành phần dự họp là đại diện lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, đại diện tổ chức chính trị - xã hội có liên quan và toàn thể công chức của Ủy ban nhân dân cấp xã.

**82. Trường hợp công chức có hành vi vi phạm vắng mặt trong cuộc họp kiểm điểm thì cuộc họp kiểm điểm có tiến hành được không?**

Theo điểm b Khoản 3 [Điều 26 Nghị định 112/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2020-nd-cp-xu-ly-ky-luat-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-453227.aspx) quy định về tổ chức họp kiểm điểm công chức như sau:

Người có hành vi vi phạm trình bày bản kiểm điểm, trong đó nêu rõ hành vi vi phạm và tự nhận hình thức kỷ luật.

Trường hợp người có hành vi vi phạm có mặt tại cuộc họp nhưng không làm bản kiểm điểm thì cuộc họp kiểm điểm vẫn được tiến hành.

Trường hợp người có hành vi vi phạm vắng mặt thì cuộc họp kiểm điểm được tiến hành sau 02 lần gửi thông báo triệu tập họp.

Căn cứ quy định trên thì trong hai lần đầu thông báo triệu tập họp kiểm điểm công chức (người có hành vi vi phạm) mà công chức vi phạm vắng mặt thì cuộc họp sẽ không được tiến hành. Sau 02 lần nếu công chức vẫn vắng mặt thì cuộc họp kiểm điểm vẫn sẽ được tiến hành.

**83. Việc gửi báo cáo kiểm điểm công chức đến cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật quy định như thế nào?**

Theo Khoản 4 [Điều 26 Nghị định 112/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2020-nd-cp-xu-ly-ky-luat-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-453227.aspx) quy định về tổ chức họp kiểm điểm công chức, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp kiểm điểm, người chủ trì cuộc họp gửi báo cáo và biên bản cuộc họp kiểm điểm đến cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật. Báo cáo phải thể hiện rõ các nội dung sau đây:

- Hành vi vi phạm, tính chất và hậu quả của hành vi vi phạm;

- Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ;

- Trách nhiệm của người có hành vi vi phạm;

- Thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật;

- Kiến nghị về việc xử lý kỷ luật; hình thức kỷ luật (nếu có) và trình tự thực hiện.

Như vậy, trong thời hạn 03 ngày làm việc (kể từ ngày kết thúc cuộc họp kiểm điểm) người chủ trì cuộc họp gửi báo cáo và biên bản cuộc họp kiểm điểm đến cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật.

**84. Việc thành lập và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng kỷ luật công chức được quy định như thế nào?**

Điều 27 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP quy định Hội đồng kỷ luật công chức như sau:

- Chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo và biên bản cuộc họp kiểm điểm, cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật để tư vấn về việc áp dụng hình thức kỷ luật đối với công chức có hành vi vi phạm, trừ các trường hợp không phải thành lập Hội đồng kỷ luật

- Nguyên tắc làm việc của Hội đồng kỷ luật:

+ Hội đồng kỷ luật họp khi có từ 03 thành viên trở lên tham dự, trong đó phải có Chủ tịch Hội đồng và Thư ký Hội đồng.

+ Hội đồng kỷ luật kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật thông qua bỏ phiếu kín.

+ Việc họp Hội đồng kỷ luật phải được lập thành biên bản, trong đó thể hiện rõ ý kiến của các thành viên dự họp và kết quả bỏ phiếu kiến nghị hình thức kỷ luật.

+ Hội đồng kỷ luật tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

- Các trường hợp không thành lập Hội đồng kỷ luật

+ Đã có kết luận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về hành vi vi phạm, trong đó có đề xuất hình thức kỷ luật.

+ Đã có quyết định xử lý kỷ luật đảng.

Các trường hợp quy định nêu trên được sử dụng kết luận về hành vi vi phạm mà không phải điều tra, xác minh lại.

**85. Thành phần của Hội đồng kỷ luật công chức được quy định như thế nào? Những ai không được tham gia Hội đồng kỷ luật công chức?**

[Điều 28 Nghị định 112/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2020-nd-cp-xu-ly-ky-luat-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-453227.aspx) quy định thành phần Hội đồng kỷ luật công chức gồm:

1. Đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, Hội đồng kỷ luật có 05 thành viên, bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan quản lý công chức hoặc cơ quan được phân cấp quản lý công chức;

- 01 Ủy viên Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng công chức;

- 01 Ủy viên Hội đồng là đại diện cấp ủy của cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng công chức;

- 01 Ủy viên Hội đồng là đại diện Ban chấp hành công đoàn của cơ quan quản lý công chức hoặc cơ quan được phân cấp quản lý công chức;

- 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là đại diện cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ của cơ quan quản lý công chức hoặc cơ quan được phân cấp quản lý công chức.

2. Đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, Hội đồng kỷ luật có 05 thành viên, bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan quản lý công chức hoặc cơ quan được phân cấp quản lý công chức;

- 01 Ủy viên Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng công chức;

- 01 Ủy viên Hội đồng là đại diện tổ chức đảng của cơ quan quản lý công chức hoặc cơ quan được phân cấp quản lý công chức;

- 01 Ủy viên Hội đồng là đại diện Ban chấp hành công đoàn của cơ quan quản lý công chức hoặc cơ quan được phân cấp quản lý công chức;

- 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là đại diện cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ của cơ quan quản lý công chức hoặc cơ quan được phân cấp quản lý công chức.

3. Đối với công chức cấp xã, Hội đồng kỷ luật có 05 thành viên, bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- 01 Ủy viên Hội đồng là đại diện Liên đoàn lao động cấp huyện;

- 01 Ủy viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo của Ủy ban nhân dân cấp xã có công chức bị xem xét xử lý kỷ luật;

- 01 Ủy viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo phòng chuyên môn cấp huyện trực tiếp quản lý về chuyên môn, nghiệp vụ của công chức cấp xã bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc đại diện lãnh đạo Ban chỉ huy quân sự cấp huyện trong trường hợp công chức vi phạm là Chỉ huy trưởng quân sự cấp xã, đại diện lãnh đạo Công an huyện trong trường hợp công chức vi phạm là trưởng công an xã (áp dụng đối với xã, thị trấn chưa tổ chức công an chính quy theo quy định của Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018);

- 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là đại diện lãnh đạo Phòng Nội vụ cấp huyện.

4. Không được cử vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu hoặc người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến hành vi vi phạm của công chức bị xem xét xử lý kỷ luật là thành viên Hội đồng kỷ luật.

5. Trường hợp người đứng đầu hoặc tất cả cấp phó của người đứng đầu cơ quan quản lý công chức hoặc cơ quan được phân cấp quản lý công chức là người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến hành vi vi phạm của công chức bị xem xét xử lý kỷ luật thì lãnh đạo cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan quản lý công chức hoặc cơ quan được phân cấp quản lý công chức là Chủ tịch Hội đồng.

6. Trường hợp người đứng đầu hoặc tất cả cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng công chức là người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến hành vi vi phạm của công chức bị xem xét xử lý kỷ luật thì cử 01 công chức của cơ quan trực tiếp sử dụng công chức có hành vi vi phạm thay thế.

**86. Việc tổ chức họp Hội đồng kỷ luật công chức có hành vi vi phạm được quy định như thế nào?**

Điều 29 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP quy định việc tổ chức họp Hội đồng kỷ luật công chức được thực hiện như sau:

1. Chuẩn bị họp

- Chậm nhất là 07 ngày làm việc trước ngày tổ chức cuộc họp của Hội đồng kỷ luật, giấy triệu tập họp phải được gửi tới công chức có hành vi vi phạm. Công chức có hành vi vi phạm vắng mặt phải có lý do chính đáng. Trường hợp công chức có hành vi vi phạm vắng mặt sau 02 lần gửi giấy triệu tập thì sau khi gửi giấy triệu tập lần thứ 3, Hội đồng kỷ luật tiến hành họp, kể cả trong trường hợp công chức đó vẫn vắng mặt.

- Hội đồng kỷ luật có thể mời đại diện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công chức có hành vi vi phạm đang công tác; đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan dự họp. Người được mời dự họp có quyền phát biểu ý kiến và đề xuất hình thức kỷ luật nhưng không được bỏ phiếu về hình thức kỷ luật.

- Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng kỷ luật có nhiệm vụ chuẩn bị tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc xử lý kỷ luật, ghi biên bản cuộc họp của Hội đồng kỷ luật.

- Hồ sơ xử lý kỷ luật trình Hội đồng kỷ luật gồm: bản tự kiểm điểm, trích ngang sơ yếu lý lịch của công chức, biên bản cuộc họp kiểm điểm của cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng công chức và các tài liệu khác có liên quan.

2. Trình tự họp

- Chủ tịch Hội đồng kỷ luật tuyên bố lý do, giới thiệu các thành viên tham dự.

- Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng kỷ luật đọc trích ngang sơ yếu lý lịch của công chức có hành vi vi phạm và các tài liệu khác có liên quan.

- Công chức có hành vi vi phạm đọc bản tự kiểm điểm.

Trường hợp công chức có hành vi vi phạm vắng mặt nhưng có bản kiểm điểm thì Thư ký Hội đồng kỷ luật đọc thay; trường hợp có mặt nhưng không làm bản tự kiểm điểm hoặc vắng mặt và không có bản kiểm điểm thì Hội đồng kỷ luật tiến hành các trình tự còn lại của cuộc họp.

- Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng kỷ luật đọc biên bản cuộc họp kiểm điểm.

- Các thành viên Hội đồng kỷ luật và người tham dự cuộc họp thảo luận và phát biểu ý kiến.

- Công chức có hành vi vi phạm phát biểu ý kiến; nếu công chức có hành vi vi phạm không phát biểu ý kiến hoặc vắng mặt thì Hội đồng kỷ luật tiến hành các trình tự còn lại của cuộc họp.

- Hội đồng kỷ luật bỏ phiếu về việc có kỷ luật hay không kỷ luật; trường hợp đa số phiếu kiến nghị kỷ luật thì bỏ phiếu về việc áp dụng hình thức kỷ luật; việc bỏ phiếu được tiến hành bằng hình thức bỏ phiếu kín theo phương pháp tích phiếu.

- Chủ tịch Hội đồng kỷ luật công bố kết quả bỏ phiếu kín và thông qua biên bản cuộc họp.

- Chủ tịch Hội đồng kỷ luật và Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng kỷ luật ký biên bản cuộc họp.

3. Trường hợp nhiều công chức trong cùng cơ quan, tổ chức, đơn vị có hành vi vi phạm thì Hội đồng kỷ luật họp để tiến hành xem xét xử lý kỷ luật đối với từng công chức.

**87. Trình tự ra quyết định kỷ luật đối với công chức được quy định như thế nào?**

Việc ra quyết định kỷ luật công chức được quy định tại khoản 1 [Điều 30 Nghị định 112/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2020-nd-cp-xu-ly-ky-luat-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-453227.aspx) như sau:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc họp, Hội đồng kỷ luật phải có kiến nghị việc xử lý kỷ luật bằng văn bản (kèm theo biên bản họp Hội đồng kỷ luật và hồ sơ xử lý kỷ luật) gửi cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của Hội đồng kỷ luật trong trường hợp thành lập Hội đồng kỷ luật hoặc biên bản cuộc họp kiểm điểm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không thành lập Hội đồng kỷ luật hoặc văn bản đề xuất của cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ của cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật, cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật ra quyết định kỷ luật hoặc kết luận công chức không vi phạm.

- Trường hợp vi phạm của công chức có tình tiết phức tạp thì cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật quyết định kéo dài thời hạn xử lý kỷ luật và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

**88. Quyết định kỷ luật công chức có hiệu lực trong thời gian bao lâu?**

Theo khoản 4 [Điều 30 Nghị định 112/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-112-2020-nd-cp-xu-ly-ky-luat-can-bo-cong-chuc-vien-chuc-453227.aspx), quyết định kỷ luật cán bộ, công chức có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày có hiệu lực thi hành. Trong thời gian này, nếu công chức không tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật đến mức phải xử lý kỷ luật thì quyết định kỷ luật đương nhiên chấm dứt hiệu lực mà không cần phải có văn bản về việc chấm dứt hiệu lực.

Trường hợp công chức tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật trong thời gian đang thi hành quyết định kỷ luật thì xử lý. Quyết định kỷ luật đang thi hành chấm dứt hiệu lực kể từ thời điểm quyết định kỷ luật đối với hành vi vi phạm pháp luật mới có hiệu lực. Các tài liệu liên quan đến việc xử lý kỷ luật và quyết định kỷ luật phải được lưu giữ trong hồ sơ công chức. Hình thức kỷ luật phải ghi vào lý lịch của công chức.

Như vậy, quyết định kỷ luật công chức có hiệu lực 12 tháng (kể từ ngày có hiệu lực thi hành). Trường hợp công chức không tiếp tục có hành vi vi phạm đến mức phải bị xử lý kỷ luật thì quyết định kỷ luật đương nhiên chấm dứt, nếu công chức tiếp tục có hành vi vi phạm trong thời gian đang thi hành quyết định thì quyết định đang thi hành chấm dứt hiệu lực kể từ thời điểm quyết định kỷ luật mới có hiệu lực.

**89. Trường hợp công chức vi phạm kỷ luật đã có quyết định xử lý kỷ luật cảnh cáo có được hưởng chế độ thôi việc không?**

[Điều 59 Luật Cán bộ, công chức 2008](https://thukyluat.vn/vb/luat-can-bo-cong-chuc-2008-1411a.html?hash=dieu_59) (được sửa đổi bổ sung bởi năm 2020) quy định về thôi việc đối với công chức như sau:

1. Công chức được hưởng chế độ thôi việc nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Do sắp xếp tổ chức;

- Theo nguyện vọng và được cấp có thẩm quyền đồng ý;

- Công chức có 02 năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ.

2. Công chức xin thôi việc theo nguyện vọng thì phải làm đơn gửi cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, quyết định. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đơn, cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản, nếu không đồng ý cho thôi việc thì phải nêu rõ lý do; trường hợp chưa được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền đồng ý mà tự ý bỏ việc thì không được hưởng chế độ thôi việc và phải bồi thường chi phí đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của pháp luật.

3. Không giải quyết thôi việc đối với công chức đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Không giải quyết thôi việc đối với công chức nữ đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi, trừ trường hợp xin thôi việc theo nguyện vọng.

Như vậy, theo quy định trên thì không giải quyết thôi việc đối với công chức đang trong thời gian xem xét kỷ luật. Trường hợp công chức đã có quyết định xử lý kỷ luật thì coi như quá trình giải quyết đã xong, do đó họ có thể làm đơn xin thôi việc theo nguyện vọng để cơ quan, đơn vị xem xét.

**90. Công chức A là Trưởng phòng Tài chính – Kế toán của Ủy ban nhân dân huyện X có hành vi vi phạm pháp luật thuộc trường hợp bị xem xét kỷ luật. Đề nghị cho biết, ai có thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với công chức A?**

Theo khoản 1 Điều 24 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP, đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền bổ nhiệm hoặc được phân cấp thẩm quyền bổ nhiệm tiến hành xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật.

Công chức A là Trưởng phòng Tài chính – Kế toán của Ủy ban nhân dân huyện X, theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 14 Điều 1 Nghị định 108/2020/NĐ-CP), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cho từ chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng theo quy định của Đảng và của pháp luật.

Căn cứ các quy định nêu trên, công chức A là công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý (Trưởng phòng Tài chính – Kế toán) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X có thẩm quyền bổ nhiệm. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện X có thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với công chức A.

**91. Công chức Văn hóa – Xã hội của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện T có hành vi vi phạm pháp luật thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật. Đề nghị cho biết, cơ quan nào có thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với công chức Văn hóa – Xã hội cua Ủy ban nhân dân xã Y?**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP, đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu cơ quan quản lý hoặc người đứng đầu cơ quan được phân cấp quản lý công chức tiến hành xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật. Đối với công chức cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật.

Như vậy, trong trường hợp này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T có thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với công chức Văn hóa – Xã hội của Ủy ban nhân dân xã Y.

**92. Công chức của Bộ A được biệt phái đến công tác tại Sở Tư pháp tỉnh M trong thời hạn 12 tháng. Trong quá trình biệt phái, công chức nêu trên có hành vi vi phạm pháp luật thuộc trường hợp bị xử lý kỷ luật. Đề nghị cho biết cơ quan nào có thẩm quyền xử lý kỷ luật trong trường hợp này?**

Theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP, đối với công chức biệt phái, người đứng đầu cơ quan nơi công chức được cử đến biệt phái tiến hành xử lý kỷ luật, thống nhất hình thức kỷ luật với cơ quan cử biệt phái trước khi quyết định hình thức kỷ luật.

Căn cứ quy định nêu trên, trường hợp công chức được cử đến biệt phái tại Sở Tư phá tỉnh M có hành vi vi phạm pháp luật, Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh M có thẩm quyền tiến hành xử lý kỷ luật, thống nhất hình thức kỷ luật với Bộ A trước khi ra quyết định kỷ luật. Hồ sơ, quyết định kỷ luật công chức biệt phái phải được gửi về Bộ A

**93. Tháng 10 năm 2020, khi đang công tác tại Sở A, công chức E có hành vi vi phạm pháp luật quy định pháp luật trong quá trình thực thi công vụ. Đến tháng 12 năm 2020, khi đã chuyển sang công tác tại tại sở B, hành vi vi phạm của công chức E mới bị phát hiện. Đề nghị cho biết, trong trường hợp này, cơ quan nào có thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với công chức E?**

Khoản 4 Điều 24 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP quy định về thẩm quyền xử lý công chức có hàn vi vi phạm trong trường hợp chuyển công tác như sau:

- Trường hợp công chức có hành vi vi phạm trong thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị cũ mà khi chuyển sang cơ quan mới mới phát hiện hành vi vi phạm đó và vẫn còn trong thời hiệu xử lý kỷ luật thì cơ quan cũ nơi công chức đã công tác tiến hành xử lý kỷ luật. Hồ sơ, quyết định xử lý kỷ luật phải được gửi về cơ quan nơi công chức đang công tác.

- Trường hợp cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật đã giải thể, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập thì những người có trách nhiệm liên quan phải bàn giao hồ sơ để cơ quan nơi công chức đang công tác thực hiện việc xử lý kỷ luật. Hồ sơ, quyết định kỷ luật công chức phải được gửi về cơ quan quản lý công chức.”

Theo quy định về thời hiệu xử lý kỷ luật đối với công chức tại Điều 80 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 16 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức), thời hiệu xử lý kỷ luật là 02 năm đối với hành vi vi phạm ít nghiêm trọng đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khiển trách và 05 năm đối với hành vi vi phạm còn lại.

Căn cứ quy định nêu trên, công chức E có hành vi vi phạm trong thời gian công tác tại Sở A vào tháng 10 năm 2020. Đến tháng 12 năm 2020, khi đã chuyển sang công tác tại tại sở B, hành vi vi phạm của công chức E mới bị phát hiện, vẫn trong thời hiệu xử lý kỷ luật. Do đó, Giám đốc Sở A có thẩm quyền tiến hành xử lý kỷ luật. Hồ sơ, quyết định xử lý kỷ luật đối với công chức E phải được gửi về Sở B để theo dõi, quản lý.

**94. Thành phần Hội đồng kỷ luật viên chức được quy định như thế nào? Nguyên tắc của làm việc của Hội đồng kỷ luật viên chức?**

Điều 35 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP quy định về thành phần kỷ luật viên chức như sau:

1. Đối với viên chức không giữ chức vụ quản lý và đơn vị sự nghiệp công lập quản lý viên chức không có đơn vị cấu thành, Hội đồng kỷ luật có 03 thành viên, bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quản lý viên chức;

- 01 Ủy viên Hội đồng là đại diện Ban chấp hành công đoàn của đơn vị sự nghiệp công lập quản lý viên chức;

- 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là người đại diện cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ của đơn vị sự nghiệp công lập quản lý viên chức.

2. Đối với viên chức không giữ chức vụ quản lý và đơn vị sự nghiệp công lập quản lý viên chức có đơn vị cấu thành, Hội đồng kỷ luật có 05 thành viên, bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quản lý viên chức hoặc được phân cấp quản lý viên chức;

- 01 Ủy viên Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu đơn vị trực tiếp sử dụng viên chức;

- 01 Ủy viên Hội đồng là đại diện cấp ủy của đơn vị trực tiếp sử dụng viên chức;

- 01 Ủy viên Hội đồng là đại diện Ban chấp hành công đoàn của đơn vị sự nghiệp công lập quản lý viên chức hoặc đơn vị được phân cấp quản lý viên chức;

- 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là người đại diện cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ của đơn vị sự nghiệp công lập quản lý viên chức.

3. Đối với viên chức quản lý có hành vi vi phạm, Hội đồng kỷ luật có 05 thành viên, bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền bổ nhiệm hoặc phê chuẩn, quyết định công nhận viên chức;

- 01 Ủy viên Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu đơn vị quản lý hoặc được phân cấp quản lý viên chức; trường hợp cấp bổ nhiệm đồng thời là cấp quản lý thì Ủy viên Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu đơn vị trực tiếp sử dụng viên chức;

- 01 Ủy viên Hội đồng là đại diện tổ chức đảng của đơn vị sự nghiệp công lập quản lý viên chức hoặc đơn vị được phân cấp quản lý viên chức;

- 01 Ủy viên Hội đồng là đại diện Ban chấp hành công đoàn của đơn vị quản lý viên chức hoặc đơn vị được phân cấp quản lý viên chức;

- 01 Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là người đại diện cơ quan tham mưu về công tác tổ chức, cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xử lý kỷ luật viên chức.

4. Không được cử vợ, chồng, cha đẻ, mẹ dẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu hoặc người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến hành vi vi phạm của viên chức bị xem xét xử lý kỷ luật là thành viên Hội đồng kỷ luật.

5. Trường hợp người đứng đầu hoặc tất cả cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị là người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến hành vi vi phạm của viên chức bị xem xét xử lý kỷ luật thì lãnh đạo cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức, đơn vị đó là Chủ tịch Hội đồng.

6. Trường hợp người đứng đầu hoặc tất cả cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng viên chức là người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến hành vi vi phạm của viên chức bị xem xét xử lý kỷ luật thì cử 01 viên chức tại cơ quan trực tiếp sử dụng viên chức có hành vi vi phạm làm ủy viên.

Theo khoản 2 Điều 34 Nghị định 112/2020/NĐ-CP, Hội đồng kỷ luật viên chức làm việc theo các nguyên tắc sau:

- Hội đồng kỷ luật họp khi có đủ 03 thành viên trở lên tham dự, trong đó phải có Chủ tịch Hội đồng và Thư ký Hội đồng.

- Hội đồng kỷ luật kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật thông qua bỏ phiếu kín.

- Việc họp Hội đồng kỷ luật phải được lập thành biên bản, trong đó thể hiện rõ ý kiến của các thành viên dự họp và kết quả bỏ phiếu kiến nghị hình thức kỷ luật.

- Hội đồng kỷ luật tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

**95. Trong thời gian công tác, ông T là viên chức có hành vi vi phạm kỷ luật và đang trong quá trình xem xét, xử lý kỷ luật. Tuy nhiên, đến ngày 25/12/2020, ông T đến tuổi nghỉ hưu. Trường hợp này, cơ quan nơi ông T công tác có được thực hiện giải quyết thủ tục hưu trí cho ông T không?**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP, cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật đang trong thời gian xem xét xử lý kỷ luật hoặc đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang trong thời gian bị điều tra, truy tố, xét xử mà đến tuổi nghỉ hưu thì vẫn thực hiện giải quyết thủ tục hưởng chế độ hưu trí.

Việc xử lý kỷ luật sau khi nghỉ hưu đối với ông T được thực hiện theo quy định tại Điều 22 và Điều 23 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP,

**96. Công chức C đang hưởng lương bậc 3 ngạch chuyên viên 01/10/2018. Ngày 01/12/2020, Công chức C bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định kỷ luật do có hành vi vi phạm pháp luật với hình thức hạ bậc ương. Quyết định kỷ luật có hiệu lực từ ngày ký. Việc xếp lương của công chức C được thực hiện như thế nào?**

Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP quy định: Công chức bị xử lý kỷ luật bằng hình thức hạ bậc lương, nếu đang hưởng lương từ bậc 2 trở lên của ngạch hoặc chức danh thì xếp vào bậc lương thấp hơn liền kề của bậc lương đang hưởng. Thời gian hưởng bậc lương mới kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực. Thời gian xét nâng bậc lương lần sau để trở lại bậc lương cũ trước khi bị kỷ luật được tính kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực. Thời gian giữ bậc lương trước khi bị kỷ luật hạ bậc lương được bảo lưu để tính vào thời gian xét nâng bậc lương lần kế tiếp. Trường hợp công chức đang hưởng lương bậc 1 hoặc đang hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung của ngạch hoặc chức danh thì không áp dụng hình thức kỷ luật hạ bậc lương; tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm pháp luật, cấp có thẩm quyền xem xét áp dụng hình thức kỷ luật phù hợp.

Căn cứ quy định nêu trên, việc xếp bậc lương đối với công chức C được thực hiện như sau:

- Công chức C được xếp hưởng lương bậc 2 ngạch chuyên viên kể từ ngày 01/12/2020.

- Thời gian xét nâng lương lên bậc 3 ngạch chuyên viên kể từ ngày 01/12/2020.

- Thời gian giữ lương bậc 03 từ ngày 01/10/2018 đến ngày 01/12/2020 được bảo lưu để tính vào thời gian xét nâng bậc lương kế tiếp.

**97. Trường hợp công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc thì có được hưởng chế độ thôi việc theo quy định không? Cơ quan nào có trách nhiệm cung cấp hồ sơ lý lịch cho công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc?**

- Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều Nghị định 112/2020/NĐ-CP, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc thì không được hưởng chế độ thôi việc nhưng được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận thời gian làm việc đã đóng bảo hiểm xã hội để thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

- Đối với công chức, cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức lưu giữ hồ sơ công chức bị kỷ luật buộc thôi việc có trách nhiệm cung cấp bản tóm tắt lý lịch và nhận xét (có xác nhận) khi công chức đó yêu cầu. (Điểm b khoản 2 Điều 39 Nghị định 112/2020/NĐ-CP).

- Đối với viên chức, đơn vị sự nghiệp công lập có thẩm quyền quản lý viên chức lưu giữ hồ sơ viên chức bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc có trách nhiệm cung cấp bản sao hồ sơ lý lịch và nhận xét quá trình công tác (có xác nhận) khi viên chức bị xử lý kỷ luật có yêu cầu. (điểm b khoản 1 Điều 40 Nghị định 112/2020/NĐ-CP).

**98. Xin hỏi, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc có được đăng ký dự tuyển vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước nữa không?**

Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 39 và điểm c khoản 1 Điều 40 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP, sau 12 tháng, kể từ ngày quyết định kỷ luật buộc thời việc có hiệu lực, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc được quyền đăng ký dự tuyển vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước. Trường hợp bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc do tham nhũng, tham ô hoặc vi phạm đạo đức công vụ thì không được đăng ký dự tuyển vào vị trí công tác có liên quan đến nhiệm vụ đã đảm nhiệm.

**99. Trường hợp công chức, viên chức đã bị xử lý kỷ luật, sau đó được cơ quan có thẩm quyền hoặc Tòa án ra kết luận là bị oan, sai thì xử lý như thế nào?**

Theo quy định tại khoản 4 Điều 39 và khoản 2 Điều 40 Nghị định số 112/2020/NĐ-CP, khi quyết định xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức đã được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền hoặc Tòa án kết luận là bị oan, sai thì chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản kết luận của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền hoặc từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi cán bộ, công chức làm việc, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quản lý viên chức có trách nhiệm công bố công khai tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi cán bộ, công chức, viên chức đang công tác.

Trường hợp đã ban hành quyết định kỷ luật theo kết luận của bản án phúc thẩm và không có kết luận của cơ quan có thẩm quyền bị oan, sai nhưng sau đó có thay đổi về hình phạt ở bản án mới theo quy định của pháp luật về tố tụng thì việc xử lý quyết định kỷ luật đã ban hành do cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật xem xét, quyết định.

**100. Trong thời gian công tác, công chức T vi phạm kỷ luật. Để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xem xét, xử lý kỷ luật, Thủ trưởng cơ quan ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với anh T. Thời gian tạm đình chỉ công tác là 15 ngày. Trong thời gian tạm đình chỉ công tác, anh T không được hưởng lương và các chế độ khác của cơ quan. Xin hỏi việc Thủ trưởng cơ quan ra quyết định nêu trên đối với anh T có phù hợp với quy định của pháp luật không?**

Theo quy định tại Điều 81 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 quy định về tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ, công chức như sau: Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý cán bộ, công chức có thể ra quyết định tạm đình chỉ công tác trong thời gian xem xét, xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, nếu để cán bộ, công chức đó tiếp tục làm việc có thể gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý. Thời hạn tạm đình chỉ công tác không quá 15 ngày, trường hợp cần thiết có thể kéo dài thêm nhưng tối đa không quá 15 ngày; nếu cán bộ, công chức bị tạm giữ, tạm giam để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử thì thời gian tạm giữ, tạm giam được tính là thời gian nghỉ việc có lý do; hết thời hạn tạm đình chỉ công tác nếu cán bộ, công chức không bị xử lý kỷ luật thì được tiếp tục bố trí làm việc ở vị trí cũ. Trong thời hạn xử lý kỷ luật, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định tạm đình chỉ công tác của viên chức nếu thấy viên chức tiếp tục làm việc có thể gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý kỷ luật.

Khoản 1 Điều 41 Nghị định số 112/2020/ND-CP quy định:Trong thời gian tạm giữ, tạm giam hoặc được cho tại ngoại nhưng áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú mà không thể tiếp tục đi làm để phục vụ cho công tác điều tra, truy tố, xét xử hoặc tạm đình chỉ công tác mà chưa bị xem xét xử lý kỷ luật thì được hưởng 50% của mức lương hiện hưởng, cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và hệ số chênh lệch bảo lưu lương (nếu có). Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị tạm đình chỉ chức vụ thì không được hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý.

Như vậy, việc Thủ trưởng cơ quan ra quyết định tạm đình chỉ công tác trong quá trình xem xét kỷ luật mà không cho công chức T hưởng lương là không phù hợp cới quy định pháp luật.

**IV. Tìm hiểu một số quy định mới về bảo vệ môi trường; xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường**

**1. Khi nói đến bảo vệ môi trường, mọi người đều biết là việc xây dựng, gìn giữ cho môi trường xanh, sạch, đẹp. Đề nghị cho biết pháp luật quy định các hoạt động bảo vệ môi trường có những nội dung gì?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì hoạt động bảo vệ môi trường có những nội dung như sau:

- Phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường.

- Ứng phó sự cố môi trường.

- Khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường.

- Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu.

**2. Hoạt động bảo vệ môi trường của nước ta được thực hiện theo những nguyên tắc nào?**

**Trả lời:**

Các nguyên tắc bảo vệ môi trường được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cụ thể như sau:

- Bảo vệ môi trường là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân.

- Bảo vệ môi trường là điều kiện, nền tảng, yếu tố trung tâm, tiên quyết cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Hoạt động bảo vệ môi trường phải gắn kết với phát triển kinh tế, quản lý tài nguyên và được xem xét, đánh giá trong quá trình thực hiện các hoạt động phát triển.

- Bảo vệ môi trường gắn kết hài hòa với an sinh xã hội, quyền trẻ em, bình đẳng giới, bảo đảm quyền mọi người được sống trong môi trường trong lành.

- Hoạt động bảo vệ môi trường phải được tiến hành thường xuyên, công khai, minh bạch; ưu tiên dự báo, phòng ngừa ô nhiễm, sự cố, suy thoái môi trường, quản lý rủi ro về môi trường, giảm thiểu phát sinh, chất thải, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải để khai thác giá trị tài nguyên của chất thải.

- Bảo vệ môi trường phải phù hợp vái quy luật, đặc điểm tự nhiên, văn hóa, lịch sử, cơ chế thị trường, trình độ phát triển kinh tế - xã hội; thúc đẩy phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường; gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải chi trả, bồi thường thiệt hại, khắc phục, xử lý và chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

- Hoạt động bảo vệ môi trường bảo đảm không gây phương hại chủ quyền, an ninh và lợi ích quốc gia, gắn liền với bảo vệ môi trường khu vực và toàn cầu.

**3. Để bảo vệ môi trường, hiện nay Nhà nước đã quy định, thực hiện những chính sách gì?**

**Trả lời:**

Điều 5 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định các chính sách bảo vệ môi trường như sau:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân tham gia thực hiện, kiểm tra, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường.

- Tuyên truyền, giáo dục kết hợp với biện pháp hành chính, kinh tế và biện pháp khác để tăng cường việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường.

- Chú trọng bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo; phát triển hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường.

- Ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, chú trọng bảo vệ môi trường khu dân cư.

- Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường; bố trí khoản chi riêng cho bảo vệ môi trường trong ngân sách nhà nước với tỷ lệ tăng dần theo khả năng của ngân sách nhà nước và yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ môi trường; ưu tiên nguồn kinh phí cho các nhiệm vụ trọng điểm về bảo vệ môi trường.

- Bảo đảm quyền lợi của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân đóng góp cho hoạt động bảo vệ môi trường; ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường; thúc đẩy sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường.

- Tăng cường nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ xử lý ô nhiễm, tái chế, xử lý chất thải; ưu tiên chuyển giao và áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất; tăng cường đào tạo nguồn nhân lực về bảo vệ môi trường.

- Tôn vinh, khen thưởng cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân có đóng góp tích cực trong hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Mở rộng, tăng cường hội nhập, hợp tác quốc tế, và thực hiện cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện sàng lọc dự án đầu tư theo tiêu chí về môi trường; áp dụng công cụ quản lý môi trường phù hợp theo từng giai đoạn của chiến lược, quy hoạch, chương trình và dự án đầu tư.

- Lồng ghép, thúc đẩy các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

**4. Các doanh nghiệp Việt Nam có được tạm nhập hoặc quá cảnh chất thải từ nước ngoài hay không?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, chất thải  là vật chất ở thể rắn, lỏng, khí hoặc ở dạng khác được thải ra từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác. Chất thải rắn là chất thải ở thể rắn hoặc bùn thải. Chất thải nguy hại là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây nhiễm độc hoặc có đặc tính nguy hại khác.

Điều 6 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định nghiêm cấm nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh chất thải từ nước ngoài dưới mọi hình thức. Theo đó, các doanh nghiệp Việt Nam không được thực hiện việc tạm nhập hoặc quá cảnh chất thải từ nước ngoài.

**5. Đề nghị cho biết có những hành vi nào bị nghiêm cấm trong hoạt động bảo vệ môi trường?**

**Trả lời:**

Có 14 nhóm hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động bảo vệ môi trường được quy định tại Điều 6 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cụ thể như sau:

1. Vận chuyển, chôn, lấp, đổ, thải, đốt chất thải rắn, chất thải nguy hại không đúng quy trình kỹ thuật, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Xả nước thải, xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường ra môi trường.

3. Phát tán, thải ra môi trường chất độc hại, vi rút độc hại có khả năng lây nhiễm cho con người, động vật, vi sinh vật chưa được kiểm định, xác súc vật chết do dịch bệnh và tác nhân độc hại khác đối với sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên.

4. Gây tiếng ồn, độ rung vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường; xả thải khói, bụi, khí có mùi độc hại vào không khí.

5. Thực hiện dự án đầu tư hoặc xả thải khi chưa đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

6. Nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, quá cảnh chất thải từ nước ngoài dưới mọi hình thức.

7. Nhập khẩu trái phép phương tiện, máy móc, thiết bị đã qua sử dụng để phá dỡ, tái chế.

8. Không thực hiện công trình, biện pháp, hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

9. Che giấu, hành vi gây ô nhiễm môi trường, cản trở, làm sai lệch, thông tin, gian dối trong hoạt động bảo vệ môi trường dẫn đến hậu quả xấu đối với môi trường.

10. Sản xuất, kinh doanh sản phẩm gây nguy hại cho sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên; sản xuất, sử dụng nguyên liệu, vật liệu xây dựng chứa yếu tố độc hại vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

11. Sản xuất, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất và tiêu thụ chất làm suy giảm tầng ô-dôn theo quy định của điều ước quốc tế về các chất làm suy giảm tầng ô-dôn mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

12. Phá hoại, xâm chiếm trái phép di sản thiên nhiên.

13. Phá hoại, xâm chiếm công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường.

14. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm trái quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**6. Pháp luật quy định về bảo vệ môi trường nước mặt như thế nào?**

**Trả lời:**

Pháp luật quy định về bảo vệ môi trường nước mặt tại Điều 7 Luật bảo vệ môi trường như sau:

- Chất lượng nước, trầm tích và môi trường thủy sinh của nguồn nước mặt phải được theo dõi, đánh giá; khả năng chịu tải của môi trường nước mặt phải được tính toán, xác định và công bố.

- Nguồn thải vào môi trường nước mặt phải được quản lý phù hợp với mục đích sử dụng và khả năng chịu tải của môi trường nước mặt. Không phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc cấp giấy phép môi trường cho dự án đầu tư mới có hoạt động xả nước thải trực tiếp vào môi trường nước mặt không còn khả năng chịu tải theo công bố của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp chủ dự án đầu tư có phương án xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về chất lượng nước mặt trước khi thải vào môi trường tiếp nhận hoặc có phương án tuần hoàn, tái sử dụng để không làm phát sinh thêm nước thải hoặc trường hợp dự án đầu tư xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi, cải thiện chất lượng môi trường khu vực bị ô nhiễm.

- Bảo vệ môi trường nước sông phải trên cơ sở tiếp cận quản lý tổng hợp theo lưu vực, phải gắn liền với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường thủy sinh, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, khai thác và sử dụng hợp lý nguồn nước.

**7. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có những trách nhiệm gì trong việc bảo vệ môi trường nước mặt?**

**Trả lời:**

Bảo vệ môi trường nước mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 gồm có các nội dung:

- Thống kê, đánh giá, giảm thiểu và xử lý nước thải xả vào môi trường nước mặt.

- Quan trắc, đánh giá chất lượng nước, trầm tích, môi trường thủy sinh của nguồn nước mặt và công khai thông tin phục vụ quản lý, khai thác và sử dụng nước mặt.

- Điều tra, đánh giá khả năng chịu tải của môi trường nước mặt; công bố các khu vực môi trường nước mặt không còn khả năng chịu tải; đánh giá hạn ngạch xả nước thải vào môi trường nước mặt.

- Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi và cải thiện môi trường nước mặt bị ô nhiễm.

- Quan trắc, đánh giá chất lượng môi trường nước mặt, trầm tích sông liên quốc gia và chia sẻ thông tin phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, pháp luật và thông lệ quốc tế.

Khoản 3 Điều 8 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong hoạt động bảo vệ môi trường nước mặt như sau:

- Xác định các sông, hồ nội tỉnh và nguồn nước mặt khác trên địa bàn có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường; xác định vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt, lập hành lang bảo vệ nguồn nước mặt trên địa bàn; xác định khu vực sinh thủy.

- Công khai thông tin các nguồn thải vào môi trường nước mặt trên địa bàn; thu thập thông tin, dữ liệu về hiện trạng môi trường nước mặt, nguồn thải và tổng lượng thải vào môi trường nước mặt thuộc sông, hồ liên tỉnh trên địa bàn quản lý theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường; chỉ đạo tổ chức đánh giá thiệt hại do ô nhiễm và xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt trên địa bàn theo quy định.

- Tổ chức hoạt động phòng ngừa và kiểm soát các nguồn thải vào nguồn nước mặt trên địa bàn; thực hiện các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước mặt, cải thiện chất lượng nước mặt trên địa bàn theo kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt.

- Tổ chức đánh giá chất lượng môi trường nước mặt, trầm tích, đánh giá khả năng chịu tải, hạn ngạch xả nước thải đối với nguồn nước mặt thuộc đối tượng quy định tại mục 1 nêu trên; công bố thông tin về môi trường nước mặt trên địa bàn không còn khả năng chịu tải.

- Ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt thuộc đối tượng quy định tại mục 1 nêu trên; tổ chức thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt đối với sông, hồ liên tỉnh trên địa bàn.

**8. Hiện nay, nhiều nơi ở nước ta vẫn sử dụng nguồn nước khoan trực tiếp dưới lòng đất để phục vụ sinh hoạt. Tuy nhiên, nguồn nước này có nguy cơ ô nhiễm cao do các chất thải ngấm vào lòng đất gây ra. Để bảo vệ nguồn nước và môi trường nước dưới lòng đất, pháp luật quy định như thế nào về các biện pháp và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan?**

**Trả lời:**

Việc bảo vệ nguồn nước và môi trường nước dưới lòng đất được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Luật Bảo vệ môi trường năm 2002. Cụ thể như sau:

1. Các nguồn nước dưới đất phải được quan trắc, đánh giá để có biện pháp ứng phó kịp thời khi phát hiện có thông số môi trường vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia hoặc có sự suy giảm mực nước theo quy định.

2. Hoạt động khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất phải có biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm môi trường nước dưới đất.

3. Cơ sở có sử dụng hóa chất độc hại, chất phóng xạ phải có biện pháp bảo đảm không rò rỉ, phát tán hóa chất độc hại, chất phóng xạ vào nguồn nước dưới đất.

4. Cơ sở, kho, bãi chứa, lưu giữ nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất, khu vực lưu giữ, xử lý chất thải phải được xây dựng bảo đảm an toàn kỹ thuật, không gây ô nhiễm môi trường nước dưới đất.

5. Cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân gây ô nhiễm môi trường nước dưới đất có trách nhiệm xử lý ô nhiễm.

6. Việc bảo vệ môi trường nước dưới đất phải tuân thủ quy định của Luật Bảo vệ môi trường, pháp luật về tài nguyên nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

**9. Việc bảo vệ môi trường nước biển hiện nay được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 11 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định về bảo vệ môi trường nước biển như sau:

1. Các nguồn thải vào môi trường nước biển phải được điều tra, đánh giá và có biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu, kiểm soát chặt chẽ, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

2. Vùng rủi ro ô nhiễm môi trường biển và hải đảo phải được đánh giá, xác định và công bố theo quy định của pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

3. Hoạt động khai thác nguồn lợi từ biển và hải đảo, hoạt động kinh tế - xã hội khác phải phù hợp với quy hoạch và đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

4. Bảo vệ môi trường nước biển phải bảo đảm phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; phối hợp giữa cơ quan nhà nước Việt Nam và cơ quan, tổ chức nước ngoài trong việc chia sẻ thông tin, đánh giá chất lượng môi trường nước biển và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển xuyên biên giới.

5. Việc bảo vệ môi trường nước biển phải tuân thủ quy định của Luật Bảo vệ môi trường, pháp luật về tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, quy định khác của pháp luật có liên quan.

**10. Ô nhiễm môi trường không khí hiện nay đáng báo động, nhất là ở các thành phố lớn, trung tâm đô thị kinh tế - xã hội. Xin cho biết việc bảo vệ môi trường không khí và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 12 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, việc bảo vệ môi trường không khí được thực hiện như sau:

1. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát thải bụi, khí thải tác động xấu đến môi trường phải có trách nhiệm giảm thiểu và xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Chất lượng môi trường không khí phải được quan trắc, giám sát thường xuyên, liên tục và công bố theo quy định của pháp luật.

3. Tình trạng ô nhiễm môi trường không khí phải được thông báo và cảnh báo kịp thời nhằm giảm thiểu tác động đến sức khỏe cộng đồng.

4. Các nguồn phát thải bụi, khí thải phải được quan trắc, đánh giá và kiểm soát theo quy định của pháp luật.

**11.** **Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gồm có những nội dung gì?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 13 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí gồm kế hoạch quốc gia về quản lý chất lượng môi trường không khí và kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh.

Tại Khoản 4 Điều này quy định nội dung chính của kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh như sau:

- Đánh giá chất lượng môi trường không khí ở địa phương.

- Đánh giá công tác quản lý chất lượng môi trường không khí; quan trắc môi trường không khí; xác định và đánh giá các nguồn phát thải khí thải chính; kiểm kê phát thải; mô hình hóa chất lượng môi trường không khí.

- Phân tích, nhận định nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đánh giá ảnh hưởng của ô nhiễm không khí đến sức khỏe cộng đồng.

- Mục tiêu và phạm vi quản lý chất lượng môi trường không khí.

- Nhiệm vụ và giải pháp quản lý chất lượng môi trường không khí.

- Tổ chức thực hiện.

**12. Ở nông thôn, nhiều nơi người dân chưa có thói quen đổ rác tại địa điểm tập trung mà vẫn đổ bừa bãi ra đường, dẫn đến nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất cục bộ. Tuy nhiên rất khó xác định cá nhân hay tổ chức gây ô nhiễm, vì cộng đồng dân cư khu vực đó cho rằng hàng ngày vẫn có xe chở rác từ nơi khác đến đổ chứ không chỉ của cư dân. Trong trường hợp này, cơ quan nào chịu trách nhiệm xử lý ô nhiễm môi trường đất?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 15 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân sử dụng đất có trách nhiệm bảo vệ môi trường đất; xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do mình gây ra.

Trường hợp không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm thì nhà nước có trách nhiệm xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất ở khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm.

**13. Các khu vực ô nhiễm môi trường đất được phân loại như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 16 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 phân loại khu vực ô nhiễm môi trường đất như sau:

1. Khu vực ô nhiễm môi trường đất là khu vực đất có chất ô nhiễm vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và sức khỏe cộng đồng.

2. Khu vực ô nhiễm môi trường đất được phân loại theo tiêu chí nguồn gây ô nhiễm, khả năng lan truyền, đối tượng chịu tác động.

3. Khu vực ô nhiễm môi trường đất được phân loại theo mức độ ô nhiễm, gồm khu vực ô nhiễm, khu vực ô nhiễm nghiêm trọng và khu vực ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng.

**14. Hoạt động quản lý chất lượng môi trường đất bao gồm những hoạt động nào?**

**Trả lời**

Điều 17 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định các hoạt động Quản lý chất lượng môi trường đất bao gồm:

1. Chất lượng môi trường đất phải được điều tra, đánh giá, phân loại và công khai thông tin theo quy định của pháp luật.

2. Khu vực đất có nguy cơ ô nhiễm phải được theo dõi và giám sát.

3. Khu vực ô nhiễm môi trường đất phải được điều tra, đánh giá, khoanh vùng, xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất.

4. Vùng đất bị ô nhiễm dioxin có nguồn gốc từ chất diệt cỏ dùng trong chiến tranh, thuốc bảo vệ thực vật tồn lưu và chất độc hại khác phải được điều tra, đánh giá, khoanh vùng và xử lý bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường.

**15. Pháp luật quy định như thế nào về việc xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường đất?**

**Trả lời:**

Việc xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường đất được quy định tại Điều 18 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cụ thể như sau:

- Điều tra, đánh giá, phân loại khu vực ô nhiễm môi trường đất, xác định nguyên nhân, phạm vi và mức độ ô nhiễm, xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất.

- Thực hiện biện pháp kiểm soát khu vực ô nhiễm môi trường đất gồm khoanh vùng, cảnh báo, không cho phép hoặc hạn chế hoạt động nhằm giảm thiểu tác động đến sức khỏe con người.

- Lập, thực hiện phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất; ưu tiên xử lý các khu vực có mức độ ô nhiễm nghiêm trọng, ô nhiễm đặc biệt nghiêm trọng.

- Quan trắc, đánh giá chất lượng môi trường đất sau xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất.

**16. Xin cho biết trách nhiệm xử lý, cải tạo và phục hòi khu vực ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng thuộc về ai?**

**Trả lời:**

Ô nhiễm môi trường là sự biến đổi tính chất vật lý, hóa học, sinh học của thành phần môi trường không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật môi trường, tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, sinh vật và tự nhiên.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan có liên quan trong việc xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật Bảo vệ môi trường; trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch xử lý, cải tạo và phục hồi khu vực ô nhiễm môi trường đất đặc biệt nghiêm trọng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật Bảo vệ môi trường.

Khoản 3 Điều 15 quy định nhà nước xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất ở khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm.

**17. Pháp luật quy định như thế nào về di sản thiên nhiên?**

**Trả lời**

Điều 20 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định di sản thiên nhiên gồm có:

- Những di sản thiên nhiên được tổ chức quốc tế công nhận.

- Vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh, khu bảo vệ cảnh quan được xác lập theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp và thủy sản; danh lam thắng cảnh được công nhận là di sản văn hóa được xác lập theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

- Di sản thiên nhiên khác được xác lập, công nhận theo quy định của Luật. Việc xác lập, công nhận di sản thiên nhiên trong trường hợp này được căn cứ vào một trong các tiêu chí: (i) Có vẻ đẹp nổi bật, độc đáo hoặc hiếm gặp của thiên nhiên; (ii) Có giá trị điển hình về quá trình tiến hóa sinh thái, sinh học hoặc nơi cư trú tự nhiên của loài nguy cấp, quý, hiếm, đặc hữu hoặc chứa đựng các hệ sinh thái đặc thù, đại diện cho một vùng sinh thái tự nhiên hoặc có giá trị đa dạng sinh học đặc biệt khác cần bảo tồn; (iii) Có đặc điểm nổi bật, độc đáo về địa chất, địa mạo hoặc chứa đựng dấu tích vật chất về các giai đoạn phát triển của Trái Đất; 4. Có tầm quan trọng đặc biệt trong việc điều hòa khí hậu, bảo vệ nguồn nước, giữ cân bằng sinh thái, cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên.

**18. Nội dung bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên gồm những nội dung gì?**

**Trả lời:**

Điều 21 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định nội dung bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên bao gồm 03 nội dung:

1. Điều tra, đánh giá, quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên.

2. Bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên là một nội dung của Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh.

3. Cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân có trách nhiệm bảo vệ di sản thiên nhiên. Tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân tham gia quản lý, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên được hưởng quyền lợi từ chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên theo quy định của pháp luật

**19. Phải hiểu thế nào về chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia mới đúng quy định của pháp luật?**

**Trả lời:**

Chiến lược và nội dung của Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia được quy định tại Điều 22 Luật Bảo vệ môi trường năm 2002, cụ thể như sau:

- Chiến lược bảo vệ môi trường là cơ sở để xây dựng quy hoạch, bảo vệ môi trường quốc gia, lồng ghép các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong chiến lược, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

- Nội dung của Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia bao gồm: Quan điểm, tầm nhìn và mục tiêu; các nhiệm vụ; vác giải pháp thực hiện; chương trình, đề án, dự án trọng điểm; kế hoạch, nguồn lực thực hiện.

- Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia được xây dựng cho giai đoạn 10 năm, tầm nhìn 30 năm do Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

**20. Việc lập quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia cần phải dựa vào những căn cứ nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điền 23 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, có 02 căn cứ lập quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia như sau:

1. Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia trong cùng giai đoạn phát triển.

2. Kịch bản biến đổi khí hậu trong cùng giai đoạn phát triển.

Nội dung Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia; việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, thời kỳ Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia; Chính phủ quy định việc xác định phân vùng môi trường trong Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia.

**21. Đánh giá môi trường chiến lược là quá trình nhận dạng, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính, làm cơ sở để tích hợp, lồng ghép giải pháp bảo vệ môi trường trong chính sách, chiến lược, quy hoạch. Đề nghị cho biết những đối tượng nào phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược?**

**Trả lời:**

Đối tượng phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược được quy định tại Điền 25 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, bao gồm:

1. Chiến lược khai thác và sử dụng tài nguyên cấp quốc gia.

2. Quy hoạch tổng thể quốc gia; Quy hoạch không gian biển quốc gia; Quy hoạch sử dụng đất quốc gia; quy hoạch vùng; quy hoạch tỉnh; quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

3. Chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quy mô quốc gia, cấp vùng, quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có tác động lớn đến môi trường thuộc danh mục do chính phủ quy định.

4. Việc điều chỉnh mục tiêu của quy hoạch thuộc trường hợp quy định tại mục 2 và mục 3 nêu trên.

**22. Xin cho biết việc đánh giá môi trường chiến lược được thực hiện trước hay sau khi xây dựng chiến lược khai thác và sử dụng tài nguyên cấp quốc gia?**

**Trả lời:**

Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định việc thực hiện đánh giá môi trường chiến lược như sau:

Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch quy định tại Điều 25 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có trách nhiệm đánh giá môi trường chiến lược đồng thời với quá trình xây dựng chiến lược, quy hoạch đó.

Kết quả đánh giá môi trường chiến lược của chiến lược được tích hợp trong hồ sơ trình phê duyệt chiến lược. Kết quả này là một trong các căn cứ để cơ quan có thẩm quyền xem xét phê duyệt chiến lược, quy hoạch.

Theo đó, việc đánh giá môi trường chiến lược không phải thực hiện trước hoặc sau mà đồng thời với quá trình xây dựng chiếc lược mới đúng quy định của pháp luật.

**23. Trong quá trình thẩm định hồ sơ quy hoạch của tỉnh A, có ý kiến cho rằng báo cáo đánh giá môi trường chiến lược còn thiếu nội dung về sự phù hợp, tương thích với nội dung bảo vệ môi trường trong một số điều ước quốc tế về bảo vệ môi trường mà Việt Nam tham gia. Đề nghị cho biết đây có phải là nội dung đánh giá môi trường chiến lược do pháp luật quy định hay không?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 27 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định nội dung đánh giá môi trường chiến lược của chiến lược bao gồm:

1. Đánh giá sự phù hợp của chính sách có liên quan đến bảo vệ môi trường trong chiến lược với quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, điều ước quốc tế về bảo vệ môi trường mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Đề xuất phương án điều chỉnh, hoàn thiện nội dung của chiến lược để bảo đảm phù hợp với quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, điều ước quốc tế về bảo vệ môi trường mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Trong trường hợp trên, ý kiến nêu ra về việc báo cáo đánh giá môi trường chiến lược thiếu nội dung mà pháp luật yêu cầu phải có là có cơ sở và dựa trên quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

**24. Xin cho biết đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch gồm có những nội dung gì?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì nội dung đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch bao gồm:

- Các nội dung của quy hoạch có khả năng tác động đến môi trường.

- Phạm vi thực hiện đánh giá môi trường chiến lược.

- Thành phần môi trường, di sản thiên nhiên có khả năng bị tác động bởi quy hoạch.

- Các phương pháp đánh giá môi trường chiến lược đã áp dụng.

- So sánh, đánh giá sự phù hợp của quan điểm, mục tiêu quy hoạch với quan điểm, mục tiêu, chính sách về bảo vệ môi trường, chiến lược, Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

- Kết quả nhận dạng các vấn đề môi trường chính có tính tích cực và tiêu cực của quy hoạch.

- Tác động của biến đổi khí hậu.

- Kết quả dự báo xu hướng tích cực và tiêu cực của các vấn đề môi trường chính khi thực hiện quy hoạch; giải pháp duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính.

- Định hướng bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch.

- Kết quả tham vấn các bên có liên quan trong quá trình thực hiện đánh giá môi trường chiến lược.

- Vấn đề cần lưu ý về bảo vệ môi trường (nếu có), kiến nghị phương hướng và giải pháp khắc phục.

**25. Dựa vào căn cứ, tiêu chí nào để biết được một dự án đầu tư có tác động xấu đến môi trường ở mức cao hay thấp, nhiều hay ít?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định phân loại dự án đầu tư có tác động xấu đến môi trường ở mức cao hay thấp, nhiều hay ít, nhà nước căn cứ vào các tiêu chí sau đây:

1. Quy mô, công suất, loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

2. Diện tích sử dụng đất, đất có mặt nước, khu vực biển; quy mô khai thác tài nguyên thiên nhiên.

3. Yếu tố nhạy cảm về môi trường gồm khu dân cư tập trung; nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, thủy sản; các loại rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; di sản văn hóa vật thể, di sản thiên nhiên khác; đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên; vùng đất ngập nước quan trọng; yêu cầu di dân, tái định cư và yếu tố nhạy cảm khác về môi trường.

**26. Tôi thấy các dự án đầu tư thường được phân loại thành các nhóm I, II, III và IV, qua đó thể hiện mức độ của nguy cơ tác động xấu đến môi trường. Đề nghị cho biết dự án nhóm I được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Dự án đầu tư nhóm I là dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao được quy định cụ thể tại Khoản 3 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cụ thể như sau:

- Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với quy mô, công suất lớn; dự án thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại; dự án có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

- Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với quy mô, công suất trung bình nhưng có yếu tố nhạy cảm về môi trường; dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với quy mô, công suất lớn nhưng có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

- Dự án sử dụng đất, đất có mặt nước, khu vực biển với quy mô lớn hoặc với quy mô trung bình nhưng có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

- Dự án khai thác khoáng sản, tài nguyên nước với quy mô, công suất lớn hoặc với quy mô, công suất trung bình nhưng có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

- Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất quy mô trung bình trở lên nhưng có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

- Dự án có yêu cầu di dân, tái định cư với quy mô lớn.

**27. Những dự án nào được phân loại vào dự án nhóm II, III và IV?**

**Trả lời:**

Dự án đầu tư nhóm II là dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, trừ dự án thuộc nhóm I được nêu tại tình huống số 26, bao gồm:

- Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với quy mô, công suất trung bình.

- Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với quy mô, công suất nhỏ nhưng có yếu tố nhạy cảm về môi trường; dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với quy mô, công suất trung bình nhưng có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

- Dự án sử dụng đất, đất có mặt nước, khu vực biển với quy mô trung bình hoặc với quy mô nhỏ nhưng có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

- Dự án khai thác khoáng sản, tài nguyên nước với quy mô, công suất trung bình hoặc với quy mô, công suất nhỏ nhưng có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

- Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất với quy mô nhỏ nhưng có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

- Dự án có yêu cầu di dân, tái định cư với quy mô trung bình.

Dự án đầu tư nhóm III là dự án ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, trừ các dự án nhóm I và nhóm II, bao gồm: (i) Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với quy mô, công suất nhỏ; (ii) Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường có phát sinh nước thải, bụi, khí thải phải được xử lý hoặc có phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải.

Dự án đầu tư nhóm IV là dự án không có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, gồm dự án không thuộc dự án nhóm I, II và III.

**28. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường là việc xem xét, nhận dạng các vấn đề môi trường chính của dự án đầu tư trong giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi hoặc giai đoạn đề xuất thực hiện dự án đầu tư. Xin cho biết dự án đầu tư nào phải đánh giá sơ bộ tác động môi trường?**

**Trả lời:**

Khoản 1 Điều 29 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định đối tượng phải đánh giá sơ bộ tác động môi trường làdự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao.

Thời điểm đánh giá sơ bộ tác động môi trường được thực hiện trong giai đoạn nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng, đề xuất chủ trương đầu tư, đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc đối tượng phải đề nghị quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, xây dựng.

Nội dung đánh giá sơ bộ tác động môi trường bao gồm:

- Đánh giá sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án đầu tư với Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia, Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch khác có liên quan.

- Nhận dạng, dự báo các tác động môi trường chính của dự án đầu tư đối với môi trường trên cơ sở quy mô, công nghệ sản xuất và địa điểm thực hiện dự án.

- Nhận diện yếu tố nhạy cảm về môi trường của khu vực thực hiện dự án đầu tư theo các phương án về địa điểm (nếu có).

- Phân tích, đánh giá, lựa chọn phương án về quy mô, công nghệ sản xuất, công nghệ xử lý chất thải, địa điểm thực hiện dự án đầu tư và biện pháp giảm thiểu tác động môi trường.

- Xác định các vấn đề môi trường chính và phạm vi tác động đến môi trường cần lưu ý trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường.

**29. Đề nghị cho biết dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với quy mô, công suất trung bình có phải đánh giá tác động môi trường hay không?**

**Trả lời:**

Đánh giá tác động môi trường là quá trình phân tích, đánh giá, nhận dạng, dự báo tác động đến môi trường của dự án đầu tư và đưa ra biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

Theo quy định tại điểm b Điều 30 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với quy mô, công suất trung bình thuộc dự án nhóm II và phải đánh giá tác động môi trường.

**30. Để đảm bảo khách quan, có ý kiến cho rằng việc đánh giá tác động môi trường phải do đơn vị tư vấn có đủ điều kiện thực hiện, không nên giao chủ dự án thực hiện. Xin cho biết pháp luật quy định như thế nào về vấn đề này?**

**Trả lời:**

Điều 31 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định việc thực hiện đánh giá tác động môi trường sẽ do chủ dự án đầu tư tự thực hiện hoặc thông qua đơn vị tư vấn có đủ điều kiện thực hiện. Đánh giá tác động môi trường được thực hiện đồng thời với quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án.

Kết quả đánh giá tác động môi trường được thể hiện bằng báo cáo đánh giá tác động môi trường. Mỗi dự án đầu tư lập một báo cáo đánh giá tác động môi trường. Theo đó, việc đánh giá tác động môi trường vẫn có thể do chủ dự án tự thực hiện.

**31. Tỉnh tôi sắp sửa khởi công dự án khu công nghiệp xi măng với quy mô lớn. Người dân xung quanh khu vực dự án cảm thấy khá lo lắng về nguy cơ ô nhiễm môi trường. Xin cho biết khi đánh giá tác động môi trường, người dân có được tham gia ý kiến hay không?**

**Trả lời:**

Kết quả tham vấn là một trong những nội dung của báo cáo đánh giá tác động. Theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, đối tượng tham vấn đánh giá tác động môi trường gồm có:

- Cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án đầu tư.

- Cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến dự án đầu tư.

Chủ dự án đầu tư phải thực hiện tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án đầu tư, khuyến khích tham vấn ý kiến chuyên gia trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường. Dự án đầu tư thuộc danh mục bí mật nhà nước không phải thực hiện tham vấn.

Nội dung tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường bao gồm: Vị trí thực hiện dự án đầu tư; tác động môi trường của dự án đầu tư; biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường; chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư.

Việc tham vấn được thực hiện thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử và một hoặc các hình thức: Tổ chức họp lấy ý kiến; lấy ý kiến bằng văn bản.

Kết quả tham vấn là thông tin quan trọng để chủ dự án đầu tư nghiên cứu đưa ra giải pháp giảm thiểu tác động của dự án đầu tư đối với môi trường và hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường. Kết quả tham vấn phải được tiếp thu, thể hiện đầy đủ, trung thực các ý kiến, kiến nghị của đối tượng được tham vấn, đối tượng quan tâm đến dự án đầu tư (nếu có). Trường hợp ý kiến, kiến nghị không được tiếp thu, chủ dự án đầu tư phải giải trình đầy đủ, rõ ràng. Chủ dự án đầu tư phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và kết quả tham vấn trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

**32. Hồ sơ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường bao gồm những tài liệu gì?**

**Trả lời:**

Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường bao gồm:

1. Văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

3. Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư.

**33. Nội dung thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường?**

**Trả lời:**

Khoản 7 Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường quy định nội dung thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường bao gồm:

- Sự phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Sự phù hợp của phương pháp đánh giá tác động môi trường và phương pháp khác được sử dụng (nếu có).

- Sự phù hợp về việc nhận dạng, xác định hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường.

- Sự phù hợp của kết quả đánh giá hiện trạng môi trường, đa dạng sinh học; nhận dạng đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường nơi thực hiện dự án đầu tư.

- Sự phù hợp của kết quả nhận dạng, dự báo các tác động chính, chất thải phát sinh từ dự án đầu tư đến môi trường; dự báo sự cố môi trường.

- Sự phù hợp, tính khả thi của các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường (nếu có); phương án bồi hoàn đa dạng sinh học (nếu có); phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường của dự án đầu tư.

- Sự phù hợp của chương trình quản lý và giám sát môi trường; tính đầy đủ, khả thi đối với các cam kết bảo vệ môi trường của chủ dự án đầu tư.

**34. Pháp luật quy định việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Khoản 3 Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường quy định việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định như sau:

- Cơ quan thẩm định ban hành quyết định thành lập hội đồng thẩm định gồm ít nhất là 07 thành viên; gửi quyết định thành lập hội đồng kèm theo tài liệu quy định pháp luật đến từng thành viên hội đồng;

- Hội đồng thẩm định, phải có ít nhất một phần ba tổng số thành viên là chuyên gia. Chuyên gia là thành viên hội đồng phải có chuyên môn về môi trường hoặc lĩnh vực khác có liên quan đến dự án đầu tư và có kinh nghiệm công tác ít nhất là 07 năm nếu có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương, ít nhất là 03 năm nếu có bằng thạc sĩ hoặc văn bằng trình độ tương đương, ít nhất là 02 năm nếu có bằng tiến sĩ hoặc văn bằng trình độ tương đương;

- Chuyên gia tham gia thực hiện đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư không được tham gia hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đó;

- Trường hợp dự án đầu tư có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi thì hội đồng thẩm định phải có đại diện cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi đó; cơ quan thẩm định phải lấy ý kiến bằng văn bản và đạt được sự đồng thuận của cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi đó trước khi phê duyệt kết quả thẩm định.

Cơ quan nhà nước quản lý công trình thủy lợi có trách nhiệm cử thành viên tham gia hội đồng thẩm định, có ý kiến bằng văn bản về việc phê duyệt kết quả thẩm định trong thời hạn lấy ý kiến; trường hợp hết thời hạn lấy ý kiến mà không có văn bản trả lời thì được coi là đồng thuận với nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Thành viên hội đồng thẩm định có trách nhiệm nghiên cứu hồ sơ đề nghị thẩm định, viết bản nhận xét về nội dung thẩm định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến nhận xét, đánh giá của mình;

- Cơ quan thẩm định xem xét, đánh giá và tổng hợp ý kiến của các thành viên hội đồng thẩm định, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có) để làm căn cứ quyết định việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

**35. Những đối tượng nào phải có giấy phép môi trường?**

Theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, những đối tượng sau đây phải có giấy phép môi trường:

1. Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức.

2. Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoạt động trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như đối tượng quy định tại mục 1.

3. Đối tượng quy định tại mục 1 thuộc trường hợp dự án đầu tư công khẩn cấp theo quy định của pháp luật về đầu tư công được miễn giấy phép môi trường.

**36. Để bảo vệ môi trường, khu kinh tế phải đáp ứng những yêu cầu gì về hạ tầng cơ sở?**

Khoản 1 Điều 50 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định khu kinh tế phải có hạ tầng bảo vệ môi trường như sau:

- Hệ thống thu gom, lưu giữ chất thải rắn.

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đối với trường hợp khu kinh tế có hệ thống xử lý nước thải tập trung phải quan trắc tự động, liên tục theo quy định của Luật này.

- Diện tích cây xanh bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

**37. Tôi mới được tuyển dụng làm nhân viên Ban quản lý khu kinh tế. Xin cho biết trách nhiệm của Ban quản lý khu kinh tế trong bảo vệ môi trường được quy định như thế nào?**

Khoản 3 Điều 50 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định trách nhiệm của Ban quản lý khu kinh tế như sau:

- Kiểm tra, giám sát việc đầu tư xây dựng hạ tầng bảo vệ môi trường các khu chức năng sản xuất công nghiệp trong khu kinh tế theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, thanh tra về bảo vệ môi trường và thực hiện công tác bảo vệ môi trường khác trong khu kinh tế theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp trong khu kinh tế theo kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

- Phát hiện kịp thời vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường khác do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của khu kinh tế theo quy định của pháp luật.

- Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Ban quản lý khu kinh tế phải có bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường, có nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc được đảm nhiệm.

**38. Nhằm bảo vệ môi trường, pháp luật quy định khu dịch vụ tập trung phải có hạ tầng cơ sở như thế nào?**

Khoản 1 Điều 51 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung phải có hạ tầng bảo vệ môi trường sau đây:

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải theo quy định của pháp luật.

- Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung theo quy định của Luật này;

- Diện tích cây xanh bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

**39. Cụm công nghiệp đang hoạt động phải đáp ứng những yêu cầu gì nhằm bảo vệ môi trường?**

Khoản 2 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định cụm công nghiệp đang hoạt động phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Hoàn thành công trình hạ tầng bảo vệ môi trường quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật này trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

- Các trường hợp đã được miễn trừ đấu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung phải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi xả ra môi trường; có phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải và có hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định của pháp luật.

**40. Anh X có một cơ sở kinh doanh thực phẩm sạch. Để bảo vệ môi trường, cơ sở kinh doanh của anh X phải có những trách nhiệm gì?**

Khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm sau đây:

- Thu gom, xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Trường hợp cơ sở hoạt động trong cụm công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung hoặc trong khu đô thị, khu dân cư tập trung đã có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung, chủ cơ sở phải thực hiện việc đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung theo quy định của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung đó, trừ trường hợp cơ sở đã được miễn trừ đấu nối nước thải trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành;

- Cơ sở hoạt động trong cụm công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đang xả nước thải sau xử lý vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa thực hiện theo quy định pháp luật;

- Thu gom, phân loại, lưu giữ, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải theo quy định của Luật này;

- Giảm thiểu, thu gom, xử lý bụi, khí thải, mùi khó chịu; bảo đảm không để rò rỉ, phát tán khí độc hại ra môi trường; kiểm soát tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ nhiệt;

- Bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp; phải có hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 14001 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001 được chứng nhận;

- Thực hiện quan trắc nước thải, bụi, khí thải theo quy định của Luật này.

**41. Những cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng nào phải có khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư?**

Khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng thuộc các trường hợp sau đây phải có khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư:

- Có chất dễ cháy, dễ nổ.

- Có chất phóng xạ, chất thải phóng xạ hoặc thiết bị bức xạ.

- Có chất độc hại đối với người và sinh vật.

- Có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người.

- Có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước.

**42. Ở Quê tôi có làng nghề làm bánh dân gian. Đề nghị cho biết hoạt động của làng nghề cần phải có phương án bảo vệ môi trường hay không?**

Khoản 1 Điều 56 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định làng nghề phải có phương án bảo vệ môi trường, có tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường và hạ tầng bảo vệ môi trường.

Hạ tầng bảo vệ môi trường của làng nghề bao gồm:

- Có hệ thống thu gom nước thải, nước mưa bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước của làng nghề;

- Hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung (nếu có) bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường;

- Có điểm tập kết chất thải rắn đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường; khu xử lý chất thải rắn (nếu có) bảo đảm quy định về quản lý chất thải rắn hoặc có phương án vận chuyển chất thải rắn đến khu xử lý chất thải rắn nằm ngoài địa bàn.

**43. Tập đoàn A đang xây dựng khu đô thị mới ở ven hồ. Xin cho biết khu đô thị, khu dân cư tập trung phải đáp ứng những yêu cầu gì để bảo vệ môi trường?**

Khoản 2 Điều 57 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định khu đô thị, khu dân cư tập trung phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường như sau:

- Mạng lưới cấp, thoát nước, công trình vệ sinh nơi công cộng đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; hệ thống thu gom, xử lý nước thải đồng bộ, phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt; trường hợp khu đô thị, khu dân cư tập trung đã hình thành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà không bố trí được quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải thì thực hiện theo quy định pháp luật.

- Thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trong khu đô thị, khu dân cư tập trung.

- Có diện tích cây xanh, mặt nước, không gian thoáng trong khu đô thị, khu dân cư tập trung theo quy định của pháp luật.

**44. Pháp luật quy định cụm dân cư nông thôn phải có những yêu cầu gì về bảo vệ môi trường nông thôn?**

Điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định cụm dân cư nông thôn phải có:

- Hệ thống thoát nước và biện pháp xử lý nước thải phù hợp.

- Điểm tập kết chất thải phải được bố trí hợp lý.

- Không chăn, thả động vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng.

- Khuyến khích hoạt động tự quản về bảo vệ môi trường.

**45. Tôi được giao quản lý khu vui chơi cho trẻ em. Tôi muốn biết pháp luật quy định như thế nào về trách nhiệm của người quản lý khu vui chơi trong việc bảo vệ môi trường nơi công cộng?**

Khoản 2 Điều 59 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định tổ chức, cá nhân quản lý công viên, khu vui chơi, giải trí, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, chợ, nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà và khu vực công cộng khác có trách nhiệm sau đây:

- Bố trí nhân lực thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi quản lý; có nhân sự, tổ hoặc đội bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát.

- Xây dựng, lắp đặt công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; có phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Ban hành, niêm yết công khai và tổ chức thực hiện quy định, quy chế về giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường nơi công cộng thuộc phạm vi quản lý.

- Phát hiện kịp thời vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

**46. Trách nhiệm bảo vệ môi trường của các hộ gia đình, cá nhân được pháp luật quy đinh như thế nào?**

Khoản 1 Điều 60 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định trách nhiệm bảo vệ môi trường đối với hộ gia đình, cá nhân như sau:

- Giảm thiểu, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thu gom và chuyển rác thải sinh hoạt đã được phân loại đến đúng nơi quy định.

- Giảm thiểu, xử lý và xả nước thải sinh hoạt đúng nơi quy định; không để vật nuôi gây mất vệ sinh trong khu dân cư.

- Không phát tán khí thải, gây tiếng ồn, độ rung và tác động khác gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu đến cộng đồng dân cư xung quanh.

- Chi trả kinh phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

- Tham gia hoạt động bảo vệ môi trường tại cộng đồng dân cư.

- Có công trình vệ sinh theo quy định. Trường hợp chưa có công trình, thiết bị xử lý nước thải, khi xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở riêng lẻ tại đô thị, khu dân cư tập trung, phải xây lắp công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định.

Chuồng trại chăn nuôi quy mô hộ gia đình phải bảo đảm vệ sinh, không gây ô nhiễm tiếng ồn, phát tán mùi khó chịu; chất thải từ hoạt động chăn nuôi phải được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

**47. Gia đình tôi có trang trại sản xuất nông nghiệp. Để phục vụ sản xuất, chúng tôi dự tính nhập một lượng thuốc trừ sâu bảo vệ thực phẩm. Xin cho biết chúng tôi có phải đăng ký loại thuốc này hay không?**

Khoản 2 Điều 61 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y có độc tính cao, bền vững, lan truyền, tích tụ trong môi trường, tác động xấu đến môi trường và sức khỏe con người phải được đăng ký, kiểm kê, kiểm soát, quản lý thông tin, đánh giá, quản lý rủi ro và xử lý theo quy định của pháp luật.

Theo đó, thuốc trừ sâu được sử dụng phục vụ sản xuất sẽ có tác động xấu đến môi trường và sức khỏe, do đó phải đăng ký theo quy định của pháp luật.

**48. Nhà tôi cạnh một bệnh viện đa khoa. Để bảo vệ môi trường, pháp luật quy định những yêu cầu gì đối với bệnh viện?**

Khoản 1 Điều 62 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định bệnh viện, cơ sở y tế khác phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường như sau:

- Thu gom, xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi xả ra môi trường.

- Phân loại chất thải rắn tại nguồn; thực hiện thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Trường hợp chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường lẫn vào chất thải y tế lây nhiễm thì phải quản lý như đối với chất thải y tế lây nhiễm.

- Ưu tiên lựa chọn công nghệ không đốt, thân thiện môi trường và đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trong xử lý chất thải y tế lây nhiễm.

- Khuyến khích việc khử khuẩn chất thải y tế lây nhiễm để loại bỏ mầm bệnh có nguy cơ lây nhiễm trước khi chuyển về nơi xử lý tập trung.

- Có kế hoạch, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế gây ra.

- Xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Xây dựng, vận hành công trình vệ sinh, hệ thống thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải theo quy định.

**49. Đề nghị cho biết pháp luật quy định chất ô nhiễm tác động trực tiếp đến sức khỏe con người phải được quản lý như thế nào?**

Theo quy định tại Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, *chất ô nhiễm* là chất hóa học hoặc tác nhân vật lý, sinh học mà khi xuất hiện trong môi trường vượt mức cho phép sẽ gây ô nhiễm môi trường. *Chất ô nhiễm khó phân hủy* là chất ô nhiễm có độc tính cao, khó phân hủy, có khả năng tích lũy sinh học và lan truyền trong môi trường, tác động xấu đến môi trường và sức khỏe con người. *Chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy* là chất ô nhiễm khó phân hủy được quy định trong Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy (sau đây gọi là Công ước Stockholm).

Khoản 3 Điều 62 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định chất ô nhiễm tác động trực tiếp đến sức khỏe con người phải được quản lý như sau:

- Nhận diện, đánh giá, cảnh báo, phòng ngừa và kiểm soát chất ô nhiễm có khả năng tác động đến sức khỏe con người; các vấn đề về bệnh tật và sức khỏe con người có liên quan trực tiếp đến chất ô nhiễm.

- Kiểm soát và xử lý từ nguồn phát sinh đối với chất ô nhiễm có tác động đến sức khỏe con người và vấn đề về bệnh tật được xác định có nguyên nhân trực tiếp từ chất ô nhiễm.

- Quản lý, chia sẻ, công bố thông tin về chất ô nhiễm có tác động trực tiếp đến sức khỏe con người.

**50. Công ty A hoạt động dịch vụ mai táng. Đề nghị cho biết pháp luật quy định như thế nào về việc bảo vệ môi trường trong mai táng, hỏa táng.**

Việc bảo vệ môi trường trong mai táng, hỏa táng được thực hiện theo quy định tại Điều 63 Luật Bảo vệ môi trường 2020, cụ thể như sau:

- Khu mai táng, hỏa táng phải phù hợp với quy hoạch; có vị trí, khoảng cách đáp ứng yêu cầu về vệ sinh môi trường, cảnh quan khu dân cư, không gây ô nhiễm nguồn nước và môi trường xung quanh.

Việc bảo vệ môi trường trong hoạt động mai táng, hỏa táng phù hợp đặc điểm phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo thực hiện theo quy định của Chính phủ.

- Việc quàn, ướp, di chuyển, chôn cất thi thể, hài cốt phải bảo đảm yêu cầu về vệ sinh môi trường.

- Tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ mai táng, hỏa táng phải chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, phòng, chống bệnh truyền nhiễm.

- Nhà nước khuyến khích việc hỏa táng, mai táng hợp vệ sinh, trong khu nghĩa trang theo quy hoạch; xóa bỏ hủ tục trong mai táng, hỏa táng gây ô nhiễm môi trường.

Việc mai táng, hỏa táng người chết do dịch bệnh nguy hiểm thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

**51. Nhà thầu X đang tiến hành phá dỡ một chung cư đã cũ. Xin cho biết pháp luật quy định như thế nào về việc bảo đảm các yêu cầu thi công, phá dỡ công trình xây dựng nhằm bảo vệ môi trường?**

Các yêu cầu về bảo vệ môi trường phải bảo đảm khi thi công xây dựng, cải tạo, sửa chữa, phá dỡ công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường 2020, cụ thể như sau:

- Có biện pháp không phát tán bụi, nhiệt, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Việc vận chuyển vật liệu, chất thải trong hoạt động xây dựng phải được thực hiện bằng phương tiện phù hợp, bảo đảm không làm rò rỉ, rơi vãi, gây ô nhiễm môi trường.

- Nước thải phải được thu gom, xử lý, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Chất thải rắn, phế liệu còn giá trị sử dụng được tái chế, tái sử dụng theo quy định; đất, đá, chất thải rắn từ hoạt động xây dựng được tái sử dụng làm vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng theo quy định.

- Đất, bùn thải từ hoạt động đào đất, nạo vét lớp đất mặt, đào móng cọc được sử dụng để bồi đắp cho đất trồng cây hoặc các khu vực đất phù hợp.

- Bùn thải phát sinh từ bể phốt, hầm cầu phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Chất thải rắn và các loại chất thải khác phải được thu gom, lưu giữ, vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định về quản lý chất thải.

**52. Nhà tôi chuẩn bị phá dỡ để xây dựng. Xin cho biết việc xử lý các chất thải được thực hiện như thế nào?**

Khoản 7 Điều 64 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định chất thải từ hoạt động cải tạo hoặc phá dỡ công trình xây dựng của hộ gia đình, cá nhân tại vùng nông thôn chưa có hệ thống thu gom, xử lý chất thải phải được tái sử dụng hoặc đổ thải theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

Không được đổ chất thải ra đường, sông ngòi, suối, kênh rạch và nguồn nước mặt khác làm ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường.

**53. Tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động giao thông vận tải cần phải thực hiện những gì để bảo vệ môi trường?**

Việc bảo vệ môi trường trong hoạt động giao thông vận tải thực hiện theo quy định tại Điều 65 Luật Bảo vệ môi trường 2020, cụ thể như sau:

- Phương tiện giao thông vận tải phải được cơ quan đăng kiểm kiểm định, xác nhận đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Phương tiện vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, chất thải phải được che chắn, không để rơi vãi gây ô nhiễm môi trường khi tham gia giao thông.

- Tổ chức, cá nhân vận chuyển hàng nguy hiểm phải bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện, năng lực về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Việc vận chuyển hàng hóa, vật liệu có nguy cơ gây ô nhiễm, sự cố môi trường phải được thực hiện bằng thiết bị, phương tiện chuyên dụng, bảo đảm không rò rỉ, phát tán ra môi trường.

- Việc xây dựng công trình giao thông phải có giải pháp hạn chế, giảm thiểu các tác động đến địa hình, cảnh quan, địa chất, di sản thiên nhiên.

**54. Để bảo vệ môi trường, pháp luật quy định cá nhân khi đến khu di tích, lễ hội phải có nghĩa vụ như thế nào?**

Khoản 2 Điền 66 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định cá nhân đến khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, địa điểm tập luyện, biểu diễn, thi đấu thể dục, thể thao, địa điểm diễn ra lễ hội phải thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

- Tuân thủ quy định, quy chế giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường.

- Thải bỏ chất thải đúng nơi quy định; hạn chế phát sinh chất thải nhựa.

- Giữ gìn vệ sinh công cộng.

- Không xâm hại cảnh quan môi trường và các loài sinh vật.

**55. Đề nghị cho biết việc bảo vệ môi trường trong hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và hoạt động dầu khí được pháp luật quy định như thế nào?**

Khoản 1 Điền 67 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định tổ chức, cá nhân tiến hành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải có phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường. Bên cạnh đó, cần thực hiện các yêu cầu về bảo vệ, cải tạo và phục hồi môi trường như sau:

- Thu gom, xử lý nước thải theo quy định.

- Thu gom, xử lý chất thải rắn theo quy định về quản lý chất thải rắn.

- Có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, xả khí thải và tác động xấu khác đến môi trường xung quanh.

- Có phương án cải tạo, phục hồi môi trường và tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật về khoáng sản.

- Ký quỹ bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật.

**56. Xin cho biết phương án cải tạo, phục hồi môi trường có những nội dung gì?**

Khoản 3 Điền 67 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định nội dung của phương án cải tạo, phục hồi môi trường gồm có:

- Các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường; phân tích, đánh giá, lựa chọn giải pháp tốt nhất để cải tạo, phục hồi môi trường.

- Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường đối với giải pháp lựa chọn.

- Kế hoạch thực hiện phân chia theo từng năm, từng giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường; chương trình quan trắc môi trường trong thời gian cải tạo, phục hồi môi trường; kế hoạch kiểm tra, xác nhận hoàn thành phương án.

- Bảng dự toán kinh phí để tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường cho từng hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường; các khoản tiền ký quỹ theo lộ trình.

**57. Để phát triển kinh tế môi trường, pháp luật quy định như thế nào về chính sách ưu đãi, hỗ trợ bảo vệ môi trường?**

Khoản 1 Điều 141 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định chính sách ưu đãi, hỗ trợ về bảo vệ môi trường như sau:

- Nhà nước thực hiện ưu đãi, hỗ trợ về đất đai, vốn; miễn, giảm thuế, phí đối với hoạt động bảo vệ môi trường; trợ giá, trợ cước vận chuyển đối với sản phẩm thân thiện môi trường và các ưu đãi, hỗ trợ khác đối với hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiều hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ thì được hưởng ưu đãi, hỗ trợ tương ứng đối với các hoạt động đó.

- Trường hợp hoạt động bảo vệ môi trường cùng được ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo văn bản có quy định mức ưu đãi, hỗ trợ cao hơn.

- Mức độ và phạm vi ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường được điều chỉnh bảo đảm phù hợp với chính sách về bảo vệ môi trường từng thời kỳ.

**58. Công ty chúng tôi làm dịch vụ vận tải công cộng có được Nhà nước ưu đãi, hỗ trợ về bảo vệ môi trường hay không? Các hoạt động đầu tư kinh doanh về bảo vệ môi trường nào được ưu đãi, hỗ trợ?**

Khoản 2 Điều 141 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định các hoạt động đầu tư kinh doanh về bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ bao gồm:

- Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề thu gom, xử lý, tái chế hoặc tái sử dụng chất thải.

- Doanh nghiệp sản xuất, cung cấp công nghệ, thiết bị, sản phẩm và dịch vụ phục vụ các yêu cầu về bảo vệ môi trường gồm công nghệ xử lý chất thải kết hợp thu hồi năng lượng; công nghệ tiết kiệm năng lượng; dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung; dịch vụ quan trắc môi trường xung quanh; dịch vụ vận tải công cộng sử dụng năng lượng điện, nhiên liệu tái tạo; sản xuất năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; sản xuất, cung cấp thiết bị quan trắc môi trường, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt tại chỗ, sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường được chứng nhận Nhãn sinh thái Việt Nam.

**59. Cơ sở nghiên cứu, đào tạo, phòng thí nghiệm phải thực hiện các yêu cầu gì về bảo vệ môi trường?**

Khoản 1 Điều 68 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy địnhcơ sở nghiên cứu, đào tạo, phòng thí nghiệm phải thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường như sau:

- Thu gom, xử lý nước thải, khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Phân loại chất thải rắn tại nguồn, thu gom và quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải.

- Xử lý, tiêu hủy mẫu, vật phẩm phân tích thí nghiệm, hóa chất bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Có kế hoạch, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Yêu cầu khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Bên cạnh đó, cơ sở nghiên cứu, đào tạo, phòng thí nghiệm có nguồn phóng xạ, thiết bị bức xạ, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định của pháp luật về năng lượng nguyên tử.

**60. Chúng tôi dự định thành lập công ty kinh doanh nhập khẩu thiết bị y tế. Để bảo vệ môi trường, pháp luật có quy định không nhập khẩu những máy móc nào?**

Khoản 1 Điều 70 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định tổ chức, cá nhân không nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, phế liệu, hàng hóa sau đây:

- Máy móc, thiết bị, phương tiện đã qua sử dụng để phá dỡ.

- Máy móc, thiết bị phương tiện, hàng hóa, nguyên liệu, phế liệu bị nhiễm bẩn phóng xạ, vi trùng gây bệnh, chất độc khác chưa được tẩy rửa hoặc không có khả năng làm sạch.

**61. Công ty A chuyên nhập khẩu phế liệu từ Trung Quốc về Việt Nam. Đề nghị cho biết pháp luật quy định như thế nào về việc nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài nhằm bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường?**

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 71 Luật Bảo vệ môi trường 2020, tổ chức, cá nhân chỉ được nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất cho cơ sở sản xuất của mình và phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường sau đây:

- Có cơ sở sản xuất với công nghệ, thiết bị tái chế, tái sử dụng, kho, bãi dành riêng cho việc tập kết phế liệu đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; có phương án xử lý tạp chất đi kèm phù hợp với phế liệu nhập khẩu.

- Có giấy phép môi trường.

- Ký quỹ bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 137 của Luật này trước thời điểm phế liệu được dỡ xuống cảng đối với trường hợp nhập khẩu qua cửa khẩu đường biển hoặc trước thời điểm nhập khẩu vào Việt Nam đối với các trường hợp khác.

Viquỹ ý quỹ bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 137 của Luật này trước thời điểm phế liệu được dỡ xuống cảng đối với trường hợp nhập khẩu qua cửa khẩu đường biểnkhai thác khoáng strư chôn lhác khoáng st nhnn lhác khoáng strường theo quy định tại Điều 137 của Lu

Việc ký quỹ bảo vệ môi trường được thực hiện bằng tiền, kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá theo quy định của pháp luật.

- Có văn bản cam kết về việc tái xuất hoặc xử lý phế liệu trong trường hợp phế liệu nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

**62. Có những loại chất thải rắn công nghiệp nào? Việc vận chuyển chất thải rắn công nghiệp phải đáp ứng những yêu cầu gì?**

Điều 81 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định chất thải rắn công nghiệp thông thường được phân loại thành các nhóm: (i) Nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường được tái sử dụng, tái chế làm nguyên liệu sản xuất; (ii) Nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật được sử dụng trong sản xuất vật liệu xây dựng và san lấp mặt bằng; (iii) Nhóm chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý.

Theo đó, việc vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng yêu cầu sau đây:

- Chất thải phải được chứa, đụng trong các thiết bị, dụng cụ bảo đảm không rơi vãi, rò rỉ, phát tán ra môi trường trong quá trình vận chuyển, trừ trường hợp chất thải đặc thù có khối lượng lớn phải chứa, đựng trực tiếp bằng các thiết bị, thùng chứa của phương tiện vận chuyển.

- Chất thải phải được vận chuyển theo loại sau khi đã được phân loại theo quy định.

- Phương tiện vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý phải có thiết bị định vị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, hoạt động theo tuyến đường và thời gian quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**63. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khi phát sinh chất thải rắn công nghiệp phải xử lý như thế nào?**

Khoản 1 Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường phải tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường hoặc chuyển giao cho các đối tượng:

- Cơ sở sản xuất sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu sản xuất, sản xuất vật liệu xây dựng hoặc san lấp mặt bằng được phép hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Cơ sở sản xuất có chức năng đồng xử lý chất thải phù hợp.

- Cơ sở xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường có chức năng phù hợp.

- Cơ sở vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường đã có hợp đồng chuyển giao với đối tượng quy định tại các điểm a, b hoặc c khoản này.

**64. Anh K có công ty hoạt động dịch vụ xử lý chất thải rắn công nghiệp. Đề nghị cho biết pháp luật quy định anh K với tư cách chủ công ty có những trách nhiệm gì nhằm bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường?**

Khoản 3 Điều 82 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường có trách nhiệm như sau:

- Bảo đảm các hệ thống, phương tiện, thiết bị, lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường bao gồm sơ chế, tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý và thu hồi năng lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định.

- Trường hợp có phát sinh chất thải nguy hại từ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường thì phải thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại theo quy định.

- Báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình phát sinh, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Sử dụng biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý đối với mỗi lần nhận chuyển giao; lập nhật ký vận hành các hệ thống, phương tiện, thiết bị xử lý bao gồm sơ chế, tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, thu hồi năng lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường; sổ theo dõi số lượng các sản phẩm tái chế hoặc thu hồi từ chất thải rắn công nghiệp thông thường (nếu có).

**65. Khi có phát sinh chất thải nguy hại, chủ nguồn chất thải đó phải có những trách nhiệm gì?**

ChHỏi theo quy định của pháp luật, tôi phải thực hiện những trách nhiệm gì đối với chất thải nguy hại của Công ty mình?ội dung quản lý chất thải rắ

Khoản 1 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định khi có phát sinh chất thải nguy hại, chủ nguồn thải chất thải nguy hại có trách nhiệm sau đây:

- Khai báo khối lượng, loại chất thải nguy hại trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường hoặc nội dung đăng ký môi trường.

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ riêng và không để lẫn với chất thải không nguy hại, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường.

- Tự tái sử dụng, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng theo quy định của pháp luật hoặc chuyển giao chất thải nguy hại cho cơ sở có giấy phép môi trường phù hợp để xử lý.

**66. Đề nghị cho biết, việc lưu giữ chất thải nguy hại phải đáp ứng những yêu cầu nào?**

Khoản 2 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định việc lưu giữ chất thải nguy hại phải đáp ứng các yêu cầu như sau:

- Phải được lưu giữ riêng theo loại đã được phân loại.

- Không để lẫn chất thải nguy hại với chất thải thông thường.

- Không làm phát tán bụi, rò rỉ chất thải lỏng ra môi trường.

- Chỉ được lưu giữ trong một khoảng thời gian nhất định theo quy định của pháp luật.

**67. Những đối tượng nào được phép vận chuyển chất thải nguy hại?**

Theo quy định tại Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, chất thải nguy hại khi vận chuyển phải được lưu chứa và vận chuyển bằng thiết bị, phương tiện chuyển động phù hợp đến cơ sở xử lý chất thải. Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại phải lắp đặt thiết bị định vị; hoạt động theo tuyến đường và thời gian theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Những đối tượng được phép vận chuyển chất thải nguy hại bao gồm:

- Chủ nguồn thải chất thải nguy hại có phương tiện, thiết bị phù hợp đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Cơ sở được cấp giấy phép môi trường có chức năng xử lý chất thải nguy hại phù hợp với loại chất thải cần vận chuyển.

Kỹ thuật về phương tiện, thiết bị lưu chứa, vận chuyển, phòng ngừa, ứng phó sự cố trong quá trình vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại; hướng dẫn đăng ký, vận chuyển xuyên biên giới chất thải nguy hại theo Công ước Basel về kiểm soát vận chuyển xuyên biên giới chất thải nguy hại và việc tiêu hủy chúng thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**68. Cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phải đáp ứng những yêu cầu gì?**

Khoản 3 Điều 84 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia hoặc quy hoạch có nội dung về xử lý chất thải nguy hại, trừ trường hợp cơ sở đồng xử lý chất thải nguy hại.

- Bảo đảm khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định.

- Công nghệ xử lý chất thải nguy hại phải được thẩm định, có ý kiến theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ; khuyến khích áp dụng công nghệ thân thiện môi trường, kỹ thuật hiện có tốt nhất, công nghệ xử lý kết hợp với thu hồi năng lượng.

- Có giấy phép môi trường.

- Có nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp.

- Có quy trình vận hành an toàn công nghệ, phương tiện, thiết bị chuyên dụng phù hợp.

- Có kế hoạch quản lý môi trường gồm nội dung kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải; an toàn lao động, vệ sinh lao động; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; đào tạo, tập huấn định kỳ hằng năm; chương trình giám sát môi trường; đánh giá hiệu quả xử lý chất thải nguy hại; phương án xử lý ô nhiễm, cải tạo môi trường sau khi kết thúc hoạt động.

- Ký quỹ bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 137 của Luật này trong trường hợp có hoạt động chôn lấp chất thải.

**69. Pháp luật quy định như thế nào về trách nhiệm của chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại?**

Điều 85 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định trách nhiệm của chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại như sau:

- Đáp ứng đầy đủ yêu cầu quy định tại câu 37 nêu trên.

- Thu gom, vận chuyển, tiếp nhận, xử lý số lượng, loại chất thải nguy hại theo đúng nội dung giấy phép môi trường được cấp.

- Bảo đảm hệ thống, phương tiện, thiết bị lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định.

- Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải nguy hại đối với chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động mà không có khả năng xử lý.

- Đăng ký với cơ quan cấp phép môi trường theo thẩm quyền để được chấp thuận khi có nhu cầu liên kết vận chuyển chất thải nguy hại không có trong giấy phép môi trường của mình cho chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại khác có chức năng phù hợp theo quy định của Chính phủ.

- Lập, sử dụng, lưu trữ và quản lý chứng từ chất thải nguy hại, báo cáo quản lý chất thải nguy hại và hồ sơ, tài liệu, nhật ký liên quan đến công tác quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

- Công khai, cung cấp thông tin về loại, số lượng chất thải nguy hại thu gom, xử lý, phương pháp xử lý; thông tin về tên, địa chỉ chủ nguồn thải chất thải nguy hại được thu gom, xử lý và các thông tin về môi trường khác cần phải công khai, cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 114 của Luật này.

**70. Việc quản lý nước thải ở khu đô thị, khu dân cư tập trung được thực hiện như thế nào?**

Việc quản lý nước thải đô thị, khu dân cư được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường 2020, cụ thể như sau:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình phải được thu gom, đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong đô thị phải được thu gom, xử lý sơ bộ trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị; nước thải sau khi xử lý sơ bộ phải đáp ứng quy định của khu đô thị, khu dân cư tập trung hoặc quy định của chính quyền địa phương.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong đô thị chưa có công trình xử lý nước thải tập trung phải được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

**71. Để bảo vệ môi trường, việc quản lý nước thải từ hoạt động sản xuất, kinh doanh và nước thải của hộ gia đình khu dân cư được quản lý như thế nào?**

Khoản 3, Khoản 4 Điều 86 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định việc quản lý nước thải từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nước thải của hộ gia đình tại khu dân cư như sau:

- Nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trang, cụm công nghiệp được thu gom và xử lý sơ bộ trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải công nghiệp theo yêu cầu của chủ đầu tư xây dựng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp bảo đảm nước thải phải được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nằm ngoài khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp không kết nối được vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải phải được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình tại khu dân cư không tập trung phải được thu gom, xử lý tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

**72. Đề nghị cho biết pháp luật quy định những yêu cầu gì đối với hệ thống xử lý nước thải nhằm bảo vệ môi trường?**

Khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định hệ thống xử lý nước thải phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- Công nghệ phù hợp với loại hình, đặc tính nước thải cần xử lý.

- Công suất hệ thống xử lý nước phải phù hợp với lượng nước thải phát sinh tối đa.

- Xử lý nước thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Có kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sợ cố môi trường đối với hệ thống xử lý nước thải; điểm xả thải phải có tọa độ, biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải.

Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phải được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn; bùn thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng quy định phải được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại.

**73. Xưởng gỗ gần nhà tôi hoạt động liên tục và phát tán rất nhiều bụi. Để tránh gây ô nhiễm môi trường, việc quản lý và kiểm soát bụi phải thực hiện như thế nào?**

Điều 88 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát tán bụi, khí thải phải kiểm soát và xử lý bụi, khí thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường. Bụi có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng quy định phải được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại.

Phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị, công trình xây dựng phát tán bụi, khí thải phải có bộ phận lọc, giảm thiểu khí thải, thiết bị che chắn hoặc biện pháp khác để giảm thiểu bụi bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

**74. Các xưởng gia công đá không những phát tán bụi mà còn gây tiếng ồn, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường rất cao. Xin cho biết tổ chức, cá nhân gây tiếng ồn phải thực hiện quản lý và kiểm soát như thế nào?**

Điều 89 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định việc quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ, mùi khó chịu như sau:

- Tổ chức, cá nhân gây tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ phải kiểm soát, xử lý bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường và bức xạ.

- Tổ chức, cá nhân trong khu dân cư gây tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ, mùi khó chịu phải thực hiện biện pháp giảm thiểu, không làm tác động xấu đến cộng đồng dân cư.

- Tổ chức, cá nhân quản lý tuyến đường có mật độ phương tiện tham gia giao thông cao gây tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ phải có biện pháp giảm thiểu, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Cấm sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, kinh doanh và sử dụng pháo nổ. Việc sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, kinh doanh và sử dụng pháo hoa thực hiện theo quy định của Chính phủ.

**75. Chúng tôi dự định xây dựng một website về môi trường. Để trang web hoạt động hiệu quả, phong phú, chúng tôi muốn biết thông tin về môi trường bao gồm những nội dung gì?**

Điều 114 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định thông tin về môi trường bao gồm các nội dung như sau:

- Thông tin về chất ô nhiễm, dòng thải các chất ô nhiễm ra môi trường, nguồn ô nhiễm; công tác bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp.

- Thông tin về chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải, khí thải và các loại chất thải khác theo quy định của pháp luật.

- Thông tin về quyết định phê duyệt kết quả thẩm định, báo cáo đánh giá tác động môi trường, trừ bí mật thương mại, bí mật kinh doanh, thông tin thuộc bí mật nhà nước; nội dung cấp phép, đăng ký, chứng nhận, xác nhận; kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp theo quy định.

- Thông tin về chỉ tiêu thống kê môi trường, chất lượng môi trường, ô nhiễm môi trường.

- Thông tin về di sản thiên nhiên, hệ sinh thái tự nhiên, loài sinh vật và nguồn gen; khu bảo tồn thiên nhiên và cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học; vùng đất ngập nước quan trọng.

**76. Khi sự cố môi trường xảy ra, ai có trách nhiệm ứng phó?**

Khoản 4 Điều 121 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định sự cố môi trường xảy ra ở cơ sở, địa phương nào thì người đứng đầu cơ sở, địa phương đó có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, ứng phó sự cố môi trường phải theo sự phân công, phân cấp, chỉ huy thống nhất và phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng, phương tiện, thiết bị tham gia hoạt động ứng phó sự cố môi trường.

**77. Công ty X là chủ dự án đầu tư có những trách nhiệm gì trong phòng ngừa sự cố môi trường?**

Khoản 4 Điều 122 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

- Thực hiện yêu cầu về kế hoạch, biện pháp, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố môi trường.

**78. Trường hợp có 02 tổ chức gây thiệt hại về môi trường thì việc bồi thường thiệt hại được thực hiện như thế nào?**

Điều 130 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định **t**hiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường bao gồm: (i) Suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường; (ii) Thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra.

Trường hợp có từ 02 tổ chức, cá nhân trở lên gây thiệt hại về môi trường, việc bồi thường thiệt hại được quy định như sau:

- Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường của từng đối tượng được xác định theo loại chất ô nhiễm, lượng phát thải và các yếu tố khác.

- Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường, chi trả chi phí xác định thiệt hại và thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với từng đối tượng được xác định tương ứng với tỷ lệ gây thiệt hại trong tổng thiệt hại về môi trường; trường hợp các bên liên quan hoặc cơ quan quản lý nhà nước về môi trường không xác định được tỷ lệ chịu trách nhiệm thì cơ quan trọng tài hoặc Tòa án quyết định theo thẩm quyền.

Tổ chức, cá nhân tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, có hệ thống xử lý chất thải đạt yêu cầu và chứng minh được rằng không gây thiệt hại về môi trường thì không phải bồi thường thiệt hại về môi trường, không phải chịu các chi phí liên quan đến xác định thiệt hại và thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường thiệt hại.

**79. Có những hình thức nào được áp dụng để giải quyết bồi thường thiệt hại về môi trường?**

Khoản 1 Điều 133 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định việc bồi thường thiệt hại về môi trường được giải quyết thông qua thương lượng giữa các bên.

Trong trường hợp không thương lượng được, các bên có thể lựa chọn giải quyết thông qua các hình thức sau đây:

- Hòa giải.

- Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài.

- Giải quyết tranh chấp bằng Tòa án.

**80. Trong vụ ô nhiễm môi trường tại tỉnh K, công ty X có khả năng phải bồi thường thiệt hại rất lớn. Xin cho biết dựa vào những căn cứ nào để tính chi phí bồi thường thiệt hại?**

Khoản 1 Điều 134 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định việc chi phí bồi thường thiệt hại về môi trường được tính căn cứ vào các nội dung sau đây:

- Chi phí thiệt hại trước mắt và lâu dài do sự suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường.

- Chi phí xử lý, cải tạo môi trường.

- Chi phí giảm thiểu, triệt tiêu nguồn gây thiệt hại hoặc tổ chức ứng phó sự cố môi trường.

- Chi phí xác định thiệt hại và thực hiện thủ tục bồi thường thiệt hại về môi trường.

- Tùy điều kiện cụ thể có thể áp dụng quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này để tính chi phí thiệt hại về môi trường, làm căn cứ để bồi thường và giải quyết bồi thường thiệt hại về môi trường.

**81. Đề nghị cho biết thuế bảo vệ môi trường, phí về bảo vệ môi trường được áp dụng như thế nào?**

Việc áp dụng thuế bảo vệ môi trường, phí bảo vệ môi trường được thực hiện theo quy định tại Điều 136 Luật Bảo vệ môi trường 2020, cụ thể như sau:

- Thuế bảo vệ môi trường áp dụng đối với các sản phẩm, hàng hóa mà việc sử dụng gây tác động xấu đến môi trường hoặc chất ô nhiễm môi trường. Mức thuế bảo vệ môi trường được xác định căn cứ vào mức độ gây tác động xấu đến môi trường.

- Phí bảo vệ môi trường áp dụng đối với hoạt động xả thải ra môi trường; khai thác khoáng sản hoặc làm phát sinh tác động xấu đối với môi trường; dịch vụ công thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

Mức phí bảo vệ môi trường được xác định trên cơ sở khối lượng, mức độ độc hại của chất ô nhiễm thải ra môi trường, đặc điểm của môi trường tiếp nhận chất thải; mức độ tác động xấu đến môi trường của hoạt động khai thác khoáng sản; tính chất dịch vụ công thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường.

**82. Những tổ chức, cá nhân nào phải thực hiện ký quỹ bảo vệ môi trường?**

Ký quỹ bảo vệ môi trường nhằm bảo đảm các tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm phục hồi môi trường, xử lý rủi ro, nguy cơ ô nhiễm môi trường

Khoản 2 Điều 137 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định các tổ chức, cá nhân có hoạt động dưới đây phải thực hiện ký quỹ bảo vệ môi trường:

Thứ nhất, khai thác khoáng sản;

Thứ hai, chôn lấp chất thải;

Thứ ba, nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

Lưu ý, việc ký quỹ bảo vệ môi trường được thực hiện bằng tiền, kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá theo quy định của pháp luật.

**83. Pháp luật quy định như thế nào về việc chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên trong bảo vệ môi trường?**

Điều 134 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định việc chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên như sau:

Thứ nhất, chi trả dịch vụ hệ sinh thái tựr nhiên là việc tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên trả tiền cho tổ chức, cá nhân cung ứng giá trị môi trường, cảnh quan do hệ sinh thái tự nhiên tạo ra để bảo vệ, duy trì và phát triển hệ sinh thái tự nhiên.

Thứ hai, các dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên được chi trả bao gồm:

- Dịch vụ môi trường rừng của hệ sinh thái rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp;

- Dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước phục vụ mục đích kinh doanh du lịch, giải trí, nuôi trồng thủy sản;

- Dịch vụ hệ sinh thái biển phục vụ mục đích kinh doanh du lịch, giải trí, nuôi trồng thủy sản;

- Dịch vụ hệ sinh thái núi đá, hang động và công viên địa chất phục vụ mục đích kinh doanh du lịch, giải trí;

- Dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên phục vụ mục đích hấp thụ và lưu trữ các-bon, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

Thứ ba, tổ chức, cá nhân phải trả tiền dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên khi có hoạt động sau đây:

- Khai thác, sử dụng mặt nước, mặt biển của hệ sinh thái cho nuôi trồng thủy sản, dịch vụ giải trí dưới nước;

- Khai thác, sử dụng cảnh quan của hệ sinh thái cho dịch vụ du lịch, giải trí;

-Sản xuất, kinh doanh có phát thải khí nhà kính phải sử dụng dịch vụ hấp thụ và lưu trữ các-bon của hệ sinh thái để thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

**84. Nhà nước có chính sách gì trong việc ưu đãi, hỗ trợ về bảo vệ môi trường**

Khoản 1Điều 141 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định về những chính sách ưu đãi, hỗ trợ về bảo vệ môi trường như sau:

- Nhà nước thực hiện ưu đãi, hỗ trợ về đất đai, vốn; miễn, giảm thuế, phí đối với hoạt động bảo vệ môi trường; trợ giá, trợ cước vận chuyển đối với sản phẩm thân thiện môi trường và các ưu đãi, hỗ trợ khác đối với hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiều hoạt động bảo vệ môi trường được ưu đãi, hỗ trợ thì được hưởng ưu đãi, hỗ trợ tương ứng đối với các hoạt động đó;

- Trường hợp hoạt động bảo vệ môi trường cùng được ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì được hưởng ưu đãi, hỗ trợ theo văn bản có quy định mức ưu đãi, hỗ trợ cao hơn;

- Mức độ và phạm vi ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường được điều chỉnh bảo đảm phù hợp với chính sách về bảo vệ môi trường từng thời kỳ.

**85. Các hoạt động nào bảo vệ môi trường nhưng không phải là hoạt động đầu tư kinh doanh mà vẫn được hưởng ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước trong việc bảo vệ môi trường?**

Khoản 3 Điều 141 Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định các hoạt động bảo vệ môi trường không phải là hoạt động đầu tư kinh doanh được hưởng ưu đãi, hỗ trợ bao gồm:

- Hoạt động đổi mới công nghệ, cải tạo, nâng cấp công trình xử lý chất thải theo lộ trình do pháp luật về bảo vệ môi trường quy định;

- Hoạt động di dời hộ gia đình ra khỏi khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp hoặc di dời cơ sở đang hoạt động để đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường;

- Hoạt động đầu tư phát triển vốn tự nhiên, bảo vệ di sản thiên nhiên.

**V. Tìm hiểu một số quy định mới về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, Luật Biên giới quốc gia**

**1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính bị áp dụng hình thức xử phạt chính nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 3 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính chỉ bị áp dụng một hình thức xử phạt chính sau:

- Cảnh cáo;

- Phạt tiền.

**2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia còn có thể bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

- Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

- Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác, thăm dò tài nguyên, khoáng sản, hải sản, môi trường và giấy phép xây dựng, vận tải, kinh doanh từ 06 tháng đến 12 tháng; tước quyền sử dụng giấy phép lái xe, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế và giấy phép hoạt động dịch vụ, thương mại tại cửa khẩu biên giới đất liền từ 03 tháng đến 06 tháng;

- Trục xuất.

**3. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính** **trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính có thể bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia,đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính, ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau:

- Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;

- Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;

- Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh;

- Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại;

- Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật;

- Buộc rời khỏi khu vực biên giới, khu vực cửa khẩu;

- Buộc tiêu hủy giấy tờ tùy thân, giấy tờ có giá trị xuất, nhập cảnh biên giới hết giá trị sử dụng;

- Buộc thực hiện việc vận chuyển hàng hóa quá cảnh, chuyển cảng, chuyển khẩu, chuyển cửa khẩu, kinh doanh tạm nhập - tái xuất đúng cửa khẩu, tuyến đường quy định;

- Buộc chịu trách nhiệm chi phí để thực hiện khôi phục tình trạng ban đầu đối với mốc quốc giới, cọc dấu, điểm cơ sở, bia chủ quyền, dấu hiệu đường biên giới, vật đánh dấu đường biên giới, công trình phòng thủ vùng biển, công trình biên giới, biển báo trong khu vực biên giới, khu vực cửa khẩu biên giới đất liền, cửa khẩu cảng;

- Buộc lấy ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các cơ quan liên quan;

- Buộc nộp lại giấy phép đi bờ, giấy phép xuống tàu;

- Tạm dừng thực hiện thủ tục xuất cảnh đối với phương tiện Việt Nam, tạm dừng thực hiện thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh đối với phương tiện nước ngoài.

**4. Xin cho biết, mức phạt tiền tối đa với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia là bao nhiêu?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 4 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia là 50.000.000 đồng.

**5. Xin cho biết hành vi đổ đất đá, chất thải xuống sông, suối biên giới bị xử phạt như thế nào trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 5 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, hành vi đổ đất đá, chất thải xuống sông, suối biên giới sẽ bị

phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Và theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 5 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP, hành vi này bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 4, Điều 5 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi này là buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu hoặc buộc chịu trách nhiệm chi phí để thực hiện khôi phục tình trạng ban đầu.

**6.** **Nổi tiếng giàu có nhờ kinh doanh gỗ trong vùng, gia đình ông A đã tiến hành khởi công xây dựng công trình nhà thờ họ kiên cố toàn bộ bằng gỗ lim. Tuy nhiên, công trình này lại được xây dựng trong phạm vi 100 mét tính từ đường biên giới trên đất liền tuyến biên giới Việt Nam – Lào. Theo quy định của pháp luật, hành vi của ông A và gia đình có vi phạm pháp luật không? Nếu có thì bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 5 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, hành vi xây dựng công trình nhà thờ họ kiên cố trong phạm vi 100 mét tính từ đường biên giới trên đất liền tuyến biên giới Việt Nam – Lào của ông A và gia đình là hành vi vi phạm pháp luật, sẽ bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Và theo quy định tại khoản 3, Điều 5 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP, hình thức xử phạt bổ sung đối với hành vi của ông A và gia đình là:

- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

- Tước quyền sử dụng giấy phép khai thác, thăm dò tài nguyên, khoáng sản, giấy phép xây dựng từ 06 tháng đến 12 tháng.

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 4, Điều 5 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP, hành vi của ông A và gia đình sẽ phải áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu hoặc buộc chịu trách nhiệm chi phí để thực hiện khôi phục tình trạng ban đầu, buộc tháo dỡ công trình, phân công trình không có giấy phép xây dựng hoặc xây dựng không đúng với giấy phép.

**7. Xin cho biết, công dân Việt Nam vào khu vực biên giới đất liền, vành đai biên giới không mang theo Chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu bị xử phạt như thế nào trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 6 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, công dân Việt Nam vào khu vực biên giới đất liền, vành đai biên giới không mang theo Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu sẽ bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng.

Và theo quy định tại điểm a, khoản 12, Điều 6 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi này là buộc rời khỏi khu vực biên giới đất liền.

**8. Vì muốn giúp chị họ là N thuận tiện trong quá trình qua lại biên giới Lào, H – cư dân biên giới đã cho N mượn giấy chứng nhận biên giới của mình. Hành vi này của H có vi phạm pháp luật không? Nếu vi phạm pháp luật thì bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo điểm a, khoản 3, Điều 6 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì hành vi của H là vi phạm pháp luật và việc H cho N mượn giấy chứng nhận biên giới của mình để qua lại biên giới sẽ bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

Ngoài ra, theo quy định tại điểm b, khoản 11, Điều 6 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP, hình thức xử phạt bổ sung đối với hành vi này của H là tịch thu giấy tờ có giá trị xuất, nhập cảnh biên giới.

**9. Trường hợp cơ quan, tổ chức đưa người nước ngoài vào khu vực biên giới đất liền nhưng không cử người đi cùng, không thông báo với Công an, Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh nơi đến bị xử phạt như thế nào trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 6 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì trường hợp cơ quan, tổ chức đưa người nước ngoài vào khu vực biên giới đất liền nhưng không cử người đi cùng, không thông báo với Công an, Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh nơi đến sẽ bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

**10. Xin cho biết trường hợp cư dân biên giới qua lại biên giới không có giấy tờ có giá trị xuất, nhập cảnh biên giới theo quy định thì bị xử phạt như thế nào** **trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại điểm c, khoản 5, Điều 6 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì trường hợp cư dân biên giới qua lại biên giới không có giấy tờ có giá trị xuất, nhập cảnh biên giới theo quy định của pháp luật sẽ bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

**11. Theo quy định của pháp luật, hành vi đánh bắt thủy sản trái phép, sử dụng vật gây nổ, chất có độc, xung điện trên sông suối, trong lòng đất khu vực biên giới sẽ bị xử phạt như thế nào** **trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại điểm c, khoản 7, Điều 6 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì hành vi đánh bắt thủy sản trái phép, sử dụng vật gây nổ, chất có độc, xung điện trên sông suối, trong lòng đất khu vực biên giới sẽ bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Và theo quy định tại điểm a, khoản 11, Điều 6 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP thì hình thức xử phạt bổ sung đối với hành vi này là tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

Ngoài ra, theo quy định tại điểm d, khoản 12, Điều 6 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP thì biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi này là buộc tiêu huỷ hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi và cây trồng, văn hoá phẩm có nội dung độc hại, buộc chịu trách nhiệm chi phí để thực hiện khôi phục tình trạng ban đầu.

**12. Theo quy định của pháp luật, hành vi tạm trú, lưu trú, đi lại trong khu vực cửa khẩu biên giới đất liền không đúng quy định sẽ bị xử phạt như thế nào trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì hành vi tạm trú, lưu trú, đi lại trong khu vực cửa khẩu biên giới đất liền không đúng quy định sẽ bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng.

Và theo quy định tại điểm a, khoản 8, Điều 7 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP thì biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi này là buộc rời khỏi khu vực cửa khẩu biên giới đất liền.

**13. Hành vi điều khiển phương tiện vận tải liên vận xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới đất liền không có phù hiệu gắn trên phương tiện bị xử phạt như thế nào** **trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 7 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì hành vi điều khiển phương tiện vận tải liên vận xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới đất liền không có phù hiệu gắn trên phương tiện bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

Và theo quy định tại điểm c, khoản 8 Điều 7 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP, biện pháp khắc phục hậu quả đổi với hành vi này là tạm dừng thực hiện thủ tục xuất cảnh đối với phương tiện Việt Nam, tạm dừng thực hiện thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh đối với phương tiện nước ngoài.

**14. Xin cho biết, hành vi hoạt động dịch vụ, thương mại trong khu vực cửa khẩu không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền sẽ bị xử phạt như thế nào trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 7 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì hành vi hoạt động dịch vụ, thương mại trong khu vực cửa khẩu không có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền sẽ bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

Và theo quy định tại điểm b, khoản 7 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP thì hình thức xử phạt bổ sung đối với hành vi này là tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động dịch vụ, thương mại tại cửa khẩu biên giới đất liền từ 03 tháng đến 06 tháng.

**15. D là công dân Việt Nam. Khi vào khu vực biên giới biển, D quên không mang theo Chứng minh thư nhân dân và Hộ chiếu. Hành vi này của D có vi phạm pháp luật không? Nếu có thì bị xử phạt như thế nào trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 8 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì hành vi của D là quên không mang theo Chứng minh thư nhân dân và Hộ chiếu khi vào khu vực biên giới biển sẽ bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng.

Và theo quy định tại điểm a, khoản 13 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP thì biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi này của D là buộc rời khỏi khu vực biên giới biển.

**16. Xin cho biết, hành vi ra, vào, đi lại, điều khiển phương tiện, tiến hành các hoạt động không đúng quy định trong khu vực hạn chế hoạt động tại khu vực biên giới biển bị xử phạt như thế nào** **trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 8 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì hành vi ra, vào, đi lại, điều khiển phương tiện, tiến hành các hoạt động không đúng quy định trong khu vực hạn chế hoạt động tại khu vực biên giới biển bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

Và theo quy định tại điểm b, khoản 12, Điều 8 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP, hình thức xử phạt bổ sung đối với hành vi này là tước quyền sử dụng giấy phép lái xe, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn từ 03 tháng đến 06 tháng.

Ngoài ra, theo quy định tại điểm a, khoản 13, Điều 8 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi này là buộc rời khỏi khu vực biên giới biển.

**17. Theo quy định của pháp luật, hành vi quay phim, chụp ảnh, đo, vẽ cảnh vật, ghi hình trái phép bằng các thiết bị điện tử, thu phát vô tuyến điện ở khu vực có biển cấm nằm trong khu vực biên giới biển bị xử phạt như thế nào trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 8 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì hành vi quay phim, chụp ảnh, đo, vẽ cảnh vật, ghi hình trái phép bằng các thiết bị điện tử, thu phát vô tuyến điện ở khu vực có biển cấm nằm trong khu vực biên giới biển bị phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

Và theo quy định tại khoản 12, Điều 8 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP, hình thức xử phạt bổ sung đối với hành vi này là tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Nếu là người nước ngoài thì sẽ bị trục xuất.

Ngoài ra, theo quy định tại điểm a, khoản 13, Điều 8 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi này là buộc rời khỏi khu vực biên giới biển.

**18. C làm nghề chuyên sưu tầm cổ vật. Gần đây, C chuyển sang nghiên cứu và sưu tầm về các cổ vật dưới biển. Để tăng khả năng tìm được những món cổ vật có giá trị dưới biển, C đã thực hiện khai thác và trục vớt một số cổ vật nằm trong vùng nước nội thủy dù chưa được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền. Hành vi này của C có vi phạm pháp luật không? Nếu có thì bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại điểm d, khoản 8, Điều 8 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì hành vi khai thác, trục vớt cổ vật trong vùng nước nội thủy khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền của C sẽ bị phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Và theo quy định tại điểm a, khoản 12 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP thì hình thức xử phạt bổ sung đối với hành vi này của C là tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

**19. Xin cho biết, hành vi sử dụng phương tiện đường thủy hoạt động trong khu vực biên giới biển không đúng mục đích sẽ bị xử phạt như thế nào trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 8 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì hành vi sử dụng phương tiện đường thủy hoạt động trong khu vực biên giới biển không đúng mục đích sẽ bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

Và theo quy định tại điểm b, khoản 12, Điều 8 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP thì hình thức xử phạt bổ sung đối với hành vi này là tước quyền sử dụng giấy phép lái xe, giấy chứng nhận khả năng chuyên môn.

**20. Theo quy định của pháp luật, trường hợp thuyền viên nước ngoài khi đi bờ không xuất trình giấy phép đi bờ bị xử phạt như thế nào trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 9 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì trường hợp thuyền viên nước ngoài đi bờ không xuất trình giấy phép đi bờ bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đển 1.000.000 đồng.

**21. Chị K là người Người Việt Nam. Khi xuống một con tàu của nước ngoài, chị K không xuất trình được giấy phép do Biên phòng cửa khẩu cảng cấp khi được kiểm tra. Hành vi này của chị K** **sẽ** **bị xử phạt như thế nào trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 9 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì trường hợp chị K là người Việt Nam xuống tàu nước ngoài không xuất trình giấy phép do Biên phòng cửa khẩu cảng cấp khi xuống tàu bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đển 1.000.000 đồng.

**22. Xin cho biết, hành vi không chấp hành hoặc cản trở việc kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu cảng bị xử phạt như thế nào trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 9 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì hành vi không chấp hành hoặc cản trở việc kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu cảng bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

Và theo quy định tại điểm b, khoản 7, Điều 9 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP, nếu hành vi đó là của người nước ngoài thì hình thức xử phạt bổ sung đối với trường hợp này là trục xuất.

Ngoài ra theo quy định tại điểm a, khoản 8, Điều 9 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi này là buộc rời khỏi khu vực cửa khẩu cảng.

**23. Theo quy định của pháp luật, hành vi gây mất an ninh, trật tự hoặc lôi kéo, kích động, xúi giục, giúp người khác gây mất an ninh, trật tự trong khu vực cửa khẩu cảng bị xử phạt như thế nào trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 9 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì hành vi gây mất an ninh, trật tự hoặc lôi kéo, kích động, xúi giục, giúp người khác gây mất an ninh, trật tự trong khu vực cửa khẩu cảng bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

Và theo quy định tại điểm b, khoản 7, Điều 9 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP, hình thức xử phạt bổ sung đối với hành vi này là trục xuất đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm.

Ngoài ra theo quy định tại điểm a, khoản 8, Điều 9 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi này là buộc rời khỏi khu vực cửa khẩu cảng.

**24. Xin cho biết, trường hợp thuyền viên, hành khách tự ý rời khỏi tàu thuyền khi chưa hoàn thành thủ tục nhập cảnh hoặc đã hoàn thành thủ tục xuất cảnh bị xử phạt như thế nào** **trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 9 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì trường hợp thuyền viên, hành khách tự ý rời khỏi tàu thuyền khi chưa hoàn thành thủ tục nhập cảnh hoặc đã hoàn thành thủ tục xuất cảnh bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

**25. Xin cho biết, hành vi đưa hàng hóa trái phép lên tàu thuyền, phương tiện thủy nội địa hoặc từ tàu thuyền, phương tiện đường thủy xuống trong khu vực cửa khẩu cảng bị xử phạt như thế nào** **trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 5, Điều 9 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì hành vi đưa hàng hóa trái phép lên tàu thuyền, phương tiện thủy nội địa hoặc từ tàu thuyền, phương tiện đường thủy xuống trong khu vực cửa khẩu cảng sẽ bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Và theo quy định tại điểm a, khoản 7, Điều 9 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP, hình thức xử phạt bổ sung đối với hành vi này là tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

**26. Trong khi đi du lịch cùng gia đình ở Lạng Sơn, anh T thấy có tấm biển báo ghi “Khu vực cửa khẩu”. Vì tính hay nghịch ngợm, nhân lúc mọi người xung quanh không để ý, anh T đã lén xóa các dấu câu tại biển báo. Hành vi này của anh T có vi phạm pháp luật không? Nếu có thì bị xử phạt như thế nào** **trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại khoản 1, Điều 10 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì hành vi tẩy xóa chữ trên biển báo “Khu vực cửa khẩu” sẽ bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

Và theo quy định tại khoản 9, Điều 10 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi này là buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu hoặc buộc chịu trách nhiệm chi phí để khôi phục lại tình trạng ban đầu.

**27. Xin cho biết, hành vi làm xê dịch, tháo dỡ, phá hủy các biển báo “khu vực biên giới”, “vành đai biên giới”, “vùng cấm”, “khu vực biên giới biển”, “khu vực cửa khẩu” và các biển báo khác trong khu vực biên giới, cửa khẩu bị xử phạt như thế nào** **trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại khoản 3, Điều 10 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì hành vi làm xê dịch, tháo dỡ, phá hủy các biển báo “khu vực biên giới”, “vành đai biên giới”, “vùng cấm”, “khu vực biên giới biển”, “khu vực cửa khẩu” và các biển báo khác trong khu vực biên giới, cửa khẩu bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

Và theo quy định tại khoản 8, Điều 10 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP, hình thức xử phạt bổ sung đối với hành vi này là:

- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm.

- Trục xuất đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm.

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 9, Điều 10 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi này là buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu hoặc buộc chịu trách nhiệm chi phí để khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm.

**28. Theo quy định của pháp luật, hành vi xây dựng, lắp đặt trái phép các công trình, thiết bị hoặc có hành vi gây tổn hại đến sự an toàn của công trình biên giới bị xử phạt như thế nào** **trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại khoản 5, Điều 10 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì hành vi xây dựng, lắp đặt trái phép các công trình, thiết bị hoặc có hành vi gây tổn hại đến sự an toàn của công trình biên giới sẽ bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Và theo quy định tại khoản 8, Điều 10 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP, hình thức xử phạt bổ sung đối với hành vi này là:

- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm.

- Trục xuất đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm.

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 9, Điều 10 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi này là buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu hoặc buộc chịu trách nhiệm chi phí để khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm.

**29. Theo quy định của pháp luật, hành vi làm giả các biển báo, “khu vực biên giới”, “vành đai biên giới”, “vùng cấm”, “khu vực biên giới biển”, “khu vực cửa khẩu” trong khu vực biên giới, cửa khẩu** **bị xử phạt như thế nào** **trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại khoản 7, Điều 10 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì hành vi làm giả các biển báo, “khu vực biên giới”, “vành đai biên giới”, “vùng cấm”, “khu vực biên giới biển”, “khu vực cửa khẩu” trong khu vực biên giới, cửa khẩu sẽ bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Và theo quy định tại khoản 8, Điều 10 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP, hình thức xử phạt bổ sung đối với hành vi này là:

- Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm.

- Trục xuất đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm.

**30. Sau khi được cấp phép triển khai thực hiện công trình trong khu vực biên giới, anh Q là chủ đầu tư đã không thông báo bằng văn bản cho Bộ đội Biên phòng, Công an cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã sở tại trước 03 ngày làm việc mà tiến hành xây dựng công trình luôn. Theo quy định của pháp luật, hành vi này của anh Q có đúng quy định không? Nếu vi phạm thì bị xử phạt như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 11 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì hành vi xây dựng công trình đã được cấp phép trong khu vực biên giới không thông báo bằng văn bản cho Bộ đội Biên phòng, Công an cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã sở tại trước 03 ngày làm việc của anh Q là vi phạm pháp luật và sẽ bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

**31. Xin cho biết, hành vi xây dựng dự án, công trình có yếu tố nước ngoài trong khu vực biên giới, cửa khẩu nhưng chủ đầu tư không thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã, đồn Biên phòng sở tại sẽ bị** **xử phạt như thế nào** **trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại khoản 2, Điều 11 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì hành vi xây dựng dự án, công trình có yếu tố nước ngoài trong khu vực biên giới, cửa khẩu nhưng chủ đầu tư không thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã, đồn Biên phòng sở tại sẽ bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

**32. Theo quy định của pháp luật, hành vi vận chuyển trái phép qua biên giới hàng hóa là văn hóa phẩm sẽ bị** **xử phạt như thế nào** **trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 12 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì hành vi vận chuyển trái phép qua biên giới hàng hóa là văn hóa phẩm sẽ bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Và theo quy định tại khoản 6, Điều 12 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi này là buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng, môi trường và văn hóa phẩm có nội dung độc hại.

**33. Xin cho biết, theo quy định của pháp luật, hành vi vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới ngoài khu vực cửa khẩu nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự bị xử phạt** **như thế nào** **trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì hành vi vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới ngoài khu vực cửa khẩu nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ bị xử phạt như sau:

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm mà tang vật vi phạm có giá trị dưới 10.000.000 đồng.

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

+ Hành vi vi phạm mà tang vật vi phạm có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;

+ Vận chuyển trái phép qua biên giới hàng hóa là văn hóa phẩm.

- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm mà tang vật vi phạm có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng.

- Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tang vật vi phạm có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên.

- Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này, trừ trường hợp đã áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại khoản 6 Điều 12 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP.

- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng, môi trường và văn hóa phẩm có nội dung độc hại đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều 12 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP.

**34. Xin cho biết, theo quy định của pháp luật, hành vi tàng trữ, mua bán, vận chuyển, trao đổi hàng hóa ở khu vực biên giới mà tại thời điểm kiểm tra không có giấy tờ, không đầy đủ giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa** **bị xử phạt** **như thế nào** **trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì hành vi tàng trữ, mua bán, vận chuyển, trao đổi hàng hóa ở khu vực biên giới mà tại thời điểm kiểm tra không có giấy tờ, không đầy đủ giấy tờ chứng minh tính hợp pháp của hàng hóa bị xử phạt như sau:

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hàng hóa vi phạm có giá trị dưới 5.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hàng hóa vi phạm có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 10.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hàng hóa vi phạm có giá trị từ 10.000.000 đồng đến dưới 20.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hàng hóa vi phạm có giá trị từ 20.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hàng hóa vi phạm có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 70.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hàng hóa vi phạm có giá trị từ 70.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng;

- Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hàng hóa vi phạm có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên;

- Phạt tiền gấp 02 lần mức tiền phạt quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g khoản này nhưng không vượt quá mức phạt tối đa quy định tại Nghị định này trong trường hợp hàng hóa vi phạm là: Lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, thuốc phòng bệnh và thuốc chữa bệnh cho người, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm; chất tẩy rửa, diệt côn trùng, thuốc thú y, phân bón, xi măng, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, chất kích thích tăng trưởng, giống cây trồng, giống vật nuôi; hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa hạn chế kinh doanh hoặc kinh doanh có điều kiện.

Và theo quy định tại khoản 4, Điều 13 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP, hình thức xử phạt bổ sung đối với một trong các hành vi nêu trên là tịch thu tang vật vi phạm, trừ trường hợp hàng hóa đã được xác định có nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp.

Ngoài ra, theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 13 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP, biện pháp khắc phục hậu quả đối với một trong các hành vi trên là buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng, môi trường và văn hóa phẩm có nội dung độc hại đối với hành vi vi phạm.

**35. Theo quy định của pháp luật, hành vi** **vi phạm các quy định về tàng trữ, mua bán, vận chuyển, trao đổi hàng hóa ở khu vực biên giới** **xảy ra ngoài địa bàn hoạt động hải quan bị xử phạt** **như thế nào** **trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP ngày 24/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia thì phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm các quy định về tàng trữ, mua bán, vận chuyển, trao đổi hàng hóa ở khu vực biên giới xảy ra ngoài địa bàn hoạt động hải quan sau đây:

- Vận chuyển hàng hóa quá cảnh, chuyển cảng, chuyển khẩu, chuyển cửa khẩu, hàng kinh doanh tạm nhập - tái xuất không đúng tuyến đường, địa điểm, cửa khẩu, thời gian quy định hoặc đăng ký trong hồ sơ hàng hóa chưa được phép của cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật;

- Tự ý phá niêm phong hàng hóa;

- Không bảo đảm nguyên trạng hàng hóa đang chịu sự giám sát hoặc hàng hóa được giao bảo quản theo quy định của pháp luật chờ hoàn thành thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu;

- Lưu giữ hàng hóa không đúng địa điểm quy định.

Và theo quy định tại khoản 5, Điều 13 Nghị định số 96/2020/NĐ-CP, biện pháp khắc phục hậu quả đối với một trong các hành vi trên là:

- Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng, môi trường và văn hóa phẩm có nội dung độc hại đối với hành vi vi phạm.

- Buộc thực hiện việc vận chuyển hàng hóa quá cảnh, chuyển cảng, chuyển khẩu, chuyển cửa khẩu, hàng kinh doanh tạm nhập - tái xuất đúng cửa khẩu, tuyến đường quy định đối với hành vi Vận chuyển hàng hóa quá cảnh, chuyển cảng, chuyển khẩu, chuyển cửa khẩu, hàng kinh doanh tạm nhập - tái xuất không đúng tuyến đường, địa điểm, cửa khẩu, thời gian quy định hoặc đăng ký trong hồ sơ hàng hóa chưa được phép của cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

**36. Xin cho biết, theo quy định của pháp luật, khu vực biên giới quốc gia bao gồm những bộ phận nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 6 Luật Biên giới quốc gia năm 2003, khu vực biên giới quốc gia bao gồm:

- Khu vực biên giới trên đất liền gồm xã, phường, thị trấn có một phần địa giới hành chính trùng hợp với biên giới quốc gia trên đất liền;

- Khu vực biên giới trên biển tính từ biên giới quốc gia trên biển vào hết địa giới hành chính xã, phường, thị trấn giáp biển và đảo, quần đảo;

- Khu vực biên giới trên không gồm phần không gian dọc theo biên giới quốc gia có chiều rộng mười kilômét tính từ biên giới quốc gia trở vào.

**37. Theo quy định của pháp luật, vùng nội thủy của Việt Nam bao gồm những bộ phận nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 7 Luật Biên giới quốc gia năm 2003, vùng nội thủy của Việt Nam bao gồm:

- Các vùng nước phía trong đường cơ sở;

- Vùng nước cảng được giới hạn bởi đường nối các điểm nhô ra ngoài khơi xa nhất của các công trình thiết bị thường xuyên là bộ phận hữu cơ của hệ thống cảng.

**38. Xin cho biết, theo quy định của pháp luật, vùng nước lịch sử được hiểu như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 8 Luật Biên giới quốc gia năm 2003, vùng nước lịch sử là vùng nước do những điều kiện địa lý đặc biệt có ý nghĩa quan trọng đối với kinh tế, quốc phòng, an ninh của Việt Nam hoặc của Việt Nam và các quốc gia cùng có quá trình quản lý, khai thác, sử dụng lâu đời được Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quốc gia hữu quan thỏa thuận sử dụng theo một quy chế đặc biệt bằng việc ký kết điều ước quốc tế.

**39. Xin cho biết, theo quy định của pháp luật, các hành vi nào bị nghiêm cấm theo Luật Biên giới quốc gia?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 14 Luật Biên giới quốc gia năm 2003, các hành vi bị nghiêm cấm theo Luật Biên giới quốc gia bao gồm:

- Xê dịch, phá hoại mốc quốc giới; làm sai lệch, chệch hướng đi của đường biên giới quốc gia; làm đổi dòng chảy tự nhiên của sông, suối biên giới; gây hư hại mốc quốc giới;

- Phá hoại an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới; xâm canh, xâm cư ở khu vực biên giới; phá hoại công trình biên giới;

- Làm cạn kiệt nguồn nước, gây ngập úng, gây ô nhiễm môi trường, xâm phạm tài nguyên thiên nhiên và lợi ích quốc gia;

- Qua lại trái phép biên giới quốc gia; buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ, vũ khí, ma tuý, chất nguy hiểm về cháy, nổ qua biên giới quốc gia; vận chuyển qua biên giới quốc gia văn hoá phẩm độc hại và các loại hàng hoá khác mà Nhà nước cấm nhập khẩu, xuất khẩu;

- Bay vào khu vực cấm bay; bắn, phóng, thả, đưa qua biên giới quốc gia trên không phương tiện bay, vật thể, các chất gây hại hoặc có nguy cơ gây hại cho quốc phòng, an ninh, kinh tế, sức khoẻ của nhân dân, môi trường, an toàn hàng không và trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới;

- Các hành vi khác vi phạm pháp luật về biên giới quốc gia.

**40. Xin cho biết, việc xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, xuất khẩu, nhập khẩu qua biên giới quốc gia được thực hiện tại cửa khẩu; việc quá cảnh qua biên giới vào lãnh thổ đất liền, vùng biển, vùng trời phải tuân thủ quy định nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 15 Luật Biên giới quốc gia năm 2003, việc xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, xuất khẩu, nhập khẩu qua biên giới quốc gia được thực hiện tại cửa khẩu; việc quá cảnh qua biên giới vào lãnh thổ đất liền, vùng biển, vùng trời phải tuân thủ quy định đi theo các tuyến đường bộ, đường sắt, đường thuỷ nội địa, đường hàng hải, đường hàng không; việc qua lại biên giới của nhân dân trong khu vực biên giới được thực hiện tại cửa khẩu hoặc nơi mở ra cho qua lại biên giới.

Ngoài ra, người, phương tiện, hàng hoá qua lại biên giới quốc gia phải có đầy đủ giấy tờ hợp pháp và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

**41. Theo quy định của pháp luật, tàu thuyền nước ngoài khi thực hiện quyền đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam phải tuân theo quy định nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 18 Luật Biên giới quốc gia năm 2003, tàu thuyền nước ngoài khi thực hiện quyền đi qua không gây hại trong lãnh hải Việt Nam phải tuân theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập; tàu ngầm và các phương tiện đi ngầm khác phải đi nổi và treo cờ quốc tịch.

**42. Xin cho biết, theo quy định của pháp luật, tàu bay được bay qua biên giới quốc gia và vùng trời Việt Nam khi nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 20 Luật Biên giới quốc gia năm 2003, tàu bay chỉ được bay qua biên giới quốc gia và vùng trời Việt Nam sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cho phép, phải tuân thủ sự điều hành, kiểm soát và hướng dẫn của cơ quan quản lý bay Việt Nam, tuân theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

**43. Xin cho biết, trong trường hợp xẩy ra tai nạn, sự cố hoặc vì lý do khách quan khác buộc phải qua biên giới quốc gia mà không thể tuân theo các quy định của Luật Biên giới quốc gia năm 2003 và các quy định khác của pháp luật Việt Nam thì phải xử lý như thế nào theo quy định pháp luật?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 22 Luật Biên giới quốc gia năm 2003, trong trường hợp xẩy ra tai nạn, sự cố hoặc vì lý do khách quan khác buộc phải qua biên giới quốc gia mà không thể tuân theo các quy định của Luật Biên giới quốc gia năm 2003 và các quy định khác của pháp luật Việt Nam thì người điều khiển phương tiện phải thông báo ngay với cảng vụ, cơ quan cứu hộ và cứu nạn quốc gia, cơ quan quản lý bay hoặc cơ quan có thẩm quyền khác của Việt Nam nơi gần nhất và thực hiện theo sự hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

**44. Xin cho biết, đường ranh giới phía ngoài vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền về kinh tế, thềm lục địa được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 140/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/6/2004 quy định chi tiết một số điều của Luật Biên giới quốc gia, đường ranh giới phía ngoài vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền về kinh tế, thềm lục địa được quy định như sau:

- Đường ranh giới phía ngoài vùng tiếp giáp lãnh hải là đường mà mỗi điểm cách đều điểm gần nhất của đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải là 24 hải lý.

- Đường ranh giới phía ngoài vùng đặc quyền về kinh tế là đường mà mỗi điểm cách đều điểm gần nhất của đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải là 200 hải lý.

- Đường ranh giới phía ngoài thềm lục địa là bờ ngoài của rìa lục địa. Nơi nào bờ ngoài của rìa lục địa cách đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải chưa đến 200 hải lý thì ranh giới phía ngoài của thềm lục địa nơi đó mở rộng ra 200 hải lý.

- Ở những nơi vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền về kinh tế, thềm lục địa Việt Nam có liên quan với vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền về kinh tế, thềm lục địa của nước láng giềng,đường ranh giới phía ngoài của các vùng đó được xác định theo Điều ước quốc tế ký kết giữa Việt Nam và nước láng giềng đó.

- Đường ranh giới phía ngoài của vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền về kinh tế, thềm lục địa được xác định, đánh dấu bằng các toạ độ trên hải đồ theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

**45. Theo quy định của Luật biên giới quốc gia hiện hành, mốc quốc giới được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 140/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/6/2004 quy định chi tiết một số điều của Luật Biên giới quốc gia, mốc quốc giới được quy định như sau:

- Mốc quốc giới đượccắm theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế về biên giới đã được ký kết với nước láng giềng để đánh dấu đường biên giới quốc gia trên thực địa vàđược giữ gìn, bảo vệ giữ đúng vị trí, hình dáng, kích thước, ký hiệu, chữ và màu sắc đã được quy định.

- Khi phát hiện hoặc nhận được tin báo mốc quốc giới bị hư hại, bị mất, bị sai lệch vị trí, đồn biên phòng gần nhất phải tiến hành các thủ tục cần thiết để có biện pháp kịp thời xử lý đồng thời thông báo ngay cho cơ quan, đơn vị bảo vệ biên giới nước láng giềng để giải quyết theo thẩm quyền do Hiệp định về biên giới đã ký kết quy định.

- Việc cắm lại,khôi phục, sửa chữa, bảo dưỡng mốc quốc giới thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế đã ký kết với nước láng giềng.

**46. Xin cho biết, theo quy định của Luật biên giới quốc gia hiện hành, việc bố trí dân cư ở khu vực biên giới được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 140/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/6/2004 quy định chi tiết một số điều của Luật Biên giới quốc gia, việc bố trí dân cư ở khu vực biên giới được quy định như sau:

-Bố trí dân cư ở khu vực biên giới được quy hoạch phù hợp với quy hoạch tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội, điều kiện tự nhiên, tính chất và đặc điểm từng vùng, từng dân tộc, từng địa phương; huy động, sử dụng lao động hợp lý để tạo ra của cải vật chất, hàng hoá phục vụ tiêu dùng, xuất khẩu và đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới.

- Nhà nước có chính sách phù hợp để nhân dân định cư ổn định ở khu vực biên giới; khuyến khích những cán bộ công tác lâu dài, người tình nguyện đến định cư ở khu vực biên giới, đặc biệt là nơi khó khăn.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan và Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có biên giới quốc gia nghiên cứu xây dựng quy hoạch, bố trí dân cư ở khu vực biên giới trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

**47. Xin cho biết ngày Biên phòng toàn dân là ngày nào và bao gồm những nội dung hoạt động gì?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 140/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/6/2004 quy định chi tiết một số điều của Luật Biên giới quốc gia, ngày 03 tháng 3 là Ngày Biên phòng toàn dân được tổ chức thực hiện hàng năm trong phạm vi cả nước. Nội dung hoạt động gồm:

- Giáo dục ý thức pháp luật về biên giới quốc gia, tôn trọng biên giới, chủ quyền lãnh thổ, tinh thần trách nhiệm của các cấp, các ngành, của cán bộ, nhân viên cơ quan, tổ chức, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang và của toàn dân; đặc biệt là cán bộ, nhân viên cơ quan, tổ chức, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang, chính quyền và nhân dân khu vực biên giới trong xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới.

- Huy động các ngành, các địa phương hướng về biên giới, tích cực tham gia xây dựng tiềm lực về mọi mặt ở khu vực biên giới, tạo ra sức mạnh của toàn dân, giúp đỡ Bộ đội biên phòng và các đơn vị khác thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, các cơ quan chức năng ở khu vực biên giới trong xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới.

- Xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định lâu dài với các nước láng giềng, phối hợp hai bên biên giới trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và phòng, chống tội phạm.

Người đứng đầu các cấp, các ngành, các địa phương có trách nhiệm tổ chức thực hiện Ngày Biên phòng toàn dân theo chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Quốc phòng.

Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng có trách nhiệm tham mưu cho Bộ Quốc phòng chỉ đạo, hướng dẫn các cấp, các ngành, các địa phương tổ chức thực hiện Ngày Biên phòng toàn dân.

**48. Theo quy định của pháp luật, việc giải quyết các vấn đề về biên giới được thực hiện như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 140/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/6/2004 quy định chi tiết một số điều của Luật Biên giới quốc gia, việc giải quyết các vấn đề về biên giới được thực hiện như sau:

- Việc giải quyết vấn đề về biên giới, lãnh thổ liên quan đến nước láng giềng thông qua đàm phán theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Chính phủ.

- Nghiêm cấm việc tự ý thoả thuận sửa đổi đường biên giới quốc gia hoặc làm thay đổi đường biên giới quốc gia.

**49. Theo quy định về biên giới quốc gia, cửa khẩu và các hoạt động tại cửa khẩu cần tuân thủ các quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 140/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/6/2004 quy định chi tiết một số điều của Luật Biên giới quốc gia, cửa khẩu và các hoạt động tại cửa khẩu cần tuân thủ các quy định như sau:

- Việc mở cửa khẩu và nơi mở ra cho qua lại biên giới, nâng cấp cửa khẩu, đóng cửa khẩu; xác định, công bố các tuyến đường bộ, đường sắt, đường thuỷ nội địa, đường hàng hải, đường hàng không cho việc quá cảnh thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế đã được ký kết với nước láng giềng.

- Hoạt động nhập cảnh, xuất cảnh, nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và qua lại biên giới quốc gia của cư dân trong khu vực biên giới tại cửa khẩu thực hiện theo quy chế cửa khẩu do Chính phủ quy định và pháp luật có liên quan.

**50. Xin cho biết, pháp luật quy định như thế nào về kiểm soát và bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 140/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/6/2004 quy định chi tiết một số điều của Luật Biên giới quốc gia, việc kiểm soát và bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu được quy định như sau:

- Tại các cửa khẩu biên giới đường bộ, cửa khẩu đường sắt, cửa khẩu đường thuỷ nội địa, cửa khẩu đường hàng hải (cảng biển), cửa khẩu đường hàng không, các cơ quan chức năng thực hiện việc kiểm soát nhập cảnh, xuất cảnh, nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và qua lại biên giới theo quy định của pháp luật.

+ Tại cửa khẩu biên giới đường bộ, cửa khẩu đường sắt, cửa khẩu đường thuỷ nội địa trong khu vực biên giới, cửa khẩu đường hàng hải (cảng biển), Bộ đội biên phòng chủ trì phối hợp với các lực lượng liên quan để quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong khu vực cửa khẩu.

+ Tại cửa khẩu đường hàng không, cơ quan an ninh của Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan để quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong khu vực cửa khẩu.

- Các cơ quan chức năng quản lý nhà nước tại cửa khẩu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.